

15 THÁNG 10 NĂM 1970

BÁCH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRI cuộc đời cách mạng của Gamal Abdel Nasser *
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM nghệ về phụ nữ Việt-nam *
XUÂN QUANG chữ Hán trong Việt-ngữ * NGUYỄN
HIỂN LÊ « Châu-Á và nền hòa-bình thế-giới » của Trần
Minh Tiết * TRẦN VĂN TÍCH thuốc tây thuốc ta *
LÊ HƯƠNG hiện tượng kỳ bí « Cù dầy » ở miền Nam *
TRẦN HOÀI THƯ điều thuốc cho tình si * TA TỶ trong
vòng tay tưởng nhớ * VŨ HOÀNG CHƯƠNG trước
sau gì * NGUYỄN THỊ VINH mộng du * PHAN PHỤNG
THẠCH tiền người về Huế * BÁCH KHOA hội
chợ Osaka, xã hội Nhật, nhiếp ảnh Nhật.. dưới
mắt Nguyễn Cao Đàm * **SINH HOẠT** thời
sự thế giới * thời
sự khoa học *
thời sự văn nghệ

331





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- *associe* :
- L-LYSINE
 - VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
 - PANTOTHENATE DE CALCIUM
 - GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A

Số 331 ngày 15.10.1970

TỪ TRÌ <i>cuộc đời cách mạng của Gamal Abdel Nasser</i>	05
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM <i>nghĩ về phụ nữ Việt-nam</i>	15
TRẦN VĂN TÍCH <i>thuốc tây thuốc ta</i>	23
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>một tiếng nói của châu Á: «Châu Á và nền hòa bình thế-giới» của Trần Minh Tiết.</i>	33
XUÂN QUANG <i>chữ Hán trong Việt ngữ</i>	39
LÊ HƯƠNG <i>hiện tượng kỳ bí «Cù dật» ở miền Nam.</i>	45
TRẦN HOÀI THƯ <i>điều thuốc cho tình si (truyện)</i>	49
TẠ TỶ <i>trong vòng tay tưởng nhớ (truyện)</i>	55
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>trước sau gì... (thơ)</i>	63
NGUYỄN THỊ VINH <i>mộng du (thơ)</i>	64
PHAN PHỤNG HẠCH <i>tiễn người về Huế (thơ)</i>	64
BÁCH KHOA <i>hội chợ Osaka, xã hội Nhật, nhiếp ảnh Nhật... dưới mắt Nguyễn Cao Đàm (đàm thoại)</i>	65

SINH - HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	76
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	79
TRÀNG THIÊN THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	82

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Hiệu năng, bí quyết thành công trong doanh nghiệp** của Nguyễn - Hiến - Lê, do Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm 10 chương tóm tắt là: Ngày nay thì giờ thì ít, công việc thì nhiều, cho nên ta phải làm việc có hiệu năng (efficiency) nghĩa là: có nhiệt huyết, mạo hiểm, biết suy nghĩ tính toán, biết cách làm việc mà cũng biết nghỉ ngơi, biết dùng người, biết quảng cáo, tiêu tiền mà cũng biết giúp ích nhân loại. Sách viết lời cuốn và thiết thực, rất cần cho lớp người kinh-doanh mới của thời-đại này. Bản đặc biệt. Giá 180đ.

— **Những ngày ở Saigon** tập truyện của Nguyễn-Quốc-Trụ, do Đền-Trăng xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 10 truyện ngắn đặc sắc của tác giả, bìa của Nguyễn Đồng. Giá 140đ.

— **Đêm định mệnh trên tàu Titanic**, nguyên tác của Lord Walter, một trong số những người sống sót trong vụ đắm tàu Titanic; bản dịch của Võ Lang do Sông Mới xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 272 trang. Giá 160đ

— **Vàng bay** tập thơ của A-Khuê Hoàng văn Phúc, in tại Da vàng ấn quán Đa-Năng, do tác giả gửi tặng. Sách dày 40 trang gồm 28 bài thơ in trên giấy hồng và 1 bài thơ do Nguyễn-quang-Tấn phổ-nhạc: «Khi người đến» — Giá 100đ.

— **Rã rời** tập thơ của Trần đình Thái do Cơ sở xuất bản Văn-Hóa ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang, gồm 16 bài thơ của tác giả làm từ 1960 đến 1970... Bản đặc biệt.

— **Thành Cát Tư Hãn** của Nguyễn-Trọng-Khanh do Trí-Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang, nội dung hấp dẫn, hình thức trang nhã. Giá 210đ.

— **Nguồn** Tạp-chí văn-nghệ Quảng-Nam số 1 "viết cho tình yêu" tháng 9-70. Nhóm thực hiện: Đynch Trâm Ca, Lê Nam, Nguyễn Minh Thư, Nguyễn-Tam Phù-Sa, Như Nguyên, Nguyễn Kim Phượng. Thư và bài gửi cho Đynch Trần Sa, Hộp thư lưu trữ Vĩnh-Điện, Quảng-Nam — Mỗi số dày ngót 70 trang gồm: truyện, thơ, truyện dịch và biên khảo đa số của những cây bút trẻ Miền Trung.

— **Suối bùn reo** hay "Mười lăm câu chuyện phụ-nữ" của Thoại-Nguyên và Ngu-Í do Trí Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 150 trang, nội dung rất dễ thương. Bạt của Bà Tùng Long, Phụ lục là những bài báo và thơ đặc biệt của Ngu Í từ 1943 đến nay. Giá 150đ

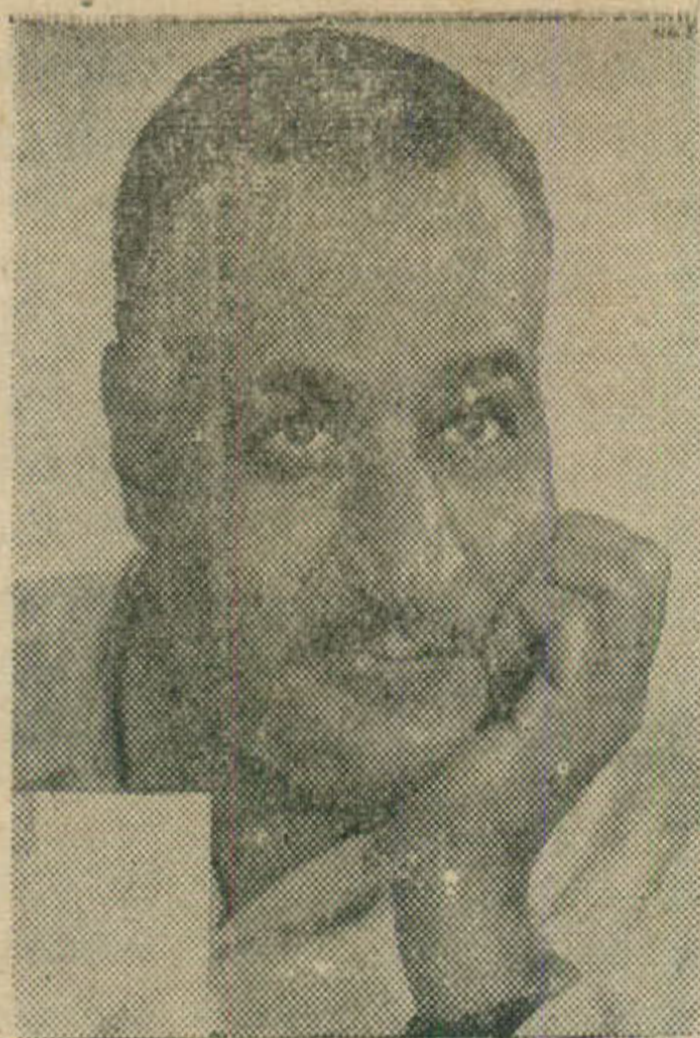
Song ngoại nguyên tác của Quỳnh Dao, một nữ sĩ Trung-Hoa rất nổi tiếng, bản Việt văn của Liêu-Quốc Nhi, do Hàn Thuyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 380 trang. Giá 380đ.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật, Tạp chí Bách-Khoa kỳ này lại ra trễ một hôm và loạt bài «Thăm các nhà xuất bản Sách Thiếu-nhi» của Tân Fong Hiệp phải dành lại cho số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc-giả.

Tòa soạn BÁCH KHOA



Cuộc đời cách-mạng của GAMAL A. NASSER

Năm 1915 lợi dụng cuộc Đệ-nhi thế-chiến, Anh-quốc đã thiết-lập một chính-thể bảo-hộ tại Ai-cập. Nhưng nếu trong giai đoạn này Ai-cập mất quyền độc-lập thì cũng là lúc Gamal Abdel Nasser ra đời, để không những giành lại tự-do cho Ai-cập mà còn đưa lịch sử nước này vào một giai-đoạn vinh-quang có thể sánh với thời-đại các Pharaons của thượng-cổ-sử.

Thật vậy, Nasser trong suốt cuộc đời của ông, đã tận tụy với Ai-cập. Không một lúc nào ông quên lãng cuộc Cách-mạng mà ông có nhiệm-vụ thực hiện để đưa Ai-cập ra khỏi vòng đói khổ và khỏi qui-chế ô-nhục mà các quốc-gia thực dân Âu-châu đã thiết lập tại nước này từ giữa thế-kỷ thứ 19.

Năm 1952 cuộc Cách-mạng này đã bùng nổ dưới sự lãnh-đạo của Nasser và từ đó Nasser đã ngày đêm hoạt động để kiến tạo một nước Ai-cập tân tiến. Với Nasser, Ai-cập trở thành quốc-gia

đầy uy-tín được cả thế giới tôn trọng nề vì. Với Nasser, Ai-cập đã trở thành cái nôi của phong-trào liên Ả-rập. Để tạo nên những thành quả như vậy Gamal Abdel Nasser đã ngày đêm làm việc khiến 18 năm cầm quyền biến ông thành một người già trước tuổi và ừ thần đã cướp cuộc đời ông khi ông mới 52 tuổi.

Một thanh niên ái quốc

Gamal Abdel Nasser sinh ngày 15-1-1918 tại Alexandrie, con của Abdel Nasser Hussein. Gamal Abdel Nasser thuộc một gia đình dân quê ở miền thượng Ai-cập bên bờ sông Nil. Cha của Gamal chỉ là một nhân viên nhỏ từng sự tại sở Bưu-điện. Ông nội Gamal là một nông dân chất phác. Với một hoàn cảnh như vậy nhiều người khác đã tiếp tục cuộc sống nông thôn bình dị ngày ngày cấy cấy, chân lấm tay bùn. Nhưng Abdel Nasser Hussein là công chức nên phải đi nhiều nơi trong nước vì vậy mà cậu bé Gamal đã có dịp biết rõ đời sống dân chúng hết

vùng này đến vùng khác của Ai-cập. Sau tỉnh Alexandrie, với một xã-hội xa-hoa của thực-dân Âu-châu, Gamal lại theo cha tới một làng Ka haba nhỏ bé đến nỗi không có một cái trường tiểu-học để đón nhận trẻ con. Sự nghèo nàn cơ cực của dân chúng trước cuộc sống phong-lưu giàu có của bọn thực-dân Âu-châu và của các phần tử phong-kiến bản-xứ đã khiến cho cậu bé Gamal uất ức trước những bất-công của xã-hội.

Năm lên 8 tuổi, mồ côi mẹ, Gamal đến ở với chú là Khalil ở Thủ-đô Le Caire. Chú Khalil cũng chỉ là một công-chức nhỏ, nhưng vì ở Thủ-đô nên am tường chuyện chính-trị hơn là ông bố Abdel Nasser Hussein. Tại Le Caire, Gamal đã theo học trường Al Nahassine giành riêng cho các thợ làm đồ đồng. Trường này không những cho Gamal một khái-niệm về giai-cấp cần-lao mà còn làm cho cậu quen thuộc với các vấn-đề tôn giáo vì trường tọa lạc trong một khu đầy chật các Thánh-đường và Viện Đại-học Hồi-giáo. Năm 1935 khi Gamal 15 tuổi thì cha cậu lại được đổi về Le Caire và mượn một gian nhà tại khu bình-dân Koronfish. Càng đổi chỗ ở, Gamal càng thấy dân Ai-cập nghèo nàn, nước Ai-cập bị áp bức và tinh-thần cách-mạng lại càng rào rạt dâng cao. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng Gamal đã hăng say tham gia các cuộc biểu tình chống nhà cầm quyền Anh và đã bị cảnh sát đánh đập nhiều lần. Nhưng dần dần Gamal chán những cuộc biểu tình trẻ con không đi đến đâu, nên cậu đã cố gắng tìm một chính đảng để hoạt động có hiệu-lực hơn. Và cậu gia nhập đảng "Xã-hội áo xanh" của Ahmed Hussein. Nhưng hoạt động trong khuôn khổ của đảng này chỉ là

đề tập sự. Mong của Gamal ngay từ năm 1935 là "hức tình một quốc-gia đang ngủ đề huy động các tiềm-lực còn ẩn nấp trong mỗi người dân". Để làm như vậy Gamal tin rằng cần phải có « một lãnh tụ đề hướng dẫn cuộc đấu tranh của người Ai-cập ». Ngay hồi bấy giờ Nasser đã tỏ ra là có đủ bản lĩnh để trở nên một lãnh-tụ vì ngày 12-11-1935 chính cậu đã hướng dẫn đoàn biểu-tình và bị lính bắn bị thương ở trán.

Năm 18 tuổi Gamal theo học Luật nhưng không thành công. Nhờ có chính-sách bình-dân-hóa của chính phủ nên con của nông dân và của tiểu công-chức có thể thi vào các trường võ-bị. Chán học Luật Gamal chọn ngành binh-nghịệp. Chính tại trường võ-bị mà Gamal Abdel Nasser đã có dịp quen biết với nhiều sinh viên sĩ quan đề sau này chia sẻ những trọng trách của nhà nước.

Năm 1937 Gamal Abdel Nasser tốt nghiệp Thiếu-úy và năm sau được cử đi phục vụ tại vùng Thượng Ai-cập gần quê nhà. Tại đây Gamal trở nên thân thiết với hai người bạn là Zakaria Mohieddine và Anouar El Sadate. Cả ba đã cùng thề với nhau là sẽ « giải phóng Ai-cập ». Sau đó Nasser được đổi sang Soudan và tại đây ông lại có thêm một người bạn đồng hành nữa là Abdel Hakim Amer. Amer và Nasser thân thiết đến nỗi cả hai người sau này trở nên như bóng với hình và Amer nhận làm cha đỡ đầu cho con của Nasser.

Khi Đế-nhị Thế-chiến bùng nổ, Ai-cập là đồng-minh của Anh. Nhưng trong khi nhiều sĩ-quan Ai-cập chủ-trương liên-kết với Đức để chống lại Anh thì Nasser lại tiếp tục cộng-tác với Anh để chống Đức trước đã và

sau đó mới tính chuyện đánh đuổi Anh. Sự tiến triển của Đệ-nhi Thế-chiến đã chứng minh rằng Nasser có lý. Đức thua trận rồi phải đầu hàng và Nasser bắt đầu nghĩ tới chuyện giải phóng Ai-cập khỏi vòng đô-hộ của Anh.

Nhưng ngay sau đó chiến tranh lại bùng nổ ở Palestine. Các người Do-thái thành-lập một Quốc-gia Do-thái. Và quân đội của các quốc gia Ả-rập ồ ạt kéo tới chinh phạt Do-thái. Nasser bị đạn ở ngực và khi vừa khỏi vết thương đã bị quân Do-thái bao vây hàng tháng tại Fallouja. Mặc dầu cố gắng chiến đấu, các quân đội Ả-rập cũng vẫn không thâu lượm được những thành quả mong muốn nên các thỏa - ước đình - chiến đã được ký-kết tại Trung-Đông. Cuộc chiến này dù sao cũng có ích lợi cho Ai-cập vì nó đã cho các sĩ-quan Ai-cập nhận thức được sự yếu kém của Ai-cập. Khi Đại-tá Abdel Aziz gục ngã trong tay Nasser ông đã thề thào nói "Gamal, cuộc chiến đấu thực sự của chúng ta là ở Ai-cập".

Sau trận chiến tranh Palestine các sĩ-quan trẻ của Ai-cập, cảm thấy nhục nhã trước những thất bại của nước mình, nên đồng tình muốn cải-tạo xã-hội Ai-cập bằng cách đuổi người Anh và lật đổ chế độ quân chủ của Quốc-vương Farouk. Lẽ dĩ nhiên là Nasser, lúc đó đã trở thành Trung-tá Nasser, đứng lên hướng dẫn phong trào các sĩ-quan cách-mạng. Nhóm sĩ-quan này đưa tướng Neguib, một vị tướng trẻ đã từng từ chức để phản-đối áp-lực của Anh, lên làm lãnh-tụ phong-trào.

Năm 1952, Nasser mới có 34 tuổi nhưng đã trở thành một nhân-vật cách-mạng có tiếng tại Ai-cập — và đang sửa soạn đóng một vai trò quyết-định trong

đời sống chính-trị Ai-cập. Thời thế đã cho phép Nasser đóng vai trò này. Vùng Soudan bị chính-quyền Anh tách khỏi Ai-cập, dân chúng biểu-tình phản-đối bị đàn áp, lính Anh tàn sát hàng trăm cảnh-sát Ai-cập trong vùng kênh Suez. Thủ-đô Le Caire bốc cháy. Trước những đờ võ của chế-độ, Quốc vương Farouk đưa triều-đình và nội-các ra nghỉ hè ở Alexandrie Nasser quyết định lật đổ chính-phủ, đưa quân đội lên nắm chính quyền vào đêm hôm 22-7-1952. Cuộc đảo chính này nhanh chóng đến nỗi cả vua tôi Farouk đều bàng hoàng. Tổng-trưởng Nội-vụ điện thoại cho tướng Neguib đề ra lệnh cho ông "đẹp tan tụi con nít". Nhưng Neguib được phe cách - mạng đưa ra nắm chính-quyền trong khi Quốc-vương Farouk phải lên một chiếc du thuyền sang trọng để đi về thế-giới sông bạc và hộp đêm của ông ở Monte Carlo. Cuộc Cách-mạng của Nasser bước sang một giai-đoạn mới và từ đó ông đã trở thành một lãnh-tụ mà tham vọng chính là tạo cho Ai-cập một nền kinh-tế trù phú ở bên trong và một uy-tín quốc-tế ở bên ngoài.

Một lãnh tụ đầy tham vọng

Cuộc đời lãnh-tụ của Trung-tá Nasser đã có những bước rất sức khó khăn và ông đã tỏ ra rất khéo léo mới vượt được những trở ngại này. Sự khéo léo của Nasser đã thể-hiện qua nhiều hành động của ông như thả cho Farouk ra ngoại quốc, đưa tướng Neguib ra làm bù nhìn để ông giật giây. Nhưng ông lại không được dân chúng ưa thích. Ông có dáng người cao lớn, có nụ cười đầy sinh-lực, đôi mắt sáng quắc, cường tín, nhưng

nghiêm nghị, không biết khôi hài đùa rỡ, quần chúng do đó ít có cảm tình với ông. Hơn nữa ông còn có những giọng điệu buồn tẻ và dè dặt nên mỗi khi ông kêu gọi dân chúng hy sinh, làm việc tiết kiệm, thì người ta thấy ông trịnh trọng như một nhà giáo. Các sinh viên biểu-tình phản-đối chính-thề quân-phiệt của ông, gán cho ông đủ thứ tên như «Đại tá Jimmy» để tỏ ra ông thân Mỹ, họ phản đối chế-độ của «con một anh phát thư» v.v... Ngay cả tướng Neguib cũng không chịu đóng vai trò quốc-trưởng nữa vì ông muốn trung thành với quan-niệm trao lại quyền-hành cho dân-sự. Nasser lại phải đảo chính lật đổ Neguib để thực hiện cuộc Cách-mạng của ông vào năm 1954.

Ngay sau khi nắm chính-quyền, Nasser đã cho thi hành chính-sách cải-cách điền-địa. Các đại điền-chủ phải chia đất cho nông dân và không được quyền giữ quá 83 mẫu tây. Chính-sách cải cách ruộng đất như vậy chuyển các tư-bản từ ngành canh nông sang ngành kỹ-nghệ vì các đại điền-chủ phải bán đất của mình và đầu-tư vào các hoạt động tân tiến hơn. Trong cuốn «Triết-lý về Cách-mạng»,

Nasser đã nêu rõ những mục-tiêu của cuộc Cách-mạng mà Ai-cập phải thực hiện. Nhưng Nasser biết rằng phát-triển kinh-tế chỉ có những kết quả trong một tương lai rất xa. Phát-triển kinh-tế không phải là một phương-tiện để xây dựng uy-tin cho Ai-cập hay củng cố địa vị cho Nasser. Vì vậy, ngay từ ban đầu Nasser đã áp dụng một chính-sách đối ngoại hết sức hoạt động chính sách đối ngoại cũng còn là một phương-tiện yểm-trợ những nỗ-lực phát-triển ở bên trong.

Ngay từ khi nắm được chính quyền Nasser đã đòi quân-đội Anh phải rút khỏi Ai-cập. Sau nhiều ngày thương thuyết, chính phủ Anh thỏa-thuận rút hết quân vào tháng 7-1956. Sau khi đã kiện-toàn được nền độc-lập quốc-gia, Nasser có đủ uy-lực để cải-tổ đời sống chính-trị ở trong nước. Các đảng phái bị giải tán, các phe đối-lập bị bắt giữ. Năm 1955, Nasser lần đầu tiên xuất hiện trên trường quốc-tế như một lãnh-tụ của thế-giới tại hội-nghị Á-Phi Bandoung. Cùng với Tito, Nehru, Nasser đưa ra một chính-sách «trung-lập có lợi» không liên-kết. Với hội-nghị Bandoung cả hai khối Đông và Tây đều

LÉON TOLSTOI

AN-NA KHA-LÊ-NINH

Danh tác của nhà đại văn hào Nga

do VŨ NGỌC PHAN và VŨ MINH THIỀU dịch

phải cố gắng chiếm được thiện - cảm của Nasser.

Với một uy-tín quốc-tế mới, Nasser còn muốn đóng vai trò lãnh-đạo khối Ả-rập với 80 triệu dân. Để đạt tới mục-tieu này ông quyết - định xây đập Assouan để dẫn nước sông Nil vào các vùng ruộng đất khô. Đồng thời ông cũng yêu cầu Nga và Tiệp-khắc cung cấp vũ-khí để cải-tiến quân-đội Ai-cập. Anh Mỹ không muốn vũ trang quân-đội Ai-cập vì sợ Nasser tấn công Do-thái, nhưng khi Nasser được phe Cộng-sản hứa viện trợ quân-sự thì cả Luân-đôn và Hoa-thịnh-đốn đều nổi giận từ chối không chịu tài trợ việc xây đập Assouan.

Nasser bèn quyết-định quốc-nữu-hoa kinh Suez để lấy tiền xây đập này. Đêm hôm 26-7-1956 ca thế-giới sững sốt trước cảnh-tượng một Nasser cười nói như điên để loan báo cho quốc-dân là từ nay Ai-cập làm chủ kênh Suez. Và đồng thời dân-chúng Ai-cập cũng khám phá ra một lãnh-tự biết knôi-hài biết coi mở và nhất là biết tạo ra nnữnh "phép lạ".

Anh và Pháp phản-ứng lại mạnh mẽ bằng cách cùng với Do-thái đem quân tấn công Ai-cập. Chính thế Nasser đã lung lay nơi đứng lúc đó Nga và Mỹ buộc Anh, Pháp và Do-thái phải ngưng chiến; chính-quyền Nasser thoát khỏi sự sụp đổ gan kê. Nhưng ngay sau đó Nasser lợi-dụng được sự ủng-hộ của Nga Mỹ để biến sự bại trận của mình thành một thắng-lợi ngoại-giao. Ông tự coi mình là lãnh-tự chiến đấu cho thế-giới Ả-rập. Các dân-tộc Ả-rập thần phục ông và coi ông là một vị anh hùng đã giải-phóng họ. Cán-bộ của Nasser được cử đi khắp vùng Trung-Đông để tuyên-truyền cho chủ nghĩa Nasser. Le Caire đón nhận

chính-phủ kháng-chiến Algérie và Ai-cập trở nên một hình-ảnh của Cách-mạng của tiền bộ. Năm 1958 Syrie xin kết hợp với Ai - cập để trở thành một nước Cộng-hòa Ả-rập Thống - nhất. Nasser hy vọng rằng Cộng-hòa Ả-rập Thống-nhất sẽ như vết dầu loang, thu-hút hết các quốc-gia Ả-rập dưới quyền lãnh-đạo của ông. Tham vọng của Nasser đã khiến cho chính các quốc-gia Ả-rập e ngại. Các quốc-gia phong kiến như Irak, Jordanie, Arabie Séoudite cũng kết hợp với nhau để ngăn chặn âm mưu của Nasser. Trước sự chia rẽ của các quốc-gia Ả-rập, Nasser chỉ còn có mỗi yếu-tố để thống-nhất Ả-rập là áp dụng một chính-sách chống Do thái. Nhưng chống Do thái thì lại gặp phải lực lượng vũ trang quá mạnh của nước này. Nasser đành phải dần dần quay trở lại các mục-tieu hoàn toàn Ai-cập mà bỏ bớt các tham-vọng làm lãnh-tự Ả-rập. Chính-sách củ^a Nasser trong 3 năm vừa qua đã tỏ ra thực-tế hơn.

Một chính-khách thực-tế

Hơn 10 năm sau khi thất trận trước Anh, Pháp, Do-thái, Nasser đã có một đường lối ôn-hòa hơn đối với vấn-đề Do-thái. Tuy luôn luôn tuyên bố đánh đuổi Do-thái khỏi Palestine nhưng Nasser đã khéo léo áp dụng một chính-sách « nửa chiến nửa hòa » để làm vừa lòng mọi người. Thỉnh thoảng tấn-công Do-thái để động-viên tinh-thần hy-sinh của dân-chúng Ả-rập, gạt hái sự ủng hộ của họ. Nhưng các cuộc tấn công này hết sức giới-hạn để tránh phản-ứng chắc chắn là mạnh mẽ của Do-thái.

Nhưng tới tháng 6 năm 1967 chính

sách lược chừng này không còn giữ được thăng bằng chính-trị ở Trung-Đông nữa. Tại Syrie các nhà lãnh-đạo mới, muốn cạnh tranh với Nasser trong công cuộc thực hiện Cách-mạng và phục thù Do-thái, đã kích thích dân chúng Ả-rập, tạo nên một tình trạng căng thẳng với Do-thái, khiến Ai-cập bị lôi cuốn theo vào vòng chiến. Lại một lần nữa chiến tranh với Do-thái, lại một lần nữa thảm đạị. Lần này Nasser khó có thể tìm cách biến sự bại trận thành thắng lợi ngoại-giao vì quân đội Do-thái chiếm kênh Suez, chiếm sa-mạc Sinai để bảo-đảm hòa-bình cho họ.

Ngoài ra vì sự chiếm đóng này mà từ trên 3 năm qua, kênh Suez không còn hoạt động được, khiến cho Ai-cập mất một nguồn lợi hết sức quan trọng. Các quốc-gia Ả-rập khác như Syrie và Algérie, tuy luôn luôn kêu gọi chiến tranh với Do-thái, nhưng những nỗ lực quân-sự đều do Ai-cập gánh chịu. Quân phí của Ai-cập đã chiếm gần hết ngân sách quốc-gia nên sự phát triển kinh-tế bị ngừng trệ. Mức sống của dân Ai-cập từ 18 năm qua vẫn còn hết sức thấp

trong khi mức sinh đẻ vẫn rất cao. Tổng-thống Nasser chỉ có thể tiếp tục chính sách hiếu chiến nếu các nước Ả-rập giàu có chịu viện-trợ cho ông. Nhưng những nước sản-xuất dầu hỏa như Lybie, như Arabie Seoudite, nài có phải đối phó với các nhu-cầu trong nước, đã luôn luôn từ chối không gia-tăng viện-trợ cho Ai-cập.

Hơn nữa những mưu-toan làm bá-chủ khối Ả-rập của Nasser đã bị các lãnh-tụ Ả-rập khác đả phá. Syrie sau một thời gian ngắn ngủi ở trong khối Cộng-hòa Ả-rập thống-nhất đã ly-khai để lấy lại tự-do. Từ nhiều năm qua, quân đội Ai-cập và quân đội Arabie Secudite đương đầu với nhau tại Yémen để ủng-hộ một chính-thể cộng-hòa và một chính-thể quân-chủ. Tại Jordanie Quốc-vương Hussein đang dẫn thân vào một cuộc tranh chấp sống chết với các nhóm tỵ nạn gốc Palestine.

(Xem tiếp trang 74)

ĐÓN ĐỌC

SÔNG DON ÊM ĐỀM

của MIKHAIL CHOLOKHOV

Giải Nobel Văn Chương 1965

Bản dịch của VŨ MINH THIỀU

Bán tại : Nhà sách Khai-Trí 62 Lê Lợi Saigon

Nghĩ về

PHỤ - NỮ VIỆT - NAM

Chúng tôi xin mượn mấy lời sau đây của ông A. Pazzi để bắt đầu cho những cảm nghĩ về phụ nữ Việt-nam :

« Nhiều người Việt-nam bảo rằng chính xứ sở họ tồn tại, phát triển cho đến ngày nay là nhờ phần lớn ở sự hy sinh, ở những nỗ lực của các bà mẹ Việt-Nam. Và cái thế hệ của các bà mẹ hy sinh cao cả và âm thầm ấy, cho đến ngày nay vẫn chưa được các sử gia, các nhà văn học nói đến một cách xác thực, đầy đủ. Tuy vậy những người có ý thức rõ về sức mạnh của dân tộc, đều thấy lực lượng phụ nữ đóng một vai trò hết sức quyết định đối với vận mệnh xứ sở. (1)

Những ai đã đọc qua quyển « Người Việt cao quý » của Pazzi, có lẽ đều công nhận rằng ông đã viết một tác phẩm thật đặc sắc. Riêng đối với ông, quả đó là công trình xứng đáng cho một người ngoại quốc có kiến thức, có lý luận và có những nhận xét sâu sắc; lại đã từng sống và bỏ công tìm hiểu một dân tộc trên hai mươi lăm trời. Bởi vậy khi đặt bút viết những giòng trên đây, ông Pazzi đã tỏ ra hiểu rõ giá trị của người phụ nữ Việt-Nam một cách đúng đắn.

Vang bóng một thời

Thật khó có thể quan niệm một xã-hội trong đó vắng bóng đàn bà. Bởi vì đàn bà chính là cái thực tại thứ hai kết hợp

với đàn ông để làm nên xã hội. Nhất cái xã-hội ấy lại là xã-hội Việt-nam, một xã-trải qua một cuộc trường-kỳ kháng chiến hàng ngàn năm chống giặc Tàu, hàng trăm năm đánh đuổi giặc Tây và hơn nửa thế-kỷ chịu cảnh nổi da xáo thịt (Trịnh Nguyễn phân-tranh và hiện nay).

Trong khi đàn ông không ngừng lo việc đánh đuổi xâm-lãng thì đàn bà cũng đã âm-thầm nhảe-nại góp-phần xây-dựng và bảo vệ gia-đình quê-hương. Người đàn ông cần-thiết cho tiền-tuyến bao nhiêu thì người đàn bà lại cần-thiết cho hậu-phương bấy nhiêu. Lắm lúc người đàn bà lại còn phải đảm-đương luôn cái việc « giặc đến nhà đàn bà phải đánh ». Lịch sử nước nhà còn ghi lại những cuộc quật-khởi dũng cảm của bà Trưng, bà Triệu chống quân Tàu và biết bao nữ anh-hùng đã tiếp tay với nam giới đánh đuổi xâm-lãng như cô Đào Huệ, cô Giang, cô Bắc v.v...

Mặt khác, trong một xã-hội nông-nghiệp, người ta cứ tưởng đàn bà chỉ biết lo việc nội trợ, nhưng đàn bà Việt Nam còn đánh giặc. Còn biết dựng nước và sáng-tác nữa. Đoàn thị-Điểm, Hồ-Xuân-Hương, bà Huyện Thanh-Quan, Ngọc Hân công-chúa, Sương-nguyệt-Ánh,...

(1) A. Pazzi, « Per comprendere il Viet-Nam e Vietnamita », Hồng Cúc dịch, « Người Việt cao quý », nxb Cỏ Thơm, Saigon 1965, tr. 71-72.

những cái tên ấy thật là quen thuộc và chẳng mang chút mặc-cảm tự ti nào khi được đặt cạnh các văn-nhân thi-sĩ nam-giới. Và chúng ta hãy lắng nghe điệu Nam-Bình bi thiết đêm đêm vang-vọng trên dòng Hương-Giang kể lại chuyện một nàng công-chúa đã hy-sinh cả cuộc đời xuân-sắc để mở rộng thêm bờ cõi :

« Nước non ngàn dặm ra đi .

Mỗi tình chi !

Mượn màu son phấn

Đền nợ Ô Ly.

Xót thoy vì,

Đương độ xuân thì.

Số lao đao hay là duyên nợ gì ?

Má hồng da tuyết

Cũng như liễu hoa tàn trắng khuyết,

Vàng lộn theo chì.

Khúc ly ca, sao còn mừng tương
nghe gì.

Thấu chim hồng nhận bay đi.

Tình lại lảng,

Hương dương hoa quì.

Dặn một lời Mân Quân :

Như chuyện mà như nguyện

Đặng vai phân,

Vì lợi cho dân,

Tình đem lại mà cần

Đặng cay muôn phần».

Nhưng những tên tuổi nữ giới trên đây quả thật chưa thể nào đại diện hết được cái giá trị của người phụ nữ Việt nam. Sự hy sinh cao cả âm thầm cùng những nỗ lực liên tục và lớn lao của phụ nữ Việt-nam thực sự đã diễn ra triền miên trong cuộc đấu tranh sinh tồn của nòi giống dưới muôn vàn hình thức.

Hẳn chúng ta chưa quên được hình-ảnh những người đàn bà Việt nam « xắn váy quai cồng, thắt lưng bó que » quanh năm đầu tắt mặt tối đề lo cho chồng cho con, chăm sóc việc làng việc họ. Bê bối

như ông Tú Xương mà cũng phải khen :

« Quanh năm buôn bán ở ven sông,

Nuôi nôi năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông »

Còn cụ Yên-Đồ thì sụt sướt kể lẽ khi cụ bà qua đời :

« Nhà cửa rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân chiêu, vì tớ đỡ dần trong mọi việc.

« Bà đi đâu vội bấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buồng quần lá tọa, gât gù tay đũa tay chén, lấy ai kể lẽ chuyện hôm mai.»

Hoặc cụ bà Phan-Bộ-Châu, mang tiếng lấy chồng gần năm mươi năm mà hết gần bốn mươi năm phòng khuê lẻ bóng. Khi chồng bôn ba ở hải-ngoại bị bắt đưa về Nghệ-An, cụ đến thăm vòn-ven được có nửa giờ và chỉ nói mỗi một câu : « Vợ chồng ly biệt nhau hơn 20 năm, nay được một lần gặp thầy trong lòng tôi đã mãn túc lắm rồi. Từ đây về sau, chỉ trông mong cho thầy giữ được lòng xưa, thầy làm những việc gì mặc thầy chớ nghĩ đến vợ con. »

Đó là hình-ảnh người phụ-nữ Việt-Nam mà ông Pazzi đã được chứng-kiến mấy chục năm về trước để ghi lại trong quyển « Người Việt cao-quit » Những hình-ảnh ấy đẹp đến nỗi làm cho người đàn ông Việt-Nam phải luyến-tiết : và người ngoại quốc cũng phải khâm-phục.

**nhưng xấu đi
vì chiến tranh**

Hơn hai mươi lăm năm nay bom đạn cày nát quê-hương. Còn tìm đâu được cái hình-ảnh « xắn váy quai cồng, thắt lưng bó que » trên những cánh đồng xanh bát ngát ? Những thôn nữ má

lúm đồng tiền, tươi-tắn ngày-thơ chỉ còn là những kỷ-niệm nhạt nhòa trong di-vãng.

Các cô gái quê hiện nay đa số phải bỏ ruộng vườn, thôn xóm lên tỉnh tránh bom đạn. Bao nhiêu phụ-nữ ở các vùng mất an ninh đổ về thành-thị tranh sống. Những người mất chồng mất con, không nơi nương tựa, càng ngày càng nhiều. Các nữ công chức, tư chức, thợ thuyền, lao-động và các bà nội-trợ thì đồng lương không đủ nuôi gia-đình. Trong khi đó ngân sách quốc-gia càng ngày càng thâm thủng vì chiến tranh. Và dân chúng thì phải nai lưng ra chịu hết thuế này đến thuế nọ. Đời sống vật-chất thật chưa bao giờ bi thảm như lúc này :

« Có thực mới vực được đạo », quả cồ nhân nói chẳng sai. Khi đói, luân-thường đạo-lý sao mà rẻ rúng đến thế. Cái cảnh đi điếm lúc này, đọc trên báo, thấy nhan nhản và đủ kiểu :

— Gái quê lên tỉnh thất-nghiệp, bơ-vơ bị ú bà dụ-dỗ bán trinh cho ngoại-kiểu.

— Gái « nhảy dù » để kiếm thêm tiền sưu phẩu và chợ búa.

— Những kẻ vô gia-cư, vô nghề-nghệp trong cơn lữ bước đành bán thân nuôi miệng.

— Một số « các cô sở Mỹ » làm thêm nghề phụ...

— Lắm « mệnh phụ phu-nhân » lợi-dụng cái thân xác trời cho để chạy áp-phe.

Nếu phải mô tả cảnh suy-sụp của nữ giới ở miền đất đ. u. thương này, thật là vô cùng. Lớp thi-buồng thả dục vọng, chạy theo đời sống xa hoa đời trụy. Lớp vì nghèo khó mà không giữ được lòng.

Lớp mới lớn thì hết « đợt sống mới » đến « Hippy ».

Những người còn lại đâm ra lo âu cho chính mình và tương-lai của con em mình. Nếu chiến tranh cứ tiếp tục, không biết rồi tương-lai sẽ ra sao. Bởi vì chúng ta không sợ có những kẻ vô luân giữa những người hiền lương cho bằng sợ rồi ra cảnh giết chóc dã man như cơm bữa sẽ làm tê dại cả cảm-xúc và lương-tâm của con người. Đồng thời mức sống quá thấp cũng dễ khiến cho người ta quên hết những điều cao quý. Đề khởi mang tiếng hay bi quan vu-vơ, tôi xin phép thuật lại câu chuyện phóng sự sau đây để hầu quý vị.

Sau tết Mậu-thân được một năm, cô Quý (1) về thăm nhà ở Huế. Vì tình hình mất an-ninh nên một số bà con ở dưới làng lên ngụ tại nhà cô. Trong số đó có gia-đình bác Tám, O Tham, O Thiêm, chị Hồng, chị Thu, chị Loan v.v... Ở nhà được vài hôm cô để ý thấy :

« Chị Hồng, chị Thu giáo viên ấp tân sinh mà ăn mặc rất phong lưu. Hai chị là hai cây tú ắc... Nhiều hôm đi đánh bạc rồi ở luôn nhà người ta. Nghe nói chị có đi « nhảy dù » để kiếm thêm. Bác Tám nói nhỏ vào tai tôi :

— Có rứa mới có tiền ăn tiêu như nước chừ lương tháng hơn ba ngàn đồng thắm thắp chi.

Chị Hồng có 5 con chồng thất nghiệp, có mẹ chồng trông con cho chị. Tự cho mình là người kiếm tiền nuôi gia đình nên ngoài giờ đi làm và đánh bạc chị chỉ nằm. Giao việc nhà cho chồng.

Có hôm đánh bạc thua nổi cáu chị đánh

(1) Nguyễn-thị-Quý, « Một lần thăm Huế sau biến cố », nhật báo Tiếng Nói Dân-Tộc, ngày 30 và 31-10-1969, tr. 4.

lộn với chồn. Bà nội của đám con chị nín thính không dám nhìn mặt con dâu. Bác Tám đi chợ nấu ăn cho ba tôi, cô Tham đem pha mụ Tám ăn bột tiền ghê lắm.

Còn O Tham thì lợi dụng sự tin cần của người chửi bán thuốc bắc « ngày nào hai vợ chồng cũng ăn cắp thuốc đem về chế biến thành những thang thuốc bô bán rất được tiền. Lại còn bảo: «Của người không ăn cũng uổng»...

«Đám tản cư ấy đâu có thương yêu nhau. Cứ vài ba ngày là xảy ra một cuộc cãi cọ. Nguyễn nhân chả có gì. Chỉ cầm nhăm một cái dao, một cái chén, một cái muông. Nói là «cầm nhăm» chứ thật là «cổ ý»... Có dịp là kẻ xấu nhau. Tối lại quy quân quanh chiếu bạc sát phạt nhau không thương tiếc».

Một buổi sáng gia đình vây quanh đám hàng rong, chị Hồng nói với cô Quý :

— « Em hà tiện quá. Về đây cái gì cũng chẻ mắc. Đề tiền làm chi. Ăn cho sướng. Chết hết ăn. Chao, ông bác sĩ Phan, ông được sĩ Long giàu bạc triệu mà chết không có chiếc chiếu bó xác chôn nữa tề. Cuộc đời ni đừng có lo xa, sống ngày mờ hay ngày đó».

Đấy, cái nhân sinh quan bệnh hoạn quái ở của những người sống trong vùng lửa đạn là thế.

Sau đây chúng tôi xin trích thêm một đoạn khác thật súc tích, nói lên cái thảm họa chiến tranh đã làm khô héo bao tâm hồn đang sống trên quê hương:

« Chết chóc, ly tán xảy ra hàng ngày làm cho con người trở thành chai đá. Họ bớt tin Trời Phật, không còn nhớ thuyết «ở hiền gặp lành». Họ sống theo bản năng hơn là theo lương tâm. Ổn nghĩa như

không có trong lòng họ. Chiến tranh cứ tiếp diễn mãi, những cảm tình tốt đẹp trong lòng họ sẽ bị hủy diệt mất. Ngày trước nói chuyện gì họ cũng bắt đầu bằng những câu : « Nói có Trời có Phật .. », « Lay Trời lay Phật... », « Cầu Trời cầu Phật... »

Nghe ai nói những điều bất nhân họ chê: « Nói rứa mà không sợ tội với Trời Phật », nay họ hầu như không hề nhắc tới. Hễ mở miệng là bắt đầu : « Ối cái thời ni mà còn lo ha », « Thời ni không phải như thời trước mà còn bày vẽ ra », « thời ni chuyện đó có chi lạ ». Tôi rất sợ và chán khi biết O Tham và bác Tám đang ngóng đợi cái bưu phiếu lãnh tiền mất tích của hai người con hơn là mong ngày về của họ. Rồi nét mặt vui vẻ của chị Loan mỗi lần trúng áp phe đồ Mỹ. Chỉ như quên sự mất tích của chồng chị bị Việt cộng bắt. Chị mới 25 tuổi và hai con. Dễ sợ nhất là giọng nói và nét mặt bình thản của chị khi kể cho tôi nghe câu chuyện một gia đình gồm hai ông bà già với người con trai độc nhất. Người con trai có vợ và hai con. Chiều 30 Tết người vợ bỗng đưa bé về thăm nhà trước đợi ngày mừng một chồng về rước. Rạng ngày đó, súng nổ thay tiếng pháo, hai ông bà chia áo quần và tiền bạc ra hai tay nải. Hai ông bà hai cái, người con trai một cái và ẵm thêm đứa con. Có lệnh tản cư. Cả gia đình theo mọi người chạy loạn. Lên giữa cầu Bến Ngự, súng nổ rền bốn phía, đạn bay vèo vèo. Người con trai trúng đạn gục chết trên thanh cầu, đứa bé trong tay anh rơi xuống chân. Hai ông bà ngờ ngác nhìn con và cháu một lần cuối, giựt tay nải rồi chạy cho kịp đám người chạy loạn... » (bđd).

Đọc đến đây, chúng ta thấy những người dân tản cư ở Huế quả chỉ còn biết

sống cho hiện tại. Người ta đã mất cả đức-tin ở những gì cao quý, thiêng liêng. Tình cảm trở nên tê dai, què-quặt. Ở trong họ cái chất người đã khô cạn dần. Vì xấp mặt quá gần với cái chết nên họ cảm thấy cần phải sống trước đã. Và vì sự sống trở thành ưu thiết đến cùng cực nên họ đã không ngần ngại sống như những con thú. Những con thú mang bộ mặt người !

Ôi quê hương đau khổ, cảnh rác rưởi nát đâu phải chỉ ở Huế, tang tóc đâu phải chỉ có Huế. Đó là thảm trạng chung trên quê hương đau thương này. Chúng ta cảm thấy, dày vò ray rứt đứng nhìn dân-tộc (một dân-tộc đã từng chiến-thắng, những kẻ xâm-lăng có khuôn mặt lớn-lao nhất trong lịch-sử loài người) đang lún dần xuống hố diệt vong.

Phụ-nữ Việt-Nam từ Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Yên Đờ, Bà Tú Xương, Bà Phan-Bội-Châu đến bác Tá, O Tham, chị Hồng, chị Loan...quả đã đi xuống quá xa, đã xấu đi quá nhiều và đã suy sụp đến bi thảm.

Khi phái yếu bắt đầu nói mạnh

Các bà lão từ lâu vẫn nghĩ rằng công việc của đàn bà là nội-trợ : quét nhà, rửa chén, đi chợ, nấu ăn, dỗ em, cho con bú v.v.. Các hiền-phu cũng nghĩ thế mà lũ quý tử cũng nghĩ thế,

Đối với đàn ông, đàn bà là phái yếu. Đã yếu thì cái gì cũng yếu, kể cả tiếng nói trong xã-hội. Bởi vậy mà suốt bao năm qua ở miền Nam này, người ta ít nghe thấy tiếng nói của phụ-nữ lắm. Trong thực tế, kể cả nhân số và năng-suất phụ nữ là một sức mạnh. Nhưng sức mạnh đã đó chống lại sự suy-sụp của xã-hội một cách yếu ớt. Có lẽ chẳng mấy ai thắc mắc về việc đó khi biết phụ-nữ, nhất là phụ-nữ Á-đông vốn hiền-hòa, thủ-phận, trầm-lặng

và ít muốn khuấy động đời sống xã-hội. Người ta cũng ít thắc mắc khi thấy, dù đứng trước những bất công tày trời, người phụ-nữ Việt-Nam cũng thường cam chịu hơn là tỏ thái-độ đễ kháng.

Vậy mà gần đây bỗng nổ tung một hiện-tượng lạ : Sự xuất hiện-của "Ủy-Ban Phụ-Nữ Đòi Quyền Sống". Nói rằng lạ bởi vì tại sao cái khối thủ phận và trầm lặng khổng-lồ kia lại có thể chuyển động? Cái gì đã làm cho nó chuyển động?

Chúng ta hãy nghe bà Ngô-Bá-Thành, trong buổi ra mắt của Ủy-Ban Phụ-Nữ Đòi Quyền Sống tại hội trường chùa Ấn-Quang chiều ngày 2 tháng 08, lên tiếng :

"Thời chiến tranh ly loạn, cuộc sống đảo điên, ai là người chịu đựng hy sinh nhiều nhất, ai là người đau khổ nhiều nhất, nếu không phải là người phụ nữ?"

Thay chồng nuôi con dại, đứa lớn vừa chết ở chiến trường, đứa kế lại sắp bị động viên. Người mẹ cần cõ với mới tuổi chồng chết, lại phải tiếp tục đem sức tàn mà gầy dựng cho những đứa con còn lại, không kể những trường hợp bi đát của những phụ nữ còn phải tiếp tục nuôi người chồng tàn phế mà chiến tranh đã tàn nhẫn cướp mất của họ một phần thể xác và sự sống.

Phụ nữ đã đau khổ thọ lãnh tất cả ảnh hưởng của bất công phi nghĩa, của bạo tình phi lý trong cái lò sát sinh vĩ đại của cuộc chiến tranh tàn nhẫn đã tước đoạt hết thảy từ quyền sống, từ chén cơm manh áo cho đến giá trị con người.

Đã đến lúc người phụ nữ nhận thức rằng Quyền Sống không phải là một đặc ân, khát vọng Hòa Bình không thể bị kết án, sự sống chết của toàn khối dân tộc không thể do một thiểu số coi nhẹ.

Với nhận thức đó, một số đại diện phụ nữ đã huy động và kết hợp rộng rãi phụ nữ mọi giới thành lập một Ủy Ban Phụ Nữ Đòi Quyền Sống.

A ra cái lý do đã làm cho chuyển động khởi phụ nữ là **sự đau khổ không còn thể chịu nổi**. Bây giờ người phụ nữ không phải chỉ còn cất tiếng, phản kháng mà là gào thét, gào thét được sống, gào thét chấm dứt chiến-tranh và gào thét nguyên-rửa bọm khát máu đang kéo dài chiến-tranh để thủ lợi. Vấn-đề thật là rõ ràng.

Khi người ta đòi cái gì, có nghĩa là cái đó đang thiếu thốn. Nhưng đây lại là một sự thiếu-thốn thực quá sức tưởng-tượng. (Đối với những người có lương tri ở trên mặt đất). Ai chẳng biết đã sinh ra làm người là có quyền sống kể từ phút đó. Sống là một quyền tự nhiên (loi naturel). Không ai được phép xâm-phạm quyền sống của con người. Vậy mà có một nơi ở trên mặt đất này, con người đang đòi được sống. Bởi vì ở đây con người đã bị tiêu-diệt, đang bị tiêu-diệt và sẽ bị đe dọa tiêu-diệt cho đến hết.

Sống như đang hấp-hối. Sống mà quyền sống về vật-chất cũng như tinh-thần bị bóc-lột xơ-xác. Sống mà như đã chết rồi. Bởi vậy dưới cơn mưa của bom đạn, hận-thù, bóc-lột, thối-nát và tàn-bạo, người sinh viên Việt-Nam, rồi người thương-phế-binh Việt-Nam và nay đến người phụ-nữ Việt-Nam phải cất tiếng gào thét đòi quyền sống.

Trước đây mấy năm, người ta thấy xuất hiện những tổ chức như "Hội bảo vệ nhân phẩm phụ nữ", "Hội bảo vệ văn hóa dân tộc", "Hội bảo vệ luân lý" v.v.... Nhưng nay, trước sự phá sản tinh-thần và khánh tận kinh tế đến độ cùng cực, người phụ nữ thấy cần phải có

thái-độ mạnh-mẽ hơn. Bà Chủ-tịch Ủy-ban Đòi Quyền Sống đã đặt câu hỏi rằng trước tình-trạng bi-đát, chiến-cuộc cứ lan tràn, giết-chóc mãi tiếp tục xảy ra trong khi trăm ngàn thứ thuế cứ đồ xống đầu dân chúng, chính-phủ đã có nghĩ đến giải-pháp nào gọi là nâng đỡ chị em công-nhân lao-động, công-nhi quả-phụ một cách thiết-thực hay chưa? Có một đoàn thể chính-trị nào ở cái xứ này đã lưu-tâm đến vấn-đề đó chưa?

Câu hỏi mà chúng ta vừa được nghe đồng thời cũng văng-vẳng một câu trả lời: Đã đến lúc đòi quyền sống.

Chúng tôi thiên nghĩ có lẽ qui-vị có trách nhiệm chấn dất dân-chúng ở đây đều hiểu rằng khi mà người dân đòi quyền sống, tức là họ chưa được sống, nhất là sống cho ra con người. Đòi quyền sống chính là do bản năng tự tồn của con người trước họa diệt-vong. Phải đòi quyền sống vì không còn có thể chịu-đựng nổi sự tàn-phá thâm-thảm của chiến-tranh. Bao lâu còn chiến-tranh thì mạng sống của chính mình, chồng con mình, thân-quyển mình còn bị đe dọa. Phải chấm-dứt chiến-tranh để được sống.

Cho nên khi quần chúng bắt đầu tranh đấu đòi quyền sống, có nghĩa là họ đang tiến đến chỗ đòi thực-hiện hòa-bình cho kỳ được.

Khi viết đến những dòng này, chúng tôi đọc thấy trên các nhật-báo Thủ-đô ra ngày hôm nay đều có loan rằng: «Một phái-đoàn Các Bà Mẹ Việt-Nam gồm sáu người phối hợp với Ủy-Ban Bảo-Vệ Đòi Quyền Sống Phụ-Nữ Việt-Nam do bà Ngô-Bá-Thành hướng dẫn đã mở cuộc xuống đường kéo tới tòa đại-sứ Mỹ sáng nay 28-8 yêu cầu được

tiếp xúc với Phó Tổng Thống Agnew để trao một bức thư đòi hỏi chính-phủ Hoa-Kỳ phải cải tổ toàn-diện chế độ lao tù Việt-Nam mà Hoa-Kỳ đã yểm trợ ».

Vậy là phái yếu đã bắt đầu làm mạnh và sự kiện đó dĩ nhiên còn trầm-trọng hơn là những lời tuyên-bố quyết-lệ. Trong tương-lai, chắc-chắn Ủy-ban BVĐQSPN sẽ còn hoạt-động nhiều nữa nhằm thực-hiện mục-tiêu đã vạch và kết-quả ra sao còn tùy thuộc vào tình-hình chung ở trong và ngoài nước.

Riêng chúng tôi, đã mở đầu bài này bằng mấy lời của ông Pazzi, nay lại một lần nữa chúng tôi xin phép được đóng lại bằng những lời nhận xét của ông Pazzi về phụ-nữ Việt-Nam Bởi vì thiên nghi, ông là một người ngoại quốc nhưng biết yêu người Việt-Nam và hiểu rõ giá-trị của người Việt-Nam còn hơn nhiều chính-khách Việt-Nam ở xứ này :

« Các vị vua chúa trong lịch-sử Việt muốn đất nước được phồn thịnh lâu dài đều rất quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ như đời Hồng Đức, và các nhà cách mạng lớn của nước Việt Nam đều tìm mọi cách nâng cao tư tưởng phụ nữ, giải thoát những dây ràng buộc vô lý đối với cuộc sống tinh thần của họ, để họ có thể đóng góp một cách xứng đáng cho sự nghiệp chung. Quả có như vậy, nếu không lưu ý thiết thực đến những quyền lợi chính đáng của người phụ nữ thì không một chế độ nào có thể cải thiện thực trạng xã hội được cả, và không một chế độ nào có thể tồn tại lâu dài » (1)

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

Phanrang 29.-VIII.-70

(1) A. Pezzi, sđd, tr. 72-73

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC..

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCOP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt-san **BÁCH-KHOA**

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3300 đ.
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ.
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ.

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chi Bách - Khoa :
160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539

Thuốc tây thuốc ta

Bà o-chế, phục dược.

Đông-Y dùng thuốc có thể đề nguyên vị thực-vật, động-vật hoặc khoáng-vật.

Nhưng giá-trị động và thực-vật, nhất là động-vật sống tự-nhiên và cây cỏ mọc hoang, thay đổi tùy theo nhiều yếu-tố: tính-chất đất của nơi cây mọc, điều-kiện thời-tiết, thời-kỳ thu hái.

Ảnh hưởng của đất, tuy vậy, cũng ít quan trọng đối với cây mọc hoang, vì thường cây hoang chỉ mọc khoẻ và phát-triển ở nơi nào thích-hợp. Cây cỏ sừa lớn lá và nhỏ lá chỉ mọc ở khe sân gạch, khe nứt của xi măng hay trên khe đá đường tàu hoả: cây cà độc dược mọc hoang tự biết định-cư ở nơi đất có nhiều ni-tơ (mùn) để tăng trưởng xum xuê.

Trái lại, do các yếu tố khí-hậu, cho nên một số cây chỉ mọc ở từng khu-vực nhất-định trên thế-giới: cây nho ở ôn-đới, cây chuối, thơm, mít ở nhiệt-đới. Lẽ dĩ nhiên một cây có thể được huấn luyện để chịu một thủy-thò mới nhưng tính-chất chắc-chắn sẽ thay đổi, ví như cây đào, mận ở nước ta rất nhỏ, ở Trung Hoa rất lớn; nhựa cây gai dầu ở các nước nhiệt-đới có tính-chất làm thuốc, nhưng cây gai dầu (*Cannabis sativa*) mọc ở những quốc-gia hàn-đới rất khoẻ, rất to, nhưng cái dùng kéo sợi được thôi, không có công-năng chữa bệnh.

Tại cùng một vùng, một nước, sự thay-đổi thời-tiết hằng năm cũng ảnh

hưởng tới hiệu-xuất và giá-trị của vị thuốc. Dược-liệu thu-hoạch vào một năm nóng và khô vào một năm nóng và ẩm hay vào một năm lạnh và ẩm lẽ dĩ nhiên rất khác nhau. Lá cà độc dược mọc ở chỗ dãi nắng nhiều alcaloid hơn ở nơi khuất; lá digitalis hái cùng ở một địa-điểm, hai năm khác nhau có tác-dụng khác nhau; cây *Artemisia maritima* ở nhiều nơi không có santonin, mọc ở vùng Caucase, có tỷ-lệ santonin lên tới 1,5 và 2,3%. Ở nước ta, ai cũng biết quế Thanh-hoá tốt hơn quế các tỉnh khác.

Công-tác thu-hái các bộ-phận cây thuốc cũng phải tiến-hành đúng mùa, đúng thời, đúng tiết, vào lúc cây chứa nhiều hoạt-chất nhất. Thần-Nông bản-thảo đã quy-định Ma-hoàng phải hái vào giữa tiết lập-thu, thân còn hơi xanh, và bỏ các mẫu, đốt, quả. Khoa-học hiện nay đã chứng-minh rằng đốt, quả chứa rất ít alcaloid, quăng thân giữa mẫu nhiều alcaloid nhất. Mùa xuân hạ, tỷ-lệ alcaloid cũng bị giảm rất nhiều. Đông-y thường hái những bộ-phận cây ở trên mặt đất vào sáng sớm để lấy cả tinh-khí của trời đất lúc mới rạng-đông. Nhưng vị-ri trên cây và thời-kỳ phát-triển của hoa lá cũng rất ảnh-hưởng tới hành-phần hoá-học và công-dụng. Ví như lá chè càng già càng chứa ít tanin và cafêin. Vào cuối thu, rễ và thân rễ tích-trữ nhiều chất bổ để chịu đựng qua mùa đông và thường chứa nhiều hoạt-chất.

Vào mùa xuân, thành-phần rễ và thân rễ thay-đổi vì chất dự-trữ đang biến thành chất nuôi cây. Cho nên tùy từng loại cây, y-học cổ-truyền thường quy-định hái vào cuối thu hay đầu xuân.

Dược-liệu thu hái xong thường được Đông-Y chế-biến để bảo-quản hay xử-dụng — bằng lửa, bằng nước, hoặc bằng cả lửa lẫn nước.

Chế bằng lửa thì có cách *nung* dược-vật trực-tiếp với lửa; cách *lùi* vào lửa những chất dược: gói bằng giấy ướt, lá tươi; cách *sao* thuốc (sao vàng hoặc đen) trong nồi đất, trong chảo; cách *nuông* trên lửa sau khi đã tẩm mật ong, mỡ, dầu, giấm; cách *hơ*, *sấy* trên lửa nhỏ hoặc trên than lửa cho khô giòn thuốc.

Chế bằng nước thì Đông-Y dùng các phương-pháp *rửa* để tẩy sạch loại bỏ các chất không cần thiết, *tẩm* vào thuốc các thứ như giấm, rượu, nước vo gạo, nước tiểu để hoặc tăng hiệu lực hoặc giảm độc-tính của thuốc; *chần* tức là giội nước sôi hoặc nhúng nhanh vào nước sôi cho bong vỏ; *thủy phi* các thứ thuốc tán nhỏ, để lắng cặn, chắt bỏ nước, lấy thuốc đọng ở dưới...

Chế bằng lửa lẫn nước thì có cách *chưng*, chẳng hạn hấp thuốc trong nồi nước sôi (chưng cách thủy); *cất* tức là đun thuốc trong nồi nước hừng hơi nước bốc lên để dùng, như cất rượu; *sắc* nghĩa là dùng nước nấu thuốc cho cạn $\frac{2}{3}$ hoặc $\frac{5}{4}$ thuốc. Sắc thuốc là phương-pháp thông-dụng nhất của Đông Y, và mỗi thang thường sắc ba lần. Sắc thuốc tuy có nhiều ưu-điểm, nhưng cũng có vài khuyết-điểm, nhất là tinh-dầu trong các vị thuốc như đại-hồi, đinh-hương, trần-bì bị bay gần hết; đồng thời, một số thuốc rất khó ngấm đến trong như phục-linh; và cuối cùng, một số thuốc sắc xong, bã còn chứa nhiều

hoạt-chất như cam-thảo, cát-cánh, bỏ đi có phần phí-phạm.

Và lại những lối bào-chế này, mà Đông-Y áp-dụng cho các dược-liệu dược-thảo thu-hái bảo-quản theo các phương-pháp cổ-điển, thường khi có thể ảnh-hưởng rất lớn-lao vào tích-h-ãng công-dụng và hiệu-lực của thuốc, đặc-biệt những vị thuốc mạnh, đ...

Trên một bình-diện khác, khi Đông-Y khử, sao vị Tử hà xa là có lẽ đã đi cùng đường với phương-pháp Filatov, vì cả đi bên, hoặc dùng nhiệt-năng, hoặc dùng naphth-cánh đều có chung mục-đích ép tế-bào nhả tiết các biôstimulin, được sản-xuất trong khi tế-bào đấu tranh chống lại điều-kiện bất-lợi.

Lại còn phải kể đến sự kiện đối với một số thuốc, kinh-nghiệm sao tẩm và tập-quán sử-dụng có thể khác nhau tùy địa-phương, tùy lương-y. Chẳng hạn, trong Trung-Y, thực-địa có vùng ở Trung-Hoa dùng rượu chưng gọi là tửu thực-địa-hoàng (thực-địa rượu), có nơi không dùng rượu chưng, tức là chưng thực-địa hoàng (thực-địa chưng). Về công việc, kỹ-thuật, phương-thức sao tẩm, thời-gian ngâm, thời-gian sao, điều-kiện thiết-bị thường không được Đông-Y ấn-định rõ-ràng, chính-xác, không được dược-thư ghi-chú cụ-thể, minh-bạch, mà chỉ nêu những nguyên-tắc cơ-bản về sao tẩm, những yêu-cầu đại-lược về bào-chế: chẳng hạn đối với phụ-tử, bán-hạ, thiên-nam-tinh, chỉ đề-nghị ngâm tới khi nếm không còn thấy cảm-giác tê cay là được. Trong những điều-kiện điều-chế như vậy, dĩ-nhiên, tinh-cách bảo-đảm về vị thuốc, khí thuốc phải không thể nào có thể được xem là tuyệt-đối.

Nói tóm lại, giá-trị dược-lý của cỏ-được thay đổi tùy theo rất nhiều yếu-tố, những yếu-tố này ảnh-hưởng lắm khi rất nặng-nề vào hàm-lượng các tinh-chất và hoạt-chất của từng cây thuốc vị thuốc.

Sở-đoán này của Đông-Y là sở-trường của Tây-Y. Cho nên, trong khi Đông-Y dùng toàn cây thuốc, toàn vị thuốc, thì Tây-Y chú tâm nghiên-cứu, phân-tích, để tìm ra tinh chất hoạt-chất đặc-dụng của từng vị thuốc. Ma-hoàng của Đông-Y tương-ứng với êphêdrin của Tây-Y, Đại-hoàng của cỏ-được là anthraquinon của tân-dược. Nhưng 1 ctg êphêdrin clorhydrat có thể tương-đương với 1 ly, 1 phân, 1 đồng cân hay có khi một lượng Ma hoàng!

Tìm ra được hoạt-chất, tinh-chất, Tây-Y chỉ cần thử-nghiệm hoạt-chất, tinh chất trên động-vật là qui-định được liều-lượng vô-cùng chính-xác. Cũng với biện-pháp này, Tây-Y đã chứng-minh rằng vị ô-đầu nào cũng độc, mà có loại *Aconitum* rất độc, có loại ít độc, có loại không độc. Cho nên, chỉ có loại *Aconitum napellus* được nhiều nước dùng làm thuốc và được quy-ước quốc-tế Bruxelles chính-thức công-nhận là dược-liệu. *Aconitum napellus* tương-ứng với vị Au ô-đầu của Trung-Y.

Nhưng phân-tích đành rằng có lợi, thì cũng lại có bất-lợi. Bởi vì một vị Đông-dược nào đấy, không phải chỉ có một hay hai hoạt-chất, và hoạt-chất hoặc vài hoạt chất mà tân-dược đã tinh-chế, trích-khai, nhiều khi có thể là chất chính-yếu, nhưng cũng rất có thể chỉ là chất phụ, là tá-chất trong thành-phần rất phức-tạp của toàn vị thuốc.

Nếu trên địa-hạt bào-chế, đã thấy có sự ưu-thắng tương-đối của Tây-Y, thì về lẽ-lối phục-dược, phải công-nhận rằng

Tây-Y có rất nhiều lợi-điểm hơn Đông-Y. Bởi lẽ nền y-lý cổ-truyền hầu như chỉ dùng một lối phục-dược duy-nhất là — uống y-lý Đông phương cũng dùng các phương-pháp xông, tắm, xoa nhưng đây chỉ là những phương-pháp thứ-yếu — trong khi nền tân-dược có không biết bao nhiêu là dạng thuốc và đường dùng thuốc: cao, cồn, bột, xirô, thuốc mỡ, thuốc sắc, phiến, viên, dung-dịch tiêm; và, dung-dịch chất phóng-xạ, bào-chế cô lạnh, iôn-di trong những năm gần đây (1). Mà tiêm thì cũng có nhiều cách, nhiều đường để tiêm: tiêm thị, tiêm mạch, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm vào màng, tiêm vào tim, tiêm vào bụng... Những phương-pháp đa-dạng này giúp Tây-Y đối-phó và chế-ngự được rất nhiều trường-hợp hoặ: khẩn cấp, hoặc trầm-trọng mà đường miệng không đủ nhanh và hữu-hiệu. Và lại, không phải lúc nào bệnh-nhân cũng uống được thuốc, chẳng hạn khi ói mửa hay hôn mê.

Cũng trong phạm-vi phục-dược, hai nền y-lý lại có một điểm tương-đồng: Đông và Tây đều xử-dụng phức-phương trong khi trị-liệu. Thoạt nhìn qua, có người cho rằng chỉ Đông-Y mới thường dùng phức-phương, bởi lẽ một phương-tế cổ-truyền luôn luôn quy-tụ nhiều dược-liệu, phân-phối theo quân thần tá-sứ. Thang thuốc của cụ Lãn Ông trên

(1) Iôn-di là phương-pháp đưa thuốc vào cơ-thể qua làn da còn nguyên-lạnh. Nguyên-tắc là dùng một dòng điện galvanic, đặt cực điện vào mặt da, dưới cực điện là một miếng băng gạc tẩm dung-dịch thuốc. Tùy theo loại thuốc mà đặt ở cực âm hay cực dương. Sinh-tổ B1 và C, Penicilline, chẳng hạn được đặt ở cực âm. Streptomycine ở cực dương. Thuốc qua lớp thượng-bì, vào mao quản và mạch bạch-huyết rồi được phân-phối đi khắp cơ-thể.

kia ít nhất cũng có năm vị, lấy thực-địa làm quân, đương-quy làm thần, xuyên-khung làm tá, ngưu-tất làm sứ. Ngoài ra cụ còn cho sao thuốc với đồng niệu để gáng hoá, tức là dùng một phương-thức tầm sao bào chế đặc-biệt để tăng thêm hiệu-năng của phương tễ. Đối với nền y-học hiện-đại, thì khi viết một toa thuốc, y-sĩ tây-học cũng luôn luôn phân-định thuốc chính, thuốc phụ, thuốc trị-liệu căn bệnh, thuốc nâng-đỡ tổng-rạng.. Không ai chữa lao với một độc vị Streptomycine. Trái lại, luôn luôn phải phối-hợp với các thuốc kháng lao khác, cũng như không thể quên sử-dụng đồng-thời các thuốc bổ-dưỡng. Và chẳng, mọi biệt-dược của Tây-Y hầu như luôn luôn gồm hai hoặc nhiều vị thuốc trong công-thức bào chế: chỉ cần xem công-thức một chai thuốc ho bán trên thị-trường đủ thấy rõ-ràng. Cho nên, không những chính Tây-Y cũng thường dùng phức-phương, mà còn dùng phương tễ phức-tạp hơn cả Đông-Y nữa.

Nguyên-tắc trị-liệu.

Đối với tất cả những bệnh-tật đe-dọa sinh-mệnh con người, Đông-Y thường nhấn mạnh học-thuyết "thiên nhân hợp nhất" trong chiều hướng đề cao ảnh-hưởng hỗ-tương giữa cơ thể với ngoại giới. Đông-Y cho rằng sự biến hóa của khí-hậu hằng năm, tùy từng mùa, tùy từng lúc, có liên-hệ đến cơ-năng sinh-lý trong thân-thể con người mà bệnh-tật xảy ra phần nhiều là do thời-tiết trái thường gây nên. Do đó, đối với sự phát-sinh bệnh-tật, Đông-Y lấy khí-hậu bốn mùa làm ngoại-nhân, lấy sức khỏe bị giảm sút làm nội nhân, đề ra hai mặt chính và tà. Chính là đại-biểu cho thể-lực bao trùm hết thấy các nhân-tố vật-chất có lợi cho sự sống còn của

sinh-mệnh như khí, huyết, tân-dịch... Tà là đại-biểu cho khí hậu bất-thường của tự-nhiên-giới như phong, hàn, thử, thấp. Hai nhân-tố chính và tà tuy đối-đối không thể song song tồn-tại được. Chính khí chiến-hăng được tà khí của người sung sức mạnh khỏe, tà khí chiến thắng được chính-khí thì sinh ra đau ốm gây mòn. Cho nên đối với trị-pháp Đông-Y rất đề cao nguyên-tắc "khử tà đề phù chính" hoặc "phù chính đề khử tà", nhằm đạt cho được mục-tiêu đuổi tà đi, đề cho yên chính (tà khử tắc chính yên). Bởi chính là nhân-tố chủ-yếu, liên-hệ mật-thiết và thống-nhất với cá-nhân người bệnh, cho nên dùng thuốc trong bất cứ trường hợp nào cũng luôn luôn phù chính, tức là nâng-đỡ sức tự-vệ, sức đề-kháng, tính miễn-dịch của cơ-thể hiểu theo Tây-Y. Xuất-phát từ và căn-cứ vào những lý-luận đó, tiên-nhân luận bệnh thường lấy tính-chất của khí-hậu, tính-chất của cơ-thể, và tính-chất của nội-tạng làm cơ-sở, dựa vào sự biến-động trên bề-chất bệnh-nhân để xét-đoán, đề ra phương-thức trị-liệu một cách toàn diện, chứ không chủ-trương cục-bộ. Vì thế về mặt chữa bệnh, phải tìm cho ra nguyên-nhân bệnh mà chữa là chính kể đó mới tùy từng chứng để châm-chước sau. Bởi vậy, trong y-án đan-cử ở đầu bài này, Lão Ông đã, một mặt đi tìm chủ-điểm của bệnh căn, tức là chân âm thủy kiệt, để nhắm đúng vào mấu-chốt ấy mà dùng thuốc; mặt khác, cắt nghĩa tương-quan mật-thiết giữa cơ-thể nữ bệnh-nhân và vòng tuần-hoàn của vũ-trụ, chứng-minh vì sao đến đêm bệnh nhức đầu của thân-chủ mình lại thuyên-giảm. Hơn nữa, tuy áp-dụng cổ-phương nhưng Cụ vẫn vận-dụng lý-luận chính-

xá: đồng-thời kết-hợp với thực-tiền lâm-sàng đề ấn-ịnh phương tễ. Cùng chung một quan-niệm ấy, một đại-diện của Trung-Y, Trần-Tu-Viên cũng đã nói: "Muôn vật muôn loài trong vũ-trụ, không ngoài phạm-vi ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, mà phép-tắc chữa bệnh cũng chỉ trong ngũ tạng tâm can tỳ phế thận.. Về phương thuốc, không quý ở chỗ nhiều, mà chính quý ở chỗ bết gia giảm."

Vì luôn luôn đứng ở quan-điểm toàn diện, tổng-hợp cho nên Đông-Y dụng được chỉ nói khái-quát thẳng giáng pù trăm.. đề chỉ công-năng của thuốc, mà nếu có đi sâu vào từng cơ-quan bộ-phận theo thuyết quy kinh thì cũng không hề vượt quá ranh-giới phân-chia tạng phủ.

Về điểm này, phép dùng thuốc của Tây-Y hoàn-toàn đối-lập với Đông-Y. Trong cả hai bệnh-án tân y-học được trình bày trên kia, y-thuật Tây-phương khi dùng thuốc, đều nhắm vào siêu vi-trùng hoặc vi-trùng gây bệnh. Trong thực-tiền trị-liệu hằng ngày, lẽ-lối hướng vào vi-trùng, vi-mô này rất được Tây-Y trọng dụng. Vì lẽ ấy, Tây - Y vạch rõ tác-dụng của từng vị thuốc không những trên bộ máy, cơ-quan, bộ-phận, tổ-chức, tế-bào mà còn đi xa và đi sâu hơn nữa, nhắm vào một thành-phần của tế - bào, một chất men của tế-bào, một phân - tử, một siêu phân-tử một nguyên - tử... Trong khi Đông-Y cho rằng con người là một tiểu vũ-trụ rong đại can-khôn, muốn đồng-hóa và luôn chiêm-nghiệm cơ-thể với và trong bối-cảnh thiên-nhiên ngoại-giới thì Tây-Y, ngược lại, quan-niệm — quan-niệm lại thì đúng hơn, vì cách đây chỉ chừng vài mươi năm

Tây-Y quan-niệm khác — trên cơ-sở phân tử những vấn-đề bệnh-lý mà trước đây y-giới hiện-đại quen quan-niệm trên cơ-sở cơ-quan, bộ-phận hay tế-bào. Tây-Y ngày nay cho rằng mỗi khi có một sự thay-đổi trong môi-trường sống (thay-đổi vật-lý, hóa-học, sinh-học) là xuất hiện một loạt phản-ứng dây chuyền, khởi đầu ở mức độ phân-tử, sau đó đến mức-độ phức-tạp hơn và rộng lớn hơn, đến thay đổi prôtêin và gây tổn-thương, tổn thương trước hết ở mức siêu-cấu-tạo rồi sau mới đến tổn-thương bệnh lý tổ-chức-học. Nói dân-dị hơn, Tây-Y chủ-trương quá-trình bệnh-lý thường khởi đầu ở mức bệnh-lý phân-tử và siêu-phân - tử (1). Phân - tử sinh-vật-học cũng như phân-tử nói chung không còn là đơn-vị nhỏ nhất, mà ngay cả nguyên-tử cũng không còn là đơn-vị cuối-cùng mọi người đều biết nguyên-tử không phải là không phân-chia được (2), bởi nguyên-tử chính là một đám mây điện-tử chuyển vận quanh hạt nhân.

Tóm lại, một đấng y-lý cổ-truyền trị-liệu con người toàn-diện, tổng-hợp bất-phân; một đấng y-lý hiện-đại chữa bệnh ngay tại vi-mô, phân-tử, nguyên-tử. Nhưng cả hai nền y-thuật đều cùng nhắm vào gốc của bệnh (3) và cả hai cũng không bao giờ quên ảnh-hưởng ngoại-với chi-phối tiến-trình của bệnh trên cơ-thể. Thực ra, chẳng phải Tây-Y chỉ biết mò mắt mỗi khi bệnh-nhân đau mắt: trái lại, Tây-Y vẫn mò-ả rất nhiều

(1) Szent-Gyorgyi.— Introduction to submolecular biology W.Saunders. New-York. Toronto. 1965.

(2) Nguyên-tử tiếng Pháp là atome, có nghĩa là không phân-chia được.

(3) Hải-Thượng Lãn-Ông: "Trị bệnh cần nắm được cái gốc".

bệnh-tật tổng-quát mà triệu-chứng ở nhân-cầu chỉ là những biểu-thị hần-nhiên (pathologie générale ayant des incidences oculaires). Và Tây-Y chỉ mổ mắt; những khi nào thấy rằng mắt.. cần và đáng mổ !

Chủ-trương chữa gốc ấy — Đông-Y gọi là *trị bản* — là một nguyên-tắc tiêu bản trong quy-luật dụng dược. Danh-từ bản của Đông Y tổng hợp tất cả nhân-tổ tạo thành bệnh tật. Nếu không trị bệnh theo bản, bệnh sẽ diễn-biến rất phức-tạp, khiến có khi nhấm vào triệu-chứng, có thể tưởng là bệnh-nhân đã khỏi hoặc đã giảm, nhưng một thời-gian sau, tật bệnh lại tái phát, với những hiện-tượng bệnh-lý đôi khi khác hẳn lúc sơ-nhiễm, vì bản chưa trừ được. Nhưng gốc đã trọng thì ngọn cũng chẳng thể khiech. Cho nên đối với tiêu cũng không được coi nhẹ, vì bản là bệnh tà mà tiêu là triệu chứng. Bệnh-tật biến-hóa, theo Đông-y, đều không ra ngoài tiêu và bản, nên thầy thuốc đương nhiên phải nắm vững nguyên - tắc trị bản, và trị tiêu. Thường thì trị - bản là chủ yếu, nhưng cũng có những trường hợp gặp tiêu chứng ở địa-vị quan trọng thì nên dùng phương-pháp trị-tiêu trước đã. Có nên, về khía cạnh tiêu bản, lương y phải nắm vững bệnh trước bệnh sau, bệnh hoãn bệnh cấp mà linh-hoạt vận dụng, sáng suốt đối phó : tiêu cấp hơn bản thì trị tiêu trước, bản cấp hơn tiêu thì trị bản trước, tiêu bản đều cấp thì trị cả bản lẫn tiêu. Người đồng-nhiệp già của Cụ Lân Ông vì chỉ chữa ngọn nên đã không thành-công đối với người nữ goá-phụ. Dem so-sánh với phương - thức dụng dược của Tây-Y, chúng ta thấy rằng *trị bản* của

Đông-Y tương-ứn; với trị liệu bệnh căn bệnh sinh của y-học hiện-đại, còn trị tiêu của y-lý lý cổ-truyền chính là trị-liệu, triệu-chứng của Tây-Y. Nói cho cụ-hề, khi Đông-Y dùng phương tư âm giáng hỏa để chữa-bệnh lao tổn do thận thủy suy chẳng hạn, là trị bản, Tây-Y trong cùng chiều-hướng dùng Streptomycine, INH để diệt-trùng lao, diệt gốc bệnh. Khi Đông-Y gia thêm cống giao-châu, tê-giác, tử-uyên, đơn sâm để trị-liệu bệnh-rhân lao khái huyết là trị-tiêu, cũng giống như Tây-Y chích thêm sinh-tố K cho người lao phổi, để trị triệu-chứng ho ra máu.

Ngoài vấn-đề bản tiêu, cấp hoãn. Đông-Y còn đề ra nguyên-tắc *chính-trị* và *phản-trị*. Thông thường, như đã nói ở bài trước (1) bệnh hư thời bồ, bệnh thực thời tả. Nếu hư thực cùng xuất-hiện tồn-tại một lúc thì có khi trước bồ sau tả, có khi trước tả sau bồ, có khi bồ tả cùng tiến - hành. Khi lương - y dùng phương - pháp trị - liệu có tính-chất trái lại với bệnh-tình, bất cứ là bồ hay tả — như bệnh hòa dùng thuốc nhiệt để trị — thì người xưa gọi là *chính trị* hay *ngịch-trị*, tức là phương-pháp dùng thuốc chữa thẳng vào bệnh, trong lúc trường-hợp bình thường Trái lại, nếu dùng phương-pháp nhìn bên ngoài có tính-chất gống với bệnh-tình — như đối-phó với bệnh có giả-tương là hàn lại dùng thuốc hàn để trị — thì tiền-nhân gọi là *tòng trị* hay *phản-trị*, tức là phương-pháp dùng thuốc cùng tính-chất với chứng-trạng, trong trường-hợp bệnh tình khác nhau. Ngày nay, khi Tây-Y dùng huyết thanh

(1) BK số 327 trang 23

kháng uốn-ván đề trị-liệu uốn-ván, IDU hay interféron đề trị-liệu bệnh do siêu vi-trùng, IMAO đề trị-liệu vài bệnh tâm-trí v.v. là áp-dùng phương-pháp nghịch trị của Đông-Y. Ngược lại, công trị của Đông-Y cũng có những điểm tương-đồng với biện-pháp thực-trùng (bactériophagie) hay lẽ lối dùng men lactic của Tây-Y, dùng chính ngay vi-trùng gây bệnh hay ủng-hộ các vi-trùng hữu-ích, như trong y án Tây-Y thứ hai trên kia.

Nhưng diệt vi-trùng gây bệnh cũng có lắm cách diệt. Có nhiều trường hợp phải đánh thực mạnh, phải dùng liều-lượng dược phẩm tối-đa: có những bệnh-trạng trái lại, chỉ được dùng liều thuốc tuần-tự gia-tăng, để tránh những biến chứng chết người: Tây-Y về điểm này thực tương lân đồng điệu với Đông-Y, vẫn chủ-trương « trị ngoại cảm như tướng, trị nội-thương như tướng ». Dĩ nhiên, chữ tướng của trị nội-thương tuy rằng đồng-âm nhưng lại dị-nghĩa. Bởi chữ tướng trong trị ngoại-cảm là vô tướng: Đông-Y quan niệm trị ngoại cảm như hành-quân qua Kampu chia, (1) việc binh-nhung cần thần-tốc, dồn-dập cũng như đuổi tà khí cần đuổi gấp, sớm ngày nào tốt ngày đó. Chữ tướng trong trị nội thương lại chỉ tướng văn, ý nói chữa bệnh nội-thương như làm chính-trị, « phải biết lý », và nhất là phải kiên-ngoãn, thi-hành dần dần mới có hiệu-quả, giống như chữa bệnh nội-thương phải hừa từng bước, không thể chữa gấp như bệnh ngoại cảm. Không có Tây-Y-sĩ nào dùng trụ-sinh với liều-lượng yếu học không đờ ngày, mà phải luôn theo quy-luật « loi du tout ou rien »; nhưng cũng không có bác-sĩ nào lại quất ngay liều Tifo tối-đa để chữa bệnh

thương-hàn cả! Với những ví-dụ này Tây-Y cũng có thể hợp xướng cùng Đông-Y: « Trị nhiệm trùng như tướng, trị thương-hàn như tướng »!

Tính-năng của dược vật, nhất là tứ khí hàn nhiệt ôn lương cũng là một nét độc đáo của Đông-dược. Tây-Y dùng thuốc chỉ quan-niệm thuốc hoặc mạnh hoặc yếu, hoặc nhanh, hoặc chậm, chứ không bao giờ mô-tả thuốc nóng, thuốc mát như Đông-Y. Thực ra, về phương diện dinh-dưỡng, y-học hiện-đại có phân loại những thực-phẩm cung-cấp nhiều năng-lượng, những thực-phẩm cung-cấp ít năng-lượng, nhưng không chia thành thuốc ôn, thuốc hàn. Tuy nhiên nếu ta nhớ rằng phần lớn tân-dược là những khoáng-chất, mà khoáng chất thường vẫn được Đông-Y mô tả là có khí ôn-nhiệt thì ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy *thuốc tây thường được nền y-học cổ-truyền cho là nóng*: quan-điểm này không những chỉ là quan-điểm của giới Đông-Y, mà còn tiềm tàng cả trong dân-chúng. Cho nên uống thuốc Tây thấy lở miệng thì cho là vì nóng trong mình, phải ăn thức mát, hoặc uống thuốc bắc thuốc nam có khí hàn để quân bình ôn lương; Tây-Y không chia xẻ lập luận này: lở miệng là vì viêm màng nhầy miệng, là vì vi trùng hay ký-sinh-trùng hoành-hành, hay vì thiếu chất bồi-dưỡng...

Dẫu vậy, không phải ở đây không thể tìm ra điểm tương đồng giữa Đông và Tây. *Vì đại đa số thuốc thuộc tính hàn lương của Đông-Y đều có tác dụng hạ sốt hoặc tác dụng kháng-sinh theo Tây Y*, mà không có tác-dụng kích-thích hưng-phấn. Không những thế các loại bạc-hà, ngư-bàng, hoàng-liên, thăng-ma, trạch-

(1) Ví-dụ có vẻ không được chính lắm!

học, thiên môn đông, chẳng những không có công-năng hưng-phấn, còn có tác dụng gây tê, chống co giật hoặc có tác dụng ức-chế trấn-tĩnh. Đại đa-số thuốc thuộc tính ôn nhiệt đều có tác-dụng kích-thích hưng-phấn theo quan-điểm dược tính thái-tây, và phần lớn có chứa tinh, dầu. Dưới nhãn-quan tân-dược, ta lại thấy rằng tất cả thuốc ôn lý của y-thuật Đông-phương đều có khả-năng gây sung-huyết ở các tiểu động-mạch, do đó, gia-tăng nhiệt-lượng cục-bộ, vì thế có tính nóng (riêng vị phụ-tử còn có tác-dụng cường tim). Thuốc hàn lương, ngược lại, có công-dụng kháng-sinh, tiêu-diệt được các vi sinh-vật, thủ-phạm gây nên nhiệt-lượng dư thừa, do đó, có tính mát. Dĩ nhiên, chúng ta không thể đơn-giản nhận rằng thành-phần hữu-hiệu của thuốc ôn lý chỉ có tinh dầu. Nhưng bởi lẽ tất cả thuốc ôn lý đều có tinh dầu trong khi thuốc thanh nhiệt tuyệt đại đa-số lại không chứa tinh dầu, mà bản-thân tinh dầu lại có tác dụng làm sung-huyết tiểu-động-mạch gây tăng nhiệt-lượng để giúp cơ-thể ứng-phó với những trạng-thái nhiệt-lượng bất-tức, cho nên chúng ta có thể suy-diễn rằng tính ôn nhiệt của dược-chất ôn lý có liên-quan với tinh dầu chứa trong thuốc. Dĩ nhiên cũng có vài vị thuốc khí hãn chứa tinh dầu, như đan bì, hòe hoa, nhưng công-năng hạ nhiệt của những thuốc này lại không do tinh dầu: tính hàn của đan bì là do tác-dụng kháng sinh, tính hàn cầm máu của hòe hoa đã được tây-dược học nhận là do thành-phần rutin của thuốc.

Liên-hệ giữa ngũ vị với ngũ tạng là một khía cạnh đặc-thù khác của vấn-đề dụng dược theo Đông-Y. Và khi Nội-Kinh cho rằng mẫn thì vào thận chẳng hạn, thì lập-luận này đã được Tây-Y vài nghìn năm sau và cách nghìn dặm xa, hoàn toàn tán-đồng: y-học thái-tây

đã chứng-minh sự bài-tiết nước tiểu liên-hệ mật-thiết cùng sự trao-đổi vận-chuyển của các muối, nhất là muối chlorua natri. Lời khuyên của bác-sĩ đối với người mắt bệnh phù hay đàn-bà có thai húp chân, nặng mặt nên ăn nhạt là một lời khuyên hết sức phổ-thông.

Cuối cùng, do ở tính-chất tổng-hợp thống-nhất và toàn-diện của y-thuật cổ-truyền, Đông-Y trị bệnh không phải chỉ nhằm vào một khía cạnh vi-trùng hay ký-sinh-trùng gây bệnh—được Đông-Y mệnh-danh là tà khí — mà còn lưu-tâm cơ-địa bệnh suy-yếu hay còn khỏe, thuộc thể-chất nào, ức-chế hay hưng-phấn—Đông-y gọi là thuộc âm hay thuộc dương hoặc hàn hay nhiệt. Vi-trùng mạnh hay yếu, độc-lực lớn hay nhỏ — Đông-Y gọi là tà-khí thực hay hư — cũng là một vấn đề quan-trọng. Những điểm này là mấu-chốt, là chủ-điểm của biện-chứng luận-trị trong Đông-Y: phải dựa vào chứng trạng, phải biện-giải triệu-chứng, đề đề ra, luận ra cách trị-liệu. Cho nên, các Đông-y-sĩ chân-chính thường không mấy ưa các thầy thuốc gia-truyền, bởi những bài thuốc gia-truyền kinh-nghiệm chỉ thích-hợp với một số bệnh, chứ không thể đem ra áp-dụng rộng-rãi được. Vì bệnh có biểu có lý, có nhiệt có hàn, có thực có hư, chứng-hậu khác nhau muôn hình vạn-trạng, không dễ gì đem bài thuốc chữa lành bệnh này để mong chữa lành bệnh khác. Nói cho thực gọn, Đông-Y chủ-yếu trị người bệnh hơn là trị chứng bệnh: lại là một điểm tâm đầu ý hiệp khác giữa hai đường-hướng dụng dược tân cổ vì Tây-Y vẫn hằng khuyên-nhủ các môa-đệ: il n'y a pas de maladies, il n'y a que des malades.

Cho nên hướng y-học hiện-đại và tương-lai càng ngày càng chiếu-cổ đèn đặc-tính cá-nhân người bệnh: đặc-tính tinh-thần, đặc-tính sinh-hoá, đặc-tính miễn-dịch, đặc-tính di-truyền, đặc-tính

co-địa , cố-gắng đến gần, đi sát thực-
tế muôn màu muôn vẻ của con người
vô-cùng phức-tạp.

Và chính bản-thể phức-tạp ấy của con
người còn tồn-tại, phát-triển được cho
đến ngày nay là nhờ có thuốc. Đông Tây,
tân cổ dùng thuốc, dầu rằng có thể theo
nhiều dạng-thức, dầu rằng có thể tương
biệt, nhưng cũng đều cùng một mục-tiêu
tối-hậu: phục-vụ con người. Và trong
chiều-hướng ấy, người viết xin nhờ P.

Theil kết-luận : «Si nous sommes aujour-
d'hui ce que nous sommes, c'est
presque sûrement grâce à la médecine et
aux médicaments. Sans eux il y a neuf
chances sur dix pour que nous soyons
morts avant d'avoir atteint l'âge d'hom-
me. (1)

Bác-sĩ TRẦN-VĂN-TÍCH

(1) P. Theil.— Le médicament. Mission
humaine et fonction sociale. A.M.P.S. Paris.
1970.

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

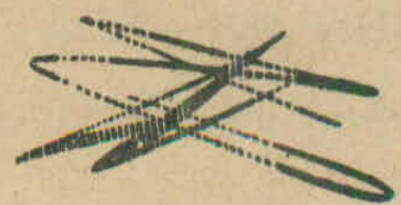
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CỎ ACIDE GLUTAMIQUE



*Khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ỚC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

MỘT TIẾNG NÓI CỦA CHÂU Á :

« Châu Á và nền hòa-bình thế-giới »

« *L'Asie et la paix mondiale* »
của Trần-Minh-Tiết

• NGUYỄN - HIỂN - LÊ

Đúng một phần tư thế kỷ nay, mới cõi được cái ách thực dân da trắng thì Châu Á đã thành ngay nơi tranh hùng tranh bá của Mĩ, Nga rồi Trung Cộng, nơi họ thí cho những sản phẩm thừa thãi để lôi kéo các nước về phe mình, nơi họ tiêu thụ các khí giới cũ và thí nghiệm các khí giới mới, gây chiến tranh liên miên, làm điêu đứng hằng trăm triệu dân, điêu đứng nhất là miền Đông Nam Á và Tây Nam Á. Cho nên ai cũng thấy rằng Châu Á không có hòa-bình thì thế giới không có hòa bình được; và ông Trần-Minh-Tiết đặt vấn-đề như vậy là đúng như nhan đề sách quả là hấp dẫn.

Tác giả là người Việt chuyên về các vấn-đề chính-trị thế-giới, có uy tín ở Pháp. Ông là hội viên Hàn-lâm-viện Khoa-học Hải ngoại của Pháp, trong khoảng hai chục năm nay đã cho ra được 15 tác phẩm : hai cuốn bằng tiếng Việt, về tâm hồn Nhật Bản (1) nhà xuất bản Nhân Xã — và Đệ nhị thế chiến — nhà xuất bản Lê Phan; còn 13 cuốn kia bằng tiếng Pháp, phần lớn là do nhà Nouvelles Editions latines Paris xuất bản. Cuốn *Histoire des Persécutions au Việt-Nam* (Lịch sử các vụ ngược đãi giáo đồ Ki-Tô ở Việt-Nam) đã được giải thưởng Hàn-Lâm-Viện-Pháp và tới nay đã in lần thứ mười lăm.

Hiện ông đã viết xong ba cuốn nữa viết về Lào và Việt Nam, sắp cho ra,

Ông còn là cây bút chính của tờ *Cahiers de l'Asie du Sud Est* do Bác sĩ Hoàng Văn Đức sáng lập, được nhiều nhà trí thức Việt Nam ở Saigon và Paris cộng tác trong ủy ban biên tập.

Tờ đó mỗi tháng ra một kì bằng tiếng Pháp, in ở Paris, chỉ gồm tám trang, không bán, mục đích là nghiên cứu và tuyên truyền cho sự thành lập một liên bang Đông Nam Á. Hiện nay đã ra được khoảng mười số và nghe nói sẽ có một bản bằng tiếng Việt, in ở Saigon.

Sở dĩ tôi nhắc tới tờ đó vì chủ trương của nhóm biên tập chính là chủ trương của ông Trần Minh Tiết trong cuốn *Châu Á và nền Hòa bình thế giới*. (2)

(1) Nhan đề là : Tìm hiểu người Nhật để biết rõ những nhược điểm của ta.

(2) Có bán ở vài tiệm sách lớn Saigon.

Cuốn này ông in riêng cho các Bạn thân (nghĩa là những người chấp nhận chủ trương thành lập Liên bang Đông Nam Á.) và gồm sáu tác phẩm, kết quả của « mười lăm năm nghiên cứu và suy tư » của ông :

1) *Pourquoi un Bureau Asiatique des Nations Unies* (Tại sao phải thành lập một phòng A-Châu ở Liên Hiệp-Quốc) — Nouvelles Editions latines xuất bản năm 1959.

2) *Une Fédération des Pays de l'Asie du Sud Est dans une Grande Entente Asiatique*. (Một Liên bang Đông Nam-Á trong một Đại-Liên-minh Á-Châu) Nouvelles Editions Latines xuất bản năm 1965.

3) *Un canal dans l'Isthme de Kraet un Canal Mékong — Océan Pacifique par Savannakhet — Đông Hà — Cửa Việt*. (Một con kinh cắt eo đất Kra và một con kinh nối sông Cửu Long với Thái Bình Dương, từ Savannakhet qua Đông-Hà, Cửa Việt) — Nouvelles Editions Latines — 1966.

4) *Une Fédération des pays de l'Asie du Sud Ouest dans une Grande Entente Asiatique* (Một Liên bang Tây Nam Á trong một Đại Liên minh Á châu) — Nouvelles Editions Latines — 1968.

5) *La Sibérie détachée de l'URSS et décommunisée, (1) centre de peuplement et d'immigration mondiale, facteur d'équilibre et de paix*. (Tây Bá Lợi Á tách ra khỏi Nga Xô và « giải-cộng », thành một trung tâm di-thực và di-trú cho thế giới, yếu tố quân bình và hòa bình.)

6 — *La Paix mondiale grâce à l'Asie* (Nhờ châu Á mà tạo được nền Hòa bình thế giới).

Hai tập 5 và 6 này viết cuối năm 1968 (tập 5) và đầu năm 1969 (tập 6) chưa xuất bản lần nào trước khi gom vào toàn bộ.

Toàn bộ gồm 440 trang khổ lớn, có 8 bản đồ. Quả là một công trình lớn, liên tục trên mười năm, khiến các báo chí châu Âu phải nhắc tới, như tờ *Le Monde diplomatique* số tháng 3 năm 1966, tạp chí *Revue française de Science politique*, số tháng 2 năm 1968... Hơn nữa, khi tập 1 mới ra, cái tòa Đại sứ Nga ở Paris, Trung Hoa ở Berne hỏi mua rất nhiều, khiến nhà xuất bản trách đùa ông rằng làm cho họ mang tiếng là « đứng về phe cộng ».

Tôi không chuyên về các vấn đề chính trị, chỉ đọc tác phẩm có một lần, tuy đọc từng hàng đấy, nhưng không thể nào hiểu kỹ hết tư tưởng của tác giả được ; vậy tôi phải xin lỗi trước tác giả và độc giả về những nhận định lầm lẫn không sao tránh được của tôi.

oOo

Đọc những tác phẩm như tác phẩm này, chúng ta cần chú ý trước hết tới lập trường của tác giả.

Lập trường của ông rõ rệt : chống cộng.

Trong bài Nhập đề cho toàn bộ, trang 12, ông thú rằng khi mới bắt đầu nghiên cứu vấn đề, ông hơi mê học-thuyết Marx-Lenine, nhưng sau thấy những phương-tiện của Nga xô xấu xa quá, nên một người như ông chịu ảnh hưởng của bốn tôn giáo : Phật, Khổng, Lão, Ki-tô, trọng luân-lí và trọng con người, không sao chấp nhận được.

(1) Nghĩa là không theo cộng sản nữa : dân từ *décommunisé* mới được tạo ra.

Rải rác trong toàn bộ, ông vạch ra có đến cả chục lần cái dã tâm thâm độc cùng những hành động tàn nhẫn của Nga: nơi nào họ nắm được quyền thì họ diệt tinh thần quốc gia, họ nuôi dân cho béo, mạnh để phục vụ họ, làm tay sai cho họ, phản kháng họ thì họ diệt; nơi nào họ chưa nắm được quyền thì họ dùng đảng Cộng để quấy rối phá hoại, như ở Nhật-bản năm 1956 (trang 68) họ trợ cấp cho đảng Cộng Nhật 76 triệu Mi-Kim để phá nền kĩ-nghệ đang phục hồi của Nhật; thâm độc nhất là ở bán đảo Ả-Rập, Nga biết Ả-Rập không sao chọi nổi với Do-Thái, mà vẫn xúi Ả-Rập gây chiến, rồi buộc Ả-Rập phải đầu hàng Do-Thái năm 1967, để có thể nắm đầu não của Ả-Rập, lập căn cứ hải quân Nga ở Alexandrie, Port Said, tìm cách cho dầu lửa Nga thay dầu lửa Ả-Rập trên thị trường Tây-Âu... (trang 350-352, và 367)

Mạt sát Cộng nhưng tác giả cũng không ưa gì Mi và Tây-Âu vì Cộng sản và Tư-bản tuy quan điểm khác nhau chứ thủ đoạn và hành động thì cũng đại loại như nhau. Mi thì thí cho các nước Á châu những đồ thừa thãi, không thực là ích lợi như "sữa đặc, bột lúa mì, thuốc thơm" .. để bắt họ làm bia đỡ đạn Nga (trang 210) Pháp thì viện trợ cho một số quốc gia để các quốc gia này có tiền mua sản phẩm của Trung-Cộng, Trung-Cộng lại có tiền mua những vật cần thiết của Pháp (trang 213)

Hơn nữa, để phát triển kĩ nghệ và canh nông của mình, Mi và các cường quốc châu Âu bắt chấp cả ý-thức-hệ, với câu kết về tài chánh với Nga và Trung-Hoa mà phản các nước nhược tiểu chúng ta. Họ giúp chúng ta chỉ để chúng ta chém giết lẫn nhau, và tới một lúc nào đó Nga, Mi, Trung

Hoa, Tây Âu sẽ thỏa thuận với nhau để chia phần với nhau mà chặn đầu cưỡi cổ chúng ta (trang 214, 215). Thật là tàn nhẫn, chiến tranh Việt Nam và Lào (hiện nay thêm Cao-Miên nữa): người ta xúi chúng ta, bắt buộc chúng ta tàn sát nhau để không thể tái thiết quốc gia được (trang 311) Những điều đó ai cũng biết cả rồi, nhưng vẫn cần phải nhắc lại vì vẫn có nhiều người quên.

Tuy mạt sát cả hai bên tư bản và cộng sản, nhưng tác giả cũng nhận rằng sống với bọn thực dân tư bản, chúng ta còn có thể nuôi cái hy vọng một ngày nào đó làm cách-mạng mà đuổi họ đi được, chứ sống với cộng-sản thì vô phương gỡ nổi cái ách của chúng (trang 64).

Tác giả cũng không trông cậy gì được ở Tổ-chức Liên-hiệp-Quốc. Trước hết nó vô lí. Tại sao năm nước: Mi, Nga, Anh, Pháp, Trung Hoa lại thành hội viên thường trực của Hội đồng Bảo-An trong tổ chức đó? mà các nước khác phải ủy toàn quyền cho năm nước đó, để họ muốn làm gì thì làm, bênh vực mình thì may phước mà hại mình thì mình cũng phải chịu? Mà tại sao cả châu Á gồm một tỉ rưỡi dân lại chỉ có Trung-hoa Quốc-gia gồm tám triệu dân (hai mươi năm trước) đại diện ở Hội đồng Bảo-An, trong khi châu Âu gồm 400 triệu dân thì được ba nước (Nga, Anh, Pháp) đại diện, dân số ba nước đó tổng cộng được 320 triệu hồi Liên-Hiệp-Quốc thành lập (trang 125)

Vậy thì tổ chức đó chỉ là để bảo vệ quyền lợi của các cường quốc Âu, Mi, đặc biệt là của Mi, Nga, vì hai nước này mạnh nhất, thao túng tất cả các nước khác-

Vì sự thao túng đó mà nó hóa ra bất lực, hèn nhát trong vụ Hung-Gia Lợi năm 1956 (tổ chức phái hoàng thân Thái Wan Waithayakon tới Hung điều tra các vụ công sản Nga tàn sát dân Hung; hoàng thân không được vô Budapest và đánh trở về); và trong vụ Tiệp-Khắc năm 1968, U Thant phải nhắm mắt, không dám lên tiếng, dù chỉ là lên tiếng phản đối suông. Ông ta bảo đó là vấn đề nội bộ của phe Cộng không liên quan gì tới Liên-Hiệp-Quốc!

Trái lại, đối với các nước yếu thì Liên-Hiệp-Quốc có thái độ ăn hiếp. Ông Trần-Minh-Tiết đưa ra trường hợp Việt-Nam năm 1963, cho rằng U Thant chẳng biết ất giáp gì về cuộc "cách-mạng Phật-giáo", làm tay sai cho Mĩ mà can thiệp liền để cho Ngô-Đình Diệm mất mạng. (trang 43).

Tóm lại, lập trường của tác giả là chống Cộng, không chịu làm tay sai cho tư bản Âu Mĩ, và không thông cạy vào Liên-Hiệp Quốc.

Qui kết tất nhiên của lập trường đó là chính các nước Á Châu phải tự cứu lấy mình.

oOo

Ngay ở đầu bộ, ông đã có lời báo trước rằng ông « sẽ-phóng tầm mắt ra khỏi tình trạng và những nỗi khó khăn hiện tại để nhìn về tương lai của châu Á », nghĩa là ông sẽ không đưa ra một giải pháp cục bộ, giai đoạn, chẳng hạn làm sao giải quyết được chiến tranh Việt Nam lúc này, làm sao cho hội nghị Paris khỏi bế tắc, làm sao cho Do-Thái và Ả-Rập chịu ngồi vào bàn Hội nghị với nhau... mà muốn tìm một giải pháp tạo được sự hòa bình thế giới lâu dài kia.

Tác giả nhận thấy rằng tình trạng

khẩn trương trên thế giới bao giờ cũng do dự thiếu quân bình mà ra. Ngày nay sự thiếu quân bình nguy hại hơn bao giờ hết. Nga thì đất đai quá rộng, nguồn lợi thiên nhiên quá lớn. Mĩ thì nguồn lợi thiên nhiên cũng phong phú mà kĩ thuật lại tiến vượt bậc.. Hai Đại cường đó muốn đè bẹp thế giới. Các nước khác như Trung Hoa, Ấn-Độ, các nước Đông Nam Á, Tây Nam Á tuy yếu, nhưng cũng là những mối đe dọa cho hòa bình thế giới, theo chiều ngược lại, vì họ bị các nước mạnh kia chi phối, không biết phản ứng ra sao, cũng hóa ra hung hăng chi phối lẫn nhau. Tình hình mà khẩn trương thì gây cách mạng và chiến tranh. Vậy phải lập thế quân bình để hết tình trạng khẩn trương (tr. 421)

Muốn lập thế quân bình, thì bốn mươi một nước Á-Châu phải họp nhau thành một đại liên minh để một mặt chống với Nga, một mặt chống với đế quốc Âu-Mĩ. "Đại liên minh" đó không phải là một lực lượng thứ ba, cũng không phải là một lực lượng làm trái độn giữa Đông và Tây. Nó là sự quân bình của thế giới (tr. 21)

Và tác giả đề nghị thành lập *Phòng Á Châu Liên-Hiệp-Quốc*. Phòng đó sẽ gồm năm thực-thể (entité) chính trị, gần quân bình nhau :

1.— Liên bang Đông-Nam-Á.

2.— Liên bang Tây-Nam-Á.

3.— Trung Hoa

4.— Ấn Độ

và sau này sẽ thêm :

5.— Tây-Bá-Lợi-Á, tách ra khỏi Nga và không cộng sản.

Đó là đại ý trong tập đầu: *Tại sao*

phải thành lập một phòng Á châu ở Liên-Hiệp-Quốc.

Phòng Á-Châu sẽ là một cơ quan bổ túc cho tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, nó sẽ phối trí các nguyện vọng quốc gia và quốc tế của châu Á, giúp châu Á giải quyết các vấn đề Á-châu để tìm hoà bình cho thế giới (tr. 23), để khỏi bị Âu, Mi áp bức.

Á châu, lục địa lớn nhất thế giới, dân số cao nhất thế giới, có nhiều tài nguyên nhất thế giới, có những văn minh cổ đẹp nhất thế giới, mà được Phòng Á châu đó quản lí, không còn

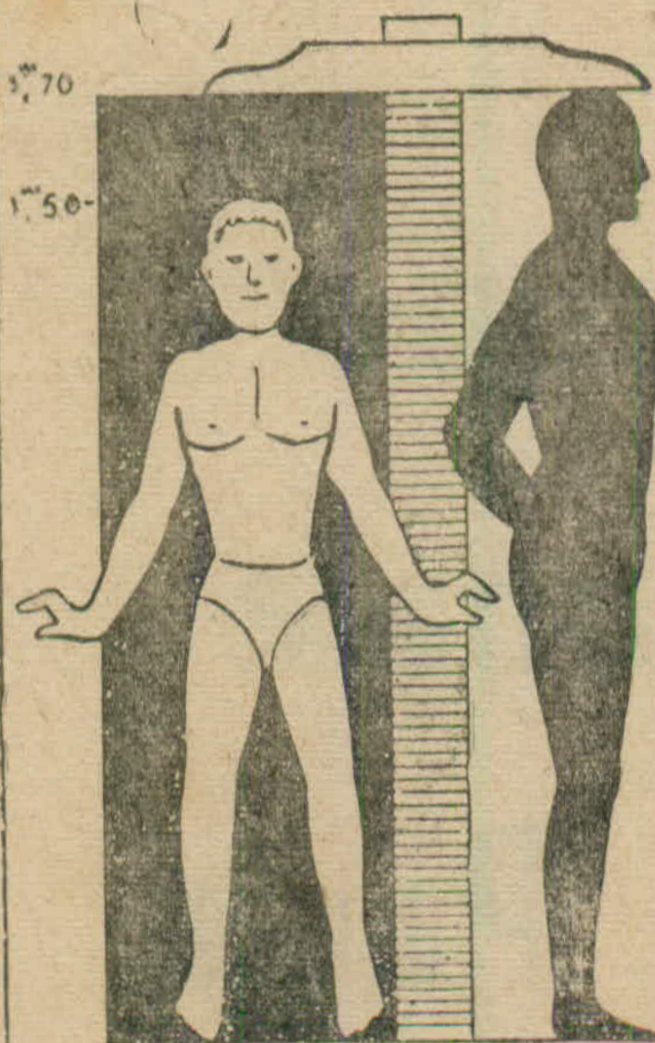
chia rẽ thành phe thân Nga, phe thân Mi, phe gọi là trung lập nữa, nhận định được sức mạnh, cùng giá trị của mình, tất sẽ thịnh vượng, hùng cường rất mau, mở rộng và định hướng cho thương mại của mình, làm «bức lũy của thế giới tự do trong sự chiến đấu với cộng sản», tạo được hoà bình cho thế giới mà dẫn đầu cả bốn châu kia. Tác giả tin chắc vậy. (tr 127, 136).

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN HIỂN LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Chữ Hán trong Việt ngữ

XUÂN - QUANG

L.T.S.—. Bài sau đây trích trong một cuốn sách sắp được xuất bản: «So sánh 5 thứ tiếng: Việt, Anh, Hoa, Pháp, Nhật» của Ô Xuân-Quang, tác giả những bài nhận xét về các sách viết về Yoga đã đăng trên Bách-Khoa các số trước đây và cũng là cựu Giáo-sư Anh-ngữ Đại-học Minh-dân của Pháp văn Đồng-Minh-Hội.

Cuốn sách gồm những phần: Đặc tính của Việt-ngữ; Việt-ngữ và Anh ngữ; Chữ Hán trong Việt ngữ; Việt ngữ và Pháp ngữ; Việt ngữ và Nhật ngữ. Tuy nhiên để giới thiệu cùng bạn đọc, chúng tôi sẽ chỉ trích đăng các phần so sánh Việt ngữ với chữ Hán, với Pháp ngữ và Anh ngữ mà thôi.

Trong «Lời nói đầu» tác giả trình bày:

«Có một thời tiếng Việt bị xem là một thô-ngữ, một thứ tiếng lạc-hậu không đủ khả năng làm dụng-cụ văn-hoá.

«Người Việt-Nam yêu nước, yêu dân-tộc ai cũng phản-đốinh ận-định nông-cạn này.

«Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc đã có bốn ngàn năm văn hiến, tiếng nói của dân tộc ấy nhất định phải có đầy-đủ khả-năng diễn-đạt không kém bất cứ ngôn-ngữ nào khác trên thế-giới.

«Đó là một xác-định dựa trên tình-cảm yêu nước, yêu dân tộc. Để tạo cho xác-định này một cơ-sở khách-quan, khoa-học, chúng nên nghiên-cứu một cách vô-tư những đặc-tính và khả-năng của Việt-ngữ.»

Do đó mà tác giả minh xác rằng những bài sau đây chỉ là «góp nhặt những nhận xét, kinh nghiệm của một cá nhân cho nên sai lầm và thiếu sót còn nhiều» bởi vậy tác giả cũng chân thành trông đợi «sự đóng góp của các bạn tha thiết với ngôn ngữ dân-tộc, mới khả dĩ tiến tới một nhận định chính xác về Việt-ngữ»

Trên dưới 90% những tiếng dùng trong Việt-ngữ là tiếng Hán-Việt, tức là những tiếng Trung-Hoa đọc theo giọng Việt, với ý-nghĩa thay-đổi ít nhiều.

Hầu hết những từ-ngữ diễn-đạt tư-tưởng trong các địa-hạt văn-học, khoa-học, chính-trị, kinh-tế đều là từ-ngữ Hán-Việt.

Dân-tộc Việt-Nam càng tiến bước trên con đường đưa đến giàu mạnh, từ-

ngữ Hán-Việt càng phát-triển và càng chiếm một địa - vị trọng - yếu trong Việt-ngữ.

Vị-trí của từ-ngữ Hán-Việt trong Việt-ngữ là như thế cho nên người Việt-Nam có ít nhiều học-thức mà không có được một số tri-thức tối-thiểu về từ-ngữ Hán-Việt là một khuyết điểm không nhỏ. Sự thiếu sót ấy đem đến kết-quả là người ta đưa ra trường đời

những từ-ngữ ba-dội, lai căng, Việt không ra Việt, Hán không ra Hán, như:

“Phụ mẫu chi dân”, “thực lộc chi thê”... những từ-ngữ ấy một khi được thông-dụng thì, do một quy-luật nội-tại của ngôn ngữ, chúng đòi hỏi có quyền tồn-tại trong ngôn-ngữ dân-tộc. Do đó Việt-ngữ, sẽ trở nên phức-tạp vô cùng nếu tình-trạng trên không sớm chấm dứt.

Ngày nay, tưởng đã đến lúc phải khởi sự nghiên-cứu từ-ngữ Hán-Việt về các điểm: nguồn gốc, quá-trình diễn-biến của chúng trong xã-hội Việt-Nam.

Tiếng Trung-Hoa được người Việt chúng ta gọi là chữ Hán vì chính dưới đời Nhà Hán tiếng ấy được truyền sang nước ta, dù do Sĩ-Nhiếp hay sớm hơn, dưới thời Triệu-Đà.

Tiếng Hán du-nhập vào xã-hội Việt-Nam bằng hai con đường:

1) Con đường đông - đảo hơn là con đường qua tầng-lớp thượng-lưu, trí-thức, cùng với quan-lại Trung-Hoa, cấu-tạo nên guồng máy thống-trị.

2) Con đường dân - gian, do sự tiếp-xúc hằng ngày giữa Hoa-kiều và dân-chúng Việt-Nam.

Từ Trung-Hoa du-nhập và đi sâu vào xã-hội Việt-Nam, tiếng Hán đã kinh-qua hai lần biến-chuyển âm-thanh:

1) Từ giọng Hán sang giọng Hán-Việt

2) Từ giọng Hán-Việt sang giọng Nôm.

Vào xã-hội Việt-Nam, Hán-ngữ đã tiếp-xúc với Việt-ngữ, hai ngôn-ngữ đã ảnh-hưởng qua lại lẫn nhau, từ đó phát-xuất nhiều hiện-tượng ngôn-ngữ cần phải nghiên-cứu, nếu muốn xác-định khả-năng hiện-tại của Việt-ngữ.

Con đường xuyên qua tầng-lớp thượng-lưu, trí-thức

Du-nhập vào Việt-Nam, âm-thanh tiếng Hán tất-yếu chuyển-biến. Vì lẽ giữa âm-thanh Hoa-ngữ và âm-thanh Việt-ngữ có nhiều chỗ hác nhau, cho nên ông bà chúng ta ngày xưa học chữ Hán của người Trung-Hoa, đọc trại giọng Trung-Hoa, dần dần giọng đọc trại những tiếng ấy biến thành ra giọng Việt.

So-sánh âm-thanh Hoa-ngữ và âm-thanh Việt-ngữ, chúng ta thấy có những điểm sau đây:

1. — Văn của Hoa-ngữ nghèo hơn văn của Việt-ngữ và nghèo hơn nhiều, vì lẽ bộ máy phát âm của họ không dẻo, nhuyễn bằng bộ máy phát âm của người Việt chúng ta. Do đó, những văn muốn nói được, đòi hỏi, phải có một bộ máy phát âm thật nhuyễn, thật dẻo như các văn:

Oat, Oach, Uyet, Uynh, Uang v.v.....
Hoa-ngữ đều không có.

2. — Về thanh, Hoa-ngữ chỉ có 4 dấu giọng:

- Âm (không dấu)
- Dương (hỏi, ngã)
- Thượng (huyền hoặc nặng)
- Khứ (sắc)

Trong khi đó, Việt-ngữ có những 8 dấu giọng:

- 1 — Bình bằng (không dấu)
- 2 — Bình trầm (\)
- 3 — Thượng bằng (?)
- 4 — Thượng trầm (~)
- 5 — Khứ bằng (/ dài như lá)
- 6 — Khứ trầm (. dài như lạ)
- 5 — Nhập bằng (/ ngắn như lát)
- 8 — Nhập trầm (. ngắn như lạt)

Do chỗ âm-thanh của hai ngôn-ngữ không tương-xứng với nhau mà có khi

một âm Hoa được đọc ra thành nhiều âm Việt.

Thí dụ :

— Chữ *Nguyệt* (trắng) và *Việt* (Việt-Nam) đều được người Trung-Hoa đọc là : du-é (1)

— Chữ *Vinh* (phồn-vinh) và *Dung* (quê-mùa) đều được người Trung-Hoa đọc là : duồng

— Chữ *Cốc* (lúa) và *Cồ* (xưa) đều được người Trung-Hoa đọc là : cù.

Trên đây là nói về âm.

Về thanh thì thanh Hoa chuyển sang thanh Việt theo những quy-luật có thể trình bày sơ lược như sau :

1— Thanh Dương Hoa-ngữ (hỏi, ngã) chuyển sang Bình (bồng hoặc trầm) (không dấu hoặc huyền) Việt-ngữ.

Thí dụ :

Hoa	Việt
duồng	vinh (phồn-vinh)
ở	nhi (mà)
ở	nga (con tằm)
xuئن	quyئن (quyئن-thể)
dinh	quynh (con đom-đóm)

2— Thanh Trượng Hoa-ngữ (nặng, huyền) chuyển sang Trượng (bồng hoặc trầm (hỏi, ngã) Việt-ngữ.

Hoa	Việt
u-ò	ngã (ta)
cù	cồ (xưa)
xuò	sở (chỗ)
ì	đi (đã)

vân vân...

Các phụ-âm Hoa chuyển sang phụ-âm Việt cũng theo những quy-luật của sự phát âm.

Căn-cứ vào bộ-phận chủ-động trong khi phát-âm, người ta chia phụ-âm ra nhiều loại. Thí dụ :

— Hâu-âm (âm hầu) là : K, G vì khi đọc những âm này phải vận-động cái hầu, tức phần sau cái ồ gà.

— Thâm-âm (âm môi) là B, Ph, V, Hu vì khi đọc những âm này phải vận-động đôi môi.

— Thiệt-âm (âm lưỡi) là : L, R vì khi đọc những âm này phải vận-động cái lưỡi vân vân...

Về sự chuyển-biến từ âm Hoa sang âm Việt, rất dễ-hiểu là : thâm-âm Hoa chuyển sang thâm-âm Việt, thiệt-âm Hoa chuyển sang thiệt-âm Việt. Thí-dụ :

Hoa	Việt
bú	bất
liểu	lưu

Điều đáng đề ý trong hiện-tượng giọng Hoa đổi thành giọng Việt là như nhau :

Từ những tiếng đọc theo giọng Hoa, lạ tai, người Việt nghe "không vô", "xí xô xí xào" làm sao ấy, ông bà chúng ta đã đọc trại thành một thứ giọng, chẳng những tai chúng ta nghe thông suốt mà nó còn vô sâu tận trong tim, gan, xương tủy, làm rung chuyển làn da, thớ thịt của chúng ta, cho nên những từ-ngữ ấy sở dĩ được gọi là Hán-Việt là để ghi-nhớ cái nguồn-gốc Hán của chúng, chứ thật ra, chúng đã được Việt-hóa 100 phần trăm, cũng như người Minh-Hương, đến đời cháu của họ thì trở thành người Việt 100 phần trăm. Chẳng lạ mà đa số người Việt chúng ta, trong câu nói hàng ngày, thích xen vào một vài chữ Nho.

(1) Những giọng đọc chữ Hán trong bài này điều theo giọng Quan-Thoại và được phiên-âm bằng văn Việt.

Chúng tôi nói : Những từ-ngữ Hán-Việt, khi đọc lên, làm rung chuyển cả làn da thớ thịt của chúng ta là vì chẳng hạn một bài thơ Đường, dù bạn không hiểu nội-dung của bài ấy nói gì, nhưng cứ nghe người ta đọc lên, bạn cũng thấy cảm, thấy thích rồi.

Thí dụ bài :

Phong-kiều dạ bạc (của Trương-Kế)

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô-tô thành ngoại Hàn-san tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách
thuyền.*

Bạn thử đem bài thơ này nhờ một người Hoa-kiều đọc cho bạn nghe, nhất-định là nghe không cảm nổi; nhưng thử nhờ một người Việt ngâm lên, dù không hiểu nghĩa là gì, nhưng bạn cũng thấy thích.

Giọng đọc Hán-Việt có khả-năng rung cảm tâm-hồn người Việt, tuy-nhiên, trong đời sống rời rạc, ngăn cách của xã-hội thời xưa, giọng đọc Hán-Việt không thống-nhất, vì những lý-do sau đây :

1.— Mỗi tiếng Hán-Việt là do một tiếng Hán chuyển sang và sự chuyển biến này thực-hiện theo những quy-luật về âm-thanh, lấy tiếng Hán làm tiêu-chuẩn. Trong thời-kỳ nước nhà độc-lập quan-lại và nói chung những người Hán có học-thức về xứ họ, không còn ai phát âm để làm tiêu-chuẩn. Hoa-kiều còn trú-ngụ tại Việt-Nam không phải tất cả là hạng có học, thông chữ-nghĩa.

2.— Những quy-luật âm-thanh không ai quy-kết, trình-bày ra, ông bà chúng ta đọc giọng Hán ra giọng Việt một cách tự-nhiên, chứ cũng không biết

có những qui-luật ấy để mà theo. Chỉ còn một phương-tiện duy-nhất để làm tiêu-chuẩn là từ-điền. Từ-điền xưa đầy-đủ nhất là bộ Khương-Hy Từ-Điền của Triều Thanh.

Tuy-nhiên, ngày trước từ-điền rất hiếm-hoi, mười ông thầy đồ, họa may chỉ vài ba ông mới có.

Mặt khác, báo-chí không có, phương-tiện giao-thông hiếm-hoi và khó-khăn, ai ở đâu, ở đó. Nếu đọc sách thấy một chữ khó thì mỗi người tự đoán lấy mà đọc.

Phương-thức cấu-tạo chữ Hán cho phép người ta đoán lấy mà đọc. Phương-thức ấy gọi là "hài-thanh" và đại-đề như sau :

Lấy âm một chữ nào đó làm âm mẫu, rồi bất cứ chữ nào, trong thành-phần cấu-tạo nên nó có chữ mà âm đã được dùng làm âm mẫu, thì chữ ấy cũng đọc theo âm mẫu, có khi chỉ khác thanh mà thôi.

Thí-dụ : chữ Ngã (我) : Ta

Chữ Ngã được chọn làm phù-hiệu cho âm mẫu Ngã, và hễ chữ nào mà trong thành-phần cấu-tạo có chữ Ngã thì được đọc là : Nga, Ngã, Ngạ v.v...

Chữ Nga (Hằng Nga) gồm bộ Nữ và chữ Ngã

Chữ Nga (núi Nga My) gồm bộ Sơn và chữ Ngã

Chữ Nga (con tằm) gồm bộ Trùng và chữ Ngã.

Chữ Ngạ (đói) gồm bộ Thực và chữ Ngã

Cũng có khi chỉ một chữ mà được dùng làm phù hiệu cho hai âm mẫu khác nhau. Chính vì sự-kiện này đã đẻ ra bao nhiêu lầm lẫn.

Thí-dụ : chữ *Thiền* : 禪

Giọng Hán Việt đọc là *Thiền*, giọng Trung Hoa là *Sào*.

Chữ *Thiền* được dùng làm phù-hiệu cho âm mẫu *Sa* và *Sao*, do đó :

Chữ *Sa* (cát) gồm bộ *Thủy* và chữ *Thiền*.

Chữ *Sao* (lược chép) gồm bộ *Thủ* và chữ *Thiền*.

Mặt khác, chữ *Thiền* còn được dùng làm phù-hiệu cho âm mẫu *Diệu*, giọng Trung-Hoa đọc là *Méo*, do đó :

Chữ *Diệu* (huyền diệu) gồm bộ *Nữ* và chữ *Thiền*

Chữ *Diễn* hoặc *Diếu* (mờ xa) gồm bộ *Mục* và chữ *Thiền*.

Giờ đây gặp một chữ mới gồm :

bộ *Mục* bên trái, chữ *Thiền* bên mặt 抄 nghĩa chỉ cái đầu nhọn vút của cành cây, đồng-thời cũng chỉ một phần sáu mươi của một phút đồng hồ, không biết đọc là gì. Có ông nào đó, căn-cứ theo phương pháp hài-thanh, đọc nó với âm *Sao* vì nó giống chữ *Sao*, gồm bộ *Thủ* và chữ *Thiền*. Thế là tiếng *Sao* chỉ một phần sáu mươi của phút được phổ-biến.

Tuy-nhiên, nếu lấy âm Hoa làm tiêu-chuẩn thì âm Hoa đọc chữ 抄 là *Méo*, vậy căn-cứ theo quy-luật âm-thanh chuyển-biến, chữ 抄 phải đọc với giọng Việt là *Diệu*. Nhưng tiếng *Diệu* đã bị tiếng *Sao* chiếm chỗ rồi.

Lại một thí-dụ nữa :

Chữ 較 gồm bộ *Mục* và chữ *Giao*, phải đọc với âm gì ?

Chữ *Giao* được dùng làm phù-hiệu cho âm mẫu *Giao* trong những chữ :

Giảo (thắt lại) gồm bộ *Mịch* và chữ *Giao* 較

Giảo (so-sánh, tỷ-giảo) gồm bộ *Xa* và chữ *Giao* 較

Mặt khác, chữ *Giao* còn được dùng làm phù-hiệu cho âm mẫu *Hiệu* trong từ-ngữ *Học Hiệu* (學校).

Hiện nay đang được phổ-biến từ-ngữ *Hiệu Đính*, nghĩa là xem xét, sửa đổi và điều-chỉnh lại.

Xem từ-điền Trung-Hoa (Vương-văn-Ngũ Đại Từ-điền) thì chữ 校 đọc là *chéo* có nghĩa là xem xét. Trong Hoa-Ngữ từ-ngữ *Khảo Thí* tương-đương với từ-ngữ *Giao Thí* và từ-ngữ mà người Việt chúng ta đọc là *Hiệu Đính*, nếu lấy giọng Hoa-ngữ làm tiêu-chuẩn, thì phải đọc là *Giảo Đính*.

Ngày nay, bạn trẻ muốn học chữ Hán, không khỏi hoang-mang khi thấy cùng một chữ mà thầy này đọc âm này, thầy kia đọc âm kia. Chẳng hạn : « đá cầu » (踢球), ông thì đọc : *Dịch Cầu*, ông lại đọc *Tích Cầu*.

Nếu lấy âm Hoa-ngữ *Thì Xiếu* làm tiêu-chuẩn thì Hán-Việt phải đọc là *Tích Cầu*.

Đứng về phương-diện tầm-nguyên thì lấy âm Hoa làm tiêu-chuẩn là hợp-lý, tuy-nhiên cũng có thể có ý-kiến cho rằng không nhất thiết chúng ta phải phụ-thuộc vào giọng đọc của người Trung-Hoa. Cũng có lý, nhưng nếu người Việt tự tạo ra một giọng đọc riêng cho mình thì giọng đọc ấy phải được thống-nhất, đó là nhiệm-vụ của Viện Hàn-Lâm.

(Còn tiếp)

● *Bạn là điều hâu !*

Bạn có bồn phận đoc

THÀNH - CÁT - TU - HÃN

● *Bạn là bồ câu ?*

Bạn có nhiệm vụ đoc

THÀNH - CÁT - TU - HÃN

Bạn không phải là điều hâu, cũng không phải là bồ câu, bạn đứng qua bên, đứng trên, đứng giữa, hay đang tìm một đường lối thứ ba; bạn thích tìm tòi, bạn ưa giải trí. Bạn lại cần đoc :

THÀNH - CÁT - TU - HÃN

do Nguyễn - Trọng - Khanh viết

Vì nó là một tập sử liệu chính xác, vì nó là một phim hấp dẫn, vì nó giúp ta hiểu thêm một dân tộc đã làm thế giới ngán vì Máu vì Lửa nhưng lại ngán dân tộc Việt mình, vì nó khiến những ai chuộng Chiến tranh phải ngần ngại và những ai yêu Hòa bình phải nghi ngại.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành.

(21 Nguyễn-Thiện-Thuật, Sài-gòn — D.n. 92017)

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề-xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất-bại, tận dụng khả-năng, bổ-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập-thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN: Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đoc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn-nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện-nghỉ, thanh-lịch.

Nhập khóa : 1/10, 1/11, và 1/12

Hiện tượng kỳ bí « Cù dật »

ở miền Nam

Trong kho tàng chuyện dân gian của ta, đồng bào ở dọc theo sông Cửu-Long gần cửa biển Nam-Hải và sông Cái Lớn đồ ra vịnh Thái-Lan thường nhắc nhở chuyện loài sấu tu nhiều năm thành «cù». Không ai biết và thấy hình dáng con cù ra sao chỉ diễn tả mơ hồ cù giống như con rồng, biết bay và ở «trên trời» hay ngoài đại-dương. Không ai biết con sấu nào có căn tu và thời gian tu là bao nhiêu năm mới đắc quả, chỉ truyền miệng với nhau rằng con vật nằm im một chỗ có đất bồi thành cồn, mỗi ngày mỗi năm đất lấp kín lại. Người ta trồng rau, lập vườn, cất nhà ở trên như ruộng, rẫy không ai thấy có hiện tượng gì chứng tỏ có con sấu nằm im ở dưới. Mãi đến một ngày nào đó, đúng thời hạn thì nó chuyển mình ngo ngoe ầm ầm rồi vùng bay lên Cái cồn sẽ tan nát, cây cối ngã nhào, nhà sập, người chết. Nếu sấu nằm ngay chỗ đất quá cứng thì làm hư hại nhà cửa, hoa màu, chỗ nằm của nó trở thành một cái hố sâu và dài.

Cây mọc trên lưng sấu

Nhiều người cho rằng hiện-tượng này rất khó tin cũng như loài cá chép vượt «Vũ môn tam cấp», thì thành «cá hoa long», đầu và đuôi giống rồng thân mình vẫn còn giống cá.

Tuy nhiên đã có nhiều lần «cù dật»

cũng như có người đào đất sâu hàng hai ba thước gặp sấu nằm như bị chôn mà vẫn còn sống chứng tỏ sự-kiện có thật. Điển-hình nhất là con sấu nằm trên một cù-lao giữa sông Cái Lớn, vùng Cống Cây Dương, tỉnh Rạch-Giá. Sấu nằm không biết mấy năm, đất bồi, cây mọc um tùm, trong ấy có nhiều cây bần rất to Năm 1920, cù lao này bị nước xoáy lần lần lở sụp một góc ngay chỗ sấu nằm. Con vật chưa hóa thành «cù» lộ ra ngoài mang trên lưng nguyên một cây bần lớn, rễ bao trùm thân mình, thân cây đứng thẳng như mọc trên đất liền. Mỗi lần sấu lặn xuống sâu thì mất ngọn, khi trời lên thì thân cây nổi giữa sông và «đi» tới «đi» lui như chiếc tàu ! Đồng bào ở trên bờ, những người đi ghe, đi tàu thuê ấy đều thấy rõ ràng.

Đào đất gặp sấu.

Dưới thời Pháp thuộc, nhiều kinh rạch được khai thông và xẻ thêm, nối liền tỉnh này qua tỉnh khác. Những con kinh mới đào gọi là xáng do chiếc xáng múc đất đồ hai bên bờ. Trước khi xáng di chuyển người ta phải đào tay bề sâu lối hai thước để nước chảy vào kinh.

Trong công tác đào kinh ở Núi Sập thẳng qua tỉnh Rạch-Giá vào khoảng năm 1922 một nhóm người làm xâu bắt gặp trong lòng đất sâu hơn thước rươi

một con sấu bề dài năm tấc, thân mình lớn bằng vòng tròn miệng cái tô màu trắng đục chớ không đen xám. Sấu bị chôn không biết từ bao giờ như một món đồ dùng, lu, chén, hũ, xung quanh mình toàn là đất bao phủ, nhưng lạ lùng nhất là nó vẫn thở phì phò! Tuy nhiên nó không cử động được, toàn thân nó mềm như không có xương. Người ta bồng nó lên để xuống như xấp vải. Thiên hạ bu đến coi con vật lạ, người bàn thế này, kẻ nói thế kia. Thuyết sấu tu thành cù được tán thành, nhiều người quả quyết con sấu trắng giữa lòng kinh xáng quả là loại linh vật này. Những bạn đồng thuyền với người bắt gặp con sấu khuyên ông ta nên phóng sanh làm phước để nó tìm chỗ tu đến ngày đắc quả, nhưng ông ta không nghe, cho rằng thân thể nó mềm như không có xương làm sao bơi lội được, có thả nó sẽ chết đói. Ông gọi mấy người khác cùng xẻ thịt con vật, xào với nước dứa, tương, ớt ăn một bữa ngon miệng vô cùng. Thân sấu toàn là thịt và mỡ, mềm như sụn. Ông và năm người bạn làm xâu chén sạch sành sanh, đánh ngã hai lít rượu đế.

Ăn xong, sáu ông nằm bên mâm cơm chết không trối được lời nào.

Đào cát được thịt sấu

Vào năm 1950, một vị nghiệp chủ ở quận Kế-Sách, tỉnh Sóc-Trăng sai người nhà chèo ghe qua cồn Quốc-gia ở ngang vàm sông Kế-Sách thuộc tỉnh Trà-Vinh lấy cát về cất nhà. Người này khoảng 45 tuổi, thích rượu chè, tục gọi là ông Tư ốm, đem cái vá và cái thúng, một mình chèo chiếc ghe lờng qua sông. Việc làm không có gì mệt nhọc vì xúc cát rất nhẹ nhàng: đầy thúng đồ

xuống ghe, đầy khoang, chèo về. Ông chở được một ghe buổi sáng, cơm xong, tiếp tục.

Lần sau, khi lấy vài thúng, ông xắn lưới vá xuống, đưa lên thấy một miếng thịt tươi màu trắng, không có máu, rất mềm. Ông không biết thịt gì, lật đặt đồ cát lấy thúng đựng và xúc thêm đầy ắp mới thôi. Ông không để ý xem chỗ ấy còn thịt hay hết và tại sao lại có thịt dưới lớp cát khá sâu, chỉ nghĩ đến món ăn ngon sắp được hưởng với chai rượu đế. Ông chèo ghe về khoe với chủ món vật trời cho rồi đem ngay về nhà sửa soạn xào nấu.

Hàng xóm nghe chuyện lạ tự lại xem, bàn tán xôn xao; không ai dám quả quyết là thịt gì, vì chưa bao giờ có ai thấy loại thịt ấy. Người thì cho rằng kẻ nào ăn cắp sợ lộ chuyện hối hả đem dẫu. Người thì nói chắc là loại thịt có chất độc thiên hạ mới chôn bỏ, sợ kẻ khác ăn nhằm mang họa. Hai lập luận đều có lý nhưng cũng không giải quyết được vấn đề: thịt con thú gì? Có người cao đoán hơn cho rằng có lẽ là thịt con sấu nằm tu trong lòng đất chờ đúng ngày hóa thành cù bay lên mây không dè nằm chỗ quá cạn nên gặp tai nạn như thế.

Mọi người đều khuyên ông Tư không nên ăn để tránh tai họa bất ngờ. Ông Tư nhất định không nghe, bắt vợ xào nấu theo lối thịt rừng, mời bà con cùng ăn. Ai cũng sợ đều từ chối, ngồi nhìn ông khề khà, ăn hết ba tô lớn.

Ăn xong, ông lên giường nằm ngủ một giấc ngàn thu.

Cù dậy ở rạch Cam-son và rạch Sáu.

Cuối năm 1945, quân Pháp tiến đến tỉnh Sóc-Trăng mở những cuộc bố ráp thường nhật. Một số đồng bào ở quận

Điều thuốc cho tình si

tặng Nhân

Đó là một đêm mưa mùa hạ. Khi anh từ doanh trại trở về, thì mưa đổ nhẹ trên đầu anh. Anh bước chậm rãi trên cầu Mông, nghe bước giầy xạo xạc trên vỉ sắt, và được thấy giòng sông Định mập mờ dưới ánh hỏa châu. Tự nhiên anh đâm ra nhớ em. Nhớ em thật sự. Chính trong tiếng mưa êm ái đó, chính những giọt lạnh băng đang len lén hôn trên da thịt, chính bầu trời mịt mù đen tối, nó khiến anh trở về một giấc mơ đầy nước mắt. Phải em áo mỏng nép bên anh, dưới cây đa cổ thụ, bên đình làng, phải anh chờ em rét run, dưới cơn mưa như thác, và tiếng sấm, tiếng sét đan nhau trên bầu trời vào tối. Em mang áo mưa màu tím hoa cà. Em hốt hải chạy xuống dốc. Anh từ gốc cây ô ỷm nhìn em, rồi chạy ra. Em nhìn về phía sau, nói :

— Xem tề, có người nhìn chúng ta kia tề.

— Mặc kệ họ. Em không thấy anh tội nghiệp thế này ừ ?

— Gớm mưa gì lớn quá anh hỉ ?

— Mưa giông đó em.

— Sao anh không về ? mưa lớn rồi.

Anh kéo tay em vào gốc đa ; rồi xiết chặt bàn tay của em.

— Em vào trong này tránh mưa. Anh

chờ em cả tiếng đồng hồ đó.

Em cúi đầu xuống, mái tóc thề của em, như một giòng suối. Anh muốn úp mặt vào giòng suối ấy, mà thiếp đi cho an ổn cả một đời thanh niên lận đận. Anh nói nhỏ như thề giận hờn.

— Sao em cứ tránh mặt anh hoài à.

— Tại anh cứ đi luôn. Nhiều khi chờ anh, em phát khóc.

Anh cười :

— Hay tại bà già của em. Thú thật, ra trận anh không sợ, về nhà lại sợ bà. Sợ lạ sợ lung.

— Em cũng sợ bà lắm.

Một cơn gió mạnh thổi qua, hất những giọt mưa lạnh giá vào mặt hai người. Bầu trời đã trở nên chập choạng. Con đường ven con sông trở nên mờ nhạt dưới hàng mù u, hàng sấu đông cao lớn. Anh bỗng nhiên kéo em vào. *Thủy, anh nhớ em quá.* Em rụt rè. *Thôi cho em về. Trời tối rồi. Má em la.* Nhưng anh không nói. Anh hôn rần rụa vào môi, vào má, vào cổ em. Và hai bàn tay của anh cuồng bạo hơn lúc nào hết. Anh muốn chiếm đoạt hết cái thân thề ngọc ngà của em. Còn em, em như con nai nhỏ, yếu lả trong vòng tay của anh. Em bấu chặt vai anh; cả hai thân thề như bay mất đi, chỉ còn lại một thề xác, một thề xác gấn bó, keo sơn lại

với nhau, đề không còn gì nữa hết. Đến một lúc nào đó, em xô anh ra, nói như ngộp thở: *Anh, anh cho em về, kéo trời tối rồi.*

Anh vẫn còn tiếc rẻ:

— Lo gì em, về nói với má. Tại trời mưa to mà.

— Nhưng trời tối rồi, anh xem tề. Đường đi nhìn không rõ.

— Đề anh đưa em về.

— Thôi anh. Đề em về một mình cũng được. Trời mưa to, anh không mang theo áo mưa. Sợ anh đau.

Anh cười, như thề khinh cái chuyện trẻ con đó, dù nước mưa đã thấm ướt qua làn vải trắng, làm da thịt anh trở nên tê lạnh quá chừng.

— Anh quen rồi. Em xem, đi hành quân, dầm dề cả tuần, dưới nước, cũng có sao đâu.

Em cuối đầu:

— Thôi anh đi về đi. Bữa khác gặp cũng được, anh.

— Đề anh đưa em đi một khúc.

Và hai đứa băng ra ngoài mưa gió. Một cánh chim vụt bay lên trong mưa.

— Chết trời tối quá rồi. Bà già em đang đợi ở nhà với cái roi mây.

— Đề anh về anh nhận tội dùm cho.

— Chết, có anh, bả lại càng nổi tam bành lên.

Anh thốt lên, buồn bả:

— Anh không hiểu sao, bả lại ghét cay ghét đắng anh thế này.

— Tại anh lang bạt quá. Thấy anh bả phát sợ.

— Thì bả phải hiểu. Anh là lính đánh giặc. Đâu phải cái kiểu lính cậu, lính bơ sữa.

Rồi anh nói thật tội nghiệp:

— Nhiều khi, đi hành quân vừa về, anh nhớ em, quên cả cạo râu, cắt tóc, quên cả thay quần áo, đi tìm em liền à.

— Tội nghiệp ghê.

— Như vậy không thương người ta... bắt người ta khổ.

Trời tối thật mau. Tiếng côn trùng đã vang lên một điệu buồn bã?. Mưa vẫn thét gào. Thỉnh thoảng một lần sét nổ? lên giữa bầu trời đen kịt; và tiếng sấm như rung chuyển cả một thình không đầy mưa gió. Em run rẩy nắm chặt tay anh. Anh thấy khuôn mặt em tái xanh, và dầm dề nước mưa. Hloh như có tiếng đại bác câu về mặt trận. Anh lại ôm em, ôm xiết như thề không bao giờ được ôm lần thứ hai nữa.

— Em biết đại bác đang câu về mặt trận không. Chắc lại đụng nữa rồi.

— Hình như đêm nay, có đánh lớn, Phải không anh.

— Không, đêm nay là đêm bình an nhất cho một người lính trở về từ mặt trận. Em biết không, anh đó.

Em không trả lời. Anh nói trong tiếng mưa.

— Nghĩ thực buồn cười. Hôm qua, còn nằm trên poncho, nửa đêm nghe súng pháo kích, nhảy xuống hầm, bây giờ, được đi bên em. Nè, mình quen nhau lâu chưa. Anh quên rồi.

— Hơn một năm rồi anh.

— Ừ nhỉ, hơn một năm, nhưng mình gặp nhau ít quá. Hình như ba, bốn lần. Anh thì cứ đi mãi, đi hoài.

— Không biết sao chiến tranh cứ mãi kéo dài thế này, anh.

Nếu tất cả người Việt Nam như em, thì hoà bình từ lâu rồi. Anh ngược mặt lên bầu trời đen tối. Mưa gieo nặng trên mặt anh, khiến đôi mắt anh phải cay sè.

— Ước gì đêm nay có sao — Hai đưa mình tìm một bãi cỏ, hay ụ rơm nào đó mà ngồi. Ở ngoài mặt trận, làm sao mà ngồi được. Mỗi lần dựa lưng, thì phải coi chừng lựu đạn, hay mìn bẫy

Em hỏi, thật ngây thơ:

— Ở ngoài đó, có trăng sao không anh.

— Có chứ. Nhưng đâu có đẹp như ở đây. Có người tự ví mình là một vì sao. Một đêm, thấy vì sao băng, anh ta thốt lên: Không xong rồi. Đời tao xuống đất rồi. Mà quả thực, đêm đó anh ta chết vì một cuộc pháo kích.

— Em cứ ngỡ ngoài đó như địa ngục. Phải là một cõi gì tối đen mờ mịt lắm, anh hỉ?

Anh hôn em một lần nữa. Tiếng chó sủa ròi rạc trong ấp. Một ánh đèn dầu hiện ra ngoài khung cửa. Em nói, sợ hãi: *Chết, bác em đó. Bả biết được, bả mách mà em mất...* Anh không nói, anh gục đầu vào cổ em, anh vuốt ve da thịt em, anh xục xạo từng phần thân thể của em... Em lại rên rỉ: *Anh, anh, đừng làm thế...* Tiếng súng đại bác lại rền vang từ căn cứ bên kia sông. Có tiếng đạn bắn vu vơ ở cuối-ấp. Mưa vẫn gào thét, như thể đổ xuống bao nhiêu lời hờn giận, trong tiếng rít của những hàng tre xung quanh vườn. Anh dìu em vào hàng hiên ngôi nhà bỏ trống. *Cho em về, sợ má em trêng.* Anh nghe giọng em van lơn trong tiếng mưa thét gào, anh lại càng ôm em, xiết chặt, «Mai anh đi rồi. Em làm sao biết được những ngày dài sắp sửa đến. Anh chỉ mong giờ phút này. Em không nghe tiếng đại bác cầu và mặt trận sao?» «Em có nghe, nhưng anh hiểu em, em van anh..» «Ngồi đây một chốc nữa.. Lâu lắm, để chừng bốn năm

tháng rồi, anh không thấy bóng em..» anh hôn xuống cổ, môi bắt gặp những giọt nước mưa. *Em lạnh, anh.*

— Anh chỉ mong đêm nay sẽ kéo dài mãi mãi. Mai, khi mặt trời lên, là hết. anh rời khỏi đây rồi.

— Em cảm thấy lạnh, anh.

— Em xem, quần áo anh cũng đầm dề nước. Vì em đó.

Một tràng súng lại nổi lên. Tim anh hơi nhói.

— Em không biết ở ngoài mặt trận, anh nhớ em từng giờ từng phút. Nhớ em đi học về, nhớ con đường ven sông, nhớ những cánh hoa zúi zẻ vàng như hoa búp tai thơm ngát.

— Em van anh, đừng nhắc nữa.

Anh đã ngắt mấy cánh hoa, cài lên mái tóc em. Em cúi đầu xuống, anh nói: cô bé thân yêu nhất thế giới.

— Anh đừng nhắc nữa. Mai anh đi rồi. Sạc anh đi sớm vậy, anh.

— Phi trường, trực thăng đã đậu sẵn hồi chiều. Ba-lô, súng đạn, bọn anh đã sẵn sàng cả rồi.

Và anh như một con thú cuồng bạo. Hàng cúc áo của em đã bực tung. Em nói trong nước mắt.

— Em van anh. Cho em về. Em sợ má biết.

Nhưng anh không nghe. Anh nghĩ đến mặt trận, nghĩ đến cái chết, nghĩ đến nỗi cô đơn trong những ngày sắp đến. Hơi thở anh hỗn hển, mắt anh bị hoa mờ. Còn em, tự dưng em khóc oà lên. Em nói trong tiếng khóc: *Tội em, anh. Nếu anh yêu em, tha cho em. Em còn đi học.* Tiếng khóc thảm thiết. Tự dưng, anh bàng hoàng như thể vừa ý-thức được một điều tội lỗi, xấu xa

nhất. Nó đến bằng đôi mắt rần rụa lệ, nó đến bằng tà áo trắng bay trong gió khi em nhí nhảnh như con chim sâu nhỏ, như những tập sách vở chứa đựng những nét hồn nhiên của một thuở học trò. Nó đến bằng những sáng những chiều, em trở về vui cười trong tuổi mới lớn. Nó đến bằng tiếng van lơn của con mèo nhỏ bé... em Anh đứng dậy, nói như thề không ra hơi: *Thôi em về nhà đi. Má đợi ở nhà. Về đi.* Rồi anh lao ra ngoài mưa. Con mưa lại đuổi theo, xối xả vào da anh, anh vừa mò mẫm vừa run rẩy. Bây giờ, anh mới thấy mình ngỡ ngác một cõi đen tối bịt bùng. Trời tối quá đỗi, đến nỗi anh không thể nhìn rõ đường đi. Anh bước quờ quạng. Anh đi ngã nghiêng. Thỉnh thoảng anh vấp phải một hàng rào tre, hay một bờ bụi nào đó. Có tiếng chó sủa, hòa lẫn tiếng súng nổ. Anh đoán thanh niên chiến đấu trong ấp bắn dọa. Tự nhiên anh đâm ra sợ hãi quá chừng. Ôi, cũng vì si em, mà anh phải rét run, phải quên cả đường dài, quên cả đêm tối, quên cả nỗi bất trắc đang bủa xuống trong ấp.

oOo

Lần từ giả ấy, anh mang balô súng đạn cùng đơn vị, hết di chuyển từ hướng Bắc về hướng Đông tỉnh lỵ rồi lại được tăng phái lên Cao-nguyên, trèo những ngọn núi cao hơn một ngàn thước, rồi vượt qua biên giới vào những mật khu xa xăm. Đi, đi mãi. Đi, gạo, lương khô, và những bi-đông nước lúng cụng, bên mình. Đi phờ cả râu, cả tóc. Đi, như sinh ra để mà đi, mà lội mà trèo. Đi trong khi ngủ, trong khi tiếng đại bác mở đường, những chiếc B 52 dọn sạch mục tiêu trước. Để lại những khu rừng tàn rụi. Đi trong mưa, trong nắng. Đi một tuần chưa kỳ về hậu

cứ phá phách, rồi lại tiếp tục đi. Đám lính xa nhà nhiều tên đã rời bỏ đơn vị, bị đón chặn ở các ngã ba, ngã tư khi họ tìm cách trở về nguyên quán. Và anh cũng thế, anh rời bỏ đơn vị, để về thăm em. Bởi vì, chiến tranh đã làm anh khổ quá rồi. Từ khi lọt lòng mẹ ra, anh đã biết thế nào là chạy loạn, là tản cư, là nhìn mẹ trong nhà giam, thấy bọn công an mật thám Tây tra khảo mẹ anh rồi. Chỉ còn tình yêu, mới giúp anh tin tưởng mà kéo dài cuộc sống cơ cực, mà biết được cái nguồn hạnh phúc bé nhỏ của một đời người... Vì thế anh xé cả lệnh, anh rời bỏ đơn vị, bỏ những buổi sáng tập họp điểm danh, những buổi chiều, điểm danh tập họp. Anh phải khổ sở mới đi nhờ một chiếc xe chở củi sục. Anh cởi áo quần trần, mặc đồ rách rưới, đội mũ như bàn, ngồi trên mui cao chót vót. Mỗi lần qua một trạm kiểm soát thấy những chiếc mũ nhựa đen, là tim anh phải đập loạn xạ. Anh qua một trạm ở một ngọn đèo ranh giới tỉnh, khi sương đùn ở đỉnh, chưa tan đi, sương trắng xóa, anh cứ ngỡ một ngày thái bình, anh và em theo một chuyến xe đò về quê nội. Xe sẽ dừng ở giữa đỉnh đèo. Và hai đứa mình cùng xuống, uống ly cà phê đầu tiên trong buổi sáng lạnh, nhìn xuống dưới chân đèo, để nói nhau nghe những chuyện quá khứ, những chuyện tương lai. Và anh sẽ hôn em tự do trong chiếc áo choàng phong trần... Nhưng, khi thấy một đám lính bị bắt xuống xe, thì anh lại đâm lo âu hơn bao giờ hết anh chỉ mơ ước, về để gặp em, để ôm em, hôn một nụ hôn, nhìn đôi mắt to đen lay láy của em, rồi ra gì thì ra. Dù mai có bị còng tay vào một trại giam hay bị đày lên một mật trận mới ác liệt hơn, Anh phải giả vờ la lên: *Ơ, trung sĩ, cho xe em chạy nghe. Mời trung sĩ hút thuốc.* Anh dúm cả gói salem vào túi

áo gả. Gả khoác tay rồi rít: kỳ quá . kỳ quá nà. Rồi gả tươi cười ; OK.. Đi. đi..

Trên chiếc xe ỉ, cùng những dặm đường trong sương sớm, qua những xóm làng còn đang ngái ngủ, anh cứ hồi hộp ở chuyến trở về. Phải con đường làng soai soải từ quốc lộ, qua cái đình rợp bóng mát, anh sẽ chờ đợi em, để sống lại thời mới lớn. Anh sẽ phải khóc thật thà, để nói những nỗi nhớ nhung, những nỗi khổ cực, đau buồn mà người lính ở ngoài tuyến tuyến đã chịu đựng. Ôi, nếu em thấy râu anh không cạo, tóc anh không hớt, là bao nhiêu yêu thương anh chất ngất như núi như rừng trong lòng anh. Ôi, nếu ngày mai, anh bị cởi áo quần, cởi đôi giày trận để ngoài cửa, vào bên kia song sắt, để đêm đêm, làm mồi cho lũ muỗi đói, chí rận, cũng vì em... vì em hỏi em yêu dấu.

Nhưng khi xe chạy qua một căn cứ Mỹ, để bắt đầu vào một khu chợ trời, thì mắt anh cơ hồ như hoa lên, và cả thân thể anh như thể chết đứng. Rõ ràng anh thấy em đang ngồi trong xe Jeep sao trắng, bên cạnh một thằng Mỹ trắng. Em đang cười hớn hở. Thằng Mỹ khoác tay qua nắm vai bé nhỏ của em, miệng nó líu lo gì đó anh tức chịu không nổi. Nếu có súng anh dám thả

một tràng cho nó và em rủ nhau về thiên đàng cực lạc. Nhưng xung quanh anh chỉ có mấy khúc gỗ to như cột nhà chổng chắt nhau mây. Thằng tài xế không biết, vẫn chạy xe rè rè đằng sau xe em.. Còn anh anh phải hối hả nói: Anh Tài, cho tôi xuống đây. Anh Tài. Nước mắt đã chảy lúc nào trên má anh, anh vẫn không buồn lau. Anh cầm gói đồ, buồn bã muốn chết được. Những chiếc xe sao trắng vẫn chạy vụt qua, để lại những luồng khói trắng ngạt thở, và những hồi còi ré tai nhức óc. Anh tìm vào một ngôi trường tiểu học, ngồi trên băng dưới vòm hoa giấy đỏ thắm. Đám hoa mười giờ đã nở rộ trên sân cỏ. Anh lôi món quà trong chiếc sắc vải trận. Đây là chiếc vòng Miên, đây là chiếc vòng xa cừ, anh đã khắc tên em trong những ngày đóng quân trên rừng trên núi. Đây là tập thơ anh cố mang theo trong ba lô như hình với bóng, như mang theo đôi mắt của em. Anh muốn khóc cùng em, để nói về những bài thơ còn dăm dề mờ hôi ngực, hay nhòa nhạt vì nước mưa nguồn.. Buổi trưa đã trở về... đám học trò đã riu rít ra sân. Chỉ còn lại anh, ngồi một mình đốt thuốc:...

TRẦN-HOÀI-THU

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỒ PHÔI
BỒ BỔ CƠ THỂ

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạn⁹

Nhà Xuất Bản SÁNG TẠO

Đã cho phát hành :

THẦN THOẠI VIỆT NAM VÀ TRUNG HOA

Quyển 3b (quyển thứ tư) trong toàn bộ Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng do Doãn Quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật.

Trong vòng tay tưởng nhớ

TẠ T Y

Khi chiếc phản lực 727 sửa soạn cất cánh rời khỏi vùng trời OSAKA, ngồi trong lòng ghế chật hẹp, tôi nhìn qua ô cửa nhỏ, ngó xuống Arima lần cuối. Arima đứng đó, trên chiếc bao lơn vươn ra phi đạo như một níu kéo, với bàn tay nhỏ bé đang giơ cao đưa đầy đê tỏ dấu giã biệt thay tiếng nói. Arima đứng đó. Arima đứng lẫn lộn trong một khối người với bao màu sắc trôi bồng bênh giữa không gian tràn đầy tiếng động của phi cảng quốc tế trong mùa Expo 70. Tôi nhìn Arima. Tôi nhìn khung trời đang búa vẩy toàn diện thành phố OSAKA với ngậm ngùi cảm tiếng. Tôi còn nhớ gì không? ở đằng sau phi cảng quá sạch sẽ và đẹp kia, tôi còn nhớ gì không? Có chứ! Tôi nhớ rằng, có hứa, khi trở về đến quê hương sẽ viết thư cho Arima ngay và kể cho Arima nghe chuyện Việt Nam với cuộc chiến đã tiếp nối từ mấy chục năm qua, chẳng biết bao giờ chấm dứt.

Việt Nam, Việt Nam hai chữ đó, tôi sẽ dạy Arima nói đi nói lại cho đúng cách pháp âm và Arima — nhớ không nhiều lần nữa nỉ tôi kể chuyện về đoàn quân viễn chinh Nhật Bản với chương trình Đại-Đông-Á đã hành động ra sao trên quê hương tôi trong những năm 1943 — 45, Arima thấy rõ, tôi luôn luôn phải từ chối đôi khi phải làm bộ hờn giận nữa Arima mới thôi van nài. Trong những khi ấy, tôi đọc được ở đáy mắt Arima sự nghi hoặc pha lẫn buồn tủi. Hãy quên đi! Arima!

Cũng như tôi, khi trở lại quê hương, tôi đã quên lời hứa không viết thư ngay cho Arima, dù rằng, tôi biết, ở nơi xa xôi đó, có người con gái đôi má hồng như hoa anh đào, gọn gàng trong bộ đồng phục, ngoan ngoãn ngồi ở giảng đường Đại-học mà lòng vẫn mong mỗi một lá thư gửi đi từ một phương trời không quen biết. Có đúng thế không Arima?

Ờ, tôi quên, quên thật! Đã lâu rồi, hình ảnh người lính Nhật với bộ râu quai nón đen nhánh, cặp lông mày xếch ngược đè nặng trên đôi mắt một mí với giáng điệu hung hãn trong bộ quân phục miu cút ngựa, đeo ngang hông thanh kiếm dài lê thê cùng đôi ủng da nâu lê sần sệt khắp quê hương tôi gieo những oán thù!...

Không! Chúng ta phải quên đi sự chém giết hung tàn, quên đi những trái bom Mỹ thả xuống Thủ đô Hà-nội từ chiếc máy bay hai thân B.29 trong những năm 1943-45, và những trận đòn man rợ của chiến binh Nhật. Hãy quên đi cảnh mổ bụng ngựa — những con ngựa giống Mông cồ thật to, thật đẹp — nhét đồng bào tôi vào rồi khâu lại đoạn chôn cả hai, vì kẻ đó đã dám lừa dối quân đội của Thiên Hoàng!

Màu trời Sài-gòn sớm nay nặng màu ch bồng làm tôi nhớ đến màu trời OSAKA mùa hạ. Cũng thế, phải không Arima?

Cái màu mây sũng nước đó tôi đã nhìn nó, đã thấy trong suốt khoảng thời gian tôi có mặt bên Arima buổi sáng và chiều trước giờ lên đèn. Tôi nhớ Arima, nhớ khung trời Osaka thực sự như nhớ quê hương mình khi xa cách.

Còn gì nữa? Phải rồi, cái không khí trùng trùng lớp lớp của nửa triệu con người diễn hành từ ngày này qua ngày khác trong kích thước Expo 70. Tôi đọc trên nét mặt họ, những nét mặt không để lộ nhiều thông minh mà sao họ có thể tạo dựng những công trình quá vĩ đại trên một hòn đảo, trên một dãy đảo — từ ngàn xưa bị trùng dương vây lút. Ngay cả Arima, tôi cũng chẳng nhận ra sau khuôn mặt tròn trĩnh ấy, sau tấm thân rắn như pho tượng ấy, sự chiếu sáng nào của tri giác để vươn tới đỉnh cao kỹ thuật hôm nay. Nhưng tôi đã lầm, khi được người bạn cho biết Arima đang ở ngành hóa học của Đại học Khoa học Tokyo. Arima có bao giờ nói đâu và cả Koshiha nữa, người con gái tôi thường gặp ở Festival Plaza mảnh mai trong bộ Kimono, luôn luôn nở nụ cười hiền hậu cũng đang nghiên cứu về âm nhạc nhân loại tại Đại học Nghệ thuật.

Arima nhớ không, chúng ta đã đi thăm những kỳ quan của kiến trúc thế giới tự động nơi đây. Chúng ta dừng lại rất lâu trước những tác phẩm điêu khắc, nhất là bức tượng đặt trên thềm cao trước gian hàng Hung gia Lợi. Bức tượng đó nói với tôi nhiều, nhiều lắm. Một chiến sĩ trở về với bó hoa chiến thắng trên tay mặt và ôm chặt người nữ dân quân bằng cánh tay trái đôi môi dính chặt vào nhau. Vì chiến sĩ đứng hơi cao, dù đã cúi đầu xuống mà người nữ dân quân vẫn phải rướn ngực ngửa mặt lên làm khẩu tiêu liên

sả xuống ngang lưng nàng, lơ lửng. Arima nhìn tôi. Tôi nhìn pho tượng rồi hình dung đến một viễn ảnh như chợt hiện trong giấc mơ.

Quê hương tôi còn đó, Arima! Đã ngoài hai mươi năm chinh chiến, có bao nhiêu đồ nát với bao nhiêu ước mong? Tôi tin một ngày, dù xa hay gần người chiến sĩ Việt Nam sẽ ôm chặt người yêu trong vòng tay chiến thắng nhưng không phải với môi hôn mà bằng những giọt lệ rưng rưng mừng tủi, ướt nhoè hai khuôn mặt. Arima có biết vì sao như thế không? Vì lẽ dẫn đi chúng tôi hành xử theo nề nếp phương Đông, trong đó có Arima!

Tôi từ chối, dù Arima đã cố gắng thuyết phục và mời mọc tôi vào thăm các gian hàng của "thế giới đỏ". Đích thực trong thâm tâm, tôi cũng muốn được nhìn những trang di bút của Léon Tolstoi, của Pouckine, của Gorki, đó là những vật hiếm để gì thấy được, đang hiện diện sau bức tường đỏ chói vĩ đại và cao vút kia, đứng cách xa hàng 10 cây số còn thấy "nó" mà tôi cương quyết chối từ. Tôi chối từ không phải tôi sợ sau khi trở ra toàn thân sẽ biến màu, mà tôi vẫn có mặc cảm, những thứ gì nhìn được ở đây chỉ dùng cho mục đích tuyên truyền chứ không vì văn học nghệ thuật nên tôi gì phải làm "đuôi" chờ 3,4 tiếng đồng hồ ngoài nắng, hành hạ thân xác một cách vô ích phải thế không Arima?

Từng đêm, tôi nhìn lên "cây ánh sáng" với 35.000 ngọn đèn cháy rực rỡ của nước Thụy Sĩ ở giữa lòng Expo. Arima dặn tôi, nếu lạc đường cứ nhìn cây ánh sáng đó mà đi sẽ gặp nhau. Đúng thế không?

Có đêm tôi cố ý không nhìn cây ánh sáng đó. Tôi đi khơi khơi giữa thác người trôi chảy với mười đầu ngón chân nhức buốt vì đôi giày da mới. Tôi đi để tận hưởng những giờ phút mà tôi không tìm thấy, không thể nào tìm thấy được ở quê hương tôi. Những giờ phút đó, tôi biến thành con chim nhỏ bé tự do bay nhảy và hát vang dù có vỡ toang lồng ngực!

Arima, Arima! Tôi ngỡ ngàng bao nhiêu khi thấy mình như bị lạc vào thế giới điện tử, thế giới của phát minh khoa học với muôn vạn phép màu đang hiện diện quanh tôi. Từng khối màu vận chuyển rạng rỡ, từng thác nước uốn theo sức đẩy của điện, rớt mình tung ra những hình thể lạ kỳ, như vớt vào không gian có mặt sự tươi mát làm dịu đi nhịp độ nồng cháy của thịt da mơn mớn trên thân hình của đoàn vũ nữ mở «hội thủy đăng». Những thân hình mờ ảo như bóng nhân ngư, chập chờn uốn cong vóc dáng lượn lập lờ qua suối anh đào chảy từ vùng phía lê ánh sáng.

Đã nhiều lần, tôi như kẻ mất hồn cứ đi theo nhịp chân của Arima. Tôi đã lên chiếc tháp cao chót vót «đài chỉ huy» để nhìn thấy trọn vẹn Expo. Cả một khu đồi trúc xưa kia hay không còn dấu vết. Chỉ còn ở dưới tôi một đám kiến, nhiều đám kiến đang di động tuần tự theo những nét quanh co tràn đầy màu sắc. Thành phố ở đằng xa sau những ngọn đồi trúc được chặt dần đi, thu nhỏ sự cách biệt giữa thành phố Osaka về Expo bằng những xa lộ có building cao ngất ngưỡng rải rắc hai bên. Tự nhiên tôi thấy buồn! Arima hỏi vì sao? Tôi nói, tôi yêu kiến trúc thuần túy Nhật

Bản hơn. Tôi muốn nhìn những màu áo Kimono bay đầy không gian nơi đây hơn những chiếc «mini».

Nhớ không Arima? Arima hứa, nếu tôi muốn Arima sẽ đưa tôi đi thăm khu vườn Nhật Bản ở sát Expo — vì ngoài sự tiến hóa đề hòa đồng với nhân loại, nước Nhật còn có những cái riêng biệt của mình.

Tiếng đàn Cô Tô thánh thót ngân vang trong buổi sớm dưới những vòm lá xanh biếc của tre trúc. Arima! Này Arima, chúng ta đang ở đâu thế? Đây là thế giới nào vậy Arima? Tôi nhìn thẳng vào mắt Arima mà hỏi, câu hỏi rất thực tình và thắm thiết, vậy Arima hãy trả lời đi! Có phải đây là nước Nhật, là cõi mộng mơ của thời gian lắng đọng, là sự bện lên đen sượng sùng khi một tà áo Kimono quý gặp người xuống chân tôi để dâng trà quý? Có phải cái hồ nước đang lóng lánh trước mắt tôi kia là ảo tưởng và bờ lau móm đá đang trầm tư bên khóm liễu kia đều có linh hồn? Xen lẫn vào tiếng đàn trầm buồn vắng đâu đây có tiếng reo u tịch của thời gian đang lượn trong hang sâu vách đá? Những dòng nước tự đâu đổ về hợp mặt qua các bờ cỏ, khe núi, qua rừng dương liễu đang hong tóc trong gió nhẹ, qua ngàn lớp tre trúc vàng óng đốt tơ lấp lánh đổ xuôi về cuối chân đồi? Những cánh hoa thật mong manh run rẩy soi mình xuống mặt nước như e sợ thời gian. Này Arima! hãy cho tôi biết đây là thực hay mộng? Tại sao chỉ cách một con đường mà lại yên tĩnh đến thế này? Tại sao lại sạch sẽ thanh thoát như vậy được và tại sao tự nhiên hồn mình lại phiêu phiêu như đang lượn chập chờn trên ngọn cây, khóm cỏ, trong không khí thật an lành nơi đây. Bốn bàn chân

song sóng đi vào màu xanh bát ngát, đi vào rừng dương liễu chảy lê thê theo sóng gió dạt dào. Arima nhớ không buổi đó chúng ta bị màu xanh của vườn cây vây lút và biến hai sinh vật trở thành hai linh hồn bay vờ trong không gian trong suốt thủy tinh không còn biên giới. Chúng ta đi lên đồi cao. Chúng ta bước xuống lũng sâu. Chúng ta chạy nhảy tung tăng nhẹ nhàng như được hỗ trợ bởi một sức đẩy vô hình. Chúng ta ngẩng lên nhìn trời, trời êm và nhẹ quá. Chúng ta soi bóng dưới gương hồ, mặt nước xao động bởi đàn cá vàng lượn bình yên dưới rừng rong rêu xanh biếc, tạo nên một cảnh trí khác, thật khác biệt với cái cảnh trí mà con người đã hình thành trong khu vực đời sống đề trình bày tiến bộ.

Arima, chắc còn nhớ, bữa đó chúng ta ngồi nghỉ chân trên một mỏm đá để trải rộng hồn mình theo từng âm thanh nấn muối của bản dân ca Nhật. Tiếng đàn «Cô-Tô» sao buồn thế Arima? Nó như tiếng thời gian thánh thót trong khúc ca già biết. Nó ray rứt như một tâm sự không vui thoát. Nó chứa chấp trọn vẹn từng nỗi nhớ thương quẩn quít. Nó làm cho con người lả vào cõi xa xăm mộng mị với nỗi khắc khoải về kiếp nhân sinh hạn định. Cảnh vật còn đó mà con người sẽ lần lượt đi qua. Đúng đó, Arima! Tôi cũng chỉ là một

kẻ đi qua trong giây lát và mượn tạm không gian này để tâm sự và để nhớ thương quê hương mình — một vùng đất không may nhất và cũng oai hùng nhất trong cuộc đấu tranh hiện tại.

Arima thấy không? nước Việt Nam nhỏ bé của tôi đã bị dày vò bởi chiến tranh, đã bị phân chia thành hai vùng thù nghịch. Chúng tôi đeo đuổi chiến tranh như đeo đuổi định mệnh. Chiến tranh đã làm hao mòn tiềm năng tiến hóa, Arima thấy không? Đâu có phải lỗi tại chúng tôi. Nếu không có chiến tranh thì thành phố của chúng tôi đâu còn những bãi rác thối tha, đâu có gái điếm và du đãng như hôm nay và cái xã hội của chúng tôi đâu có phải gánh chịu nặng nề những nhục nhằn về tinh thần cũng như vật chất? Nếu không có chiến tranh thì những lúc như lúc này, tôi đâu có phải đến đây với tư thế của kẻ mộng du giữa thực tại. Và này Arima, sau lưng những cái đẹp này, nước Nhật chắc còn một cuộc sống thứ hai nữa chứ?

Buổi tối nay tôi nhất định rời bỏ khu vực Quốc tế để một mình lững thững đi vào lòng thành phố Osaka, đi vào cuộc sống thứ hai, mà tôi vẫn nghĩ rằng nó cũng mê hoặc và quyến rũ không kém gì sự tiến hóa trong hòa đồng dưới ánh sáng mặt trời. Cũng những dòng điện muôn màu sinh động

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

trên nóc thành phố, một thành phố kỹ nghệ gần cửa biển. Con đường dẫn tôi đi sạch trơn lấp lánh dưới ánh sáng. Những mái nhà cổ kính với màu mái nặng nề xám rêu, xen kẽ bên dãy nhà đồ sộ cao vút. Thành phố Osaka về đêm thật êm vắng. Tôi không nhìn thấy gì ngoài những dòng điện mời gọi. Không có bóng người cảnh binh Nhật với mái tóc dài phủ lấp gáy — một hình ảnh đã gây cho tôi cảm giác là lạ — với bộ đồng phục may rộng rinh, nhưng rất nghiêm khắc trong kỷ luật. Tôi nghĩ thầm nếu người cảnh binh Nhật mà sống ở quê hương tôi sẽ bị khép vào tội «cao bồi, du đãng». Tôi băng qua những đại lộ. Tôi đi dưới những con đường chồng lên nhau như những chiếc cầu vồng đan vào nhau ngăn cơn mưa chiều ở quê tôi. Một vài nét mặt trầm buồn, đi lang thang dưới ánh đèn vàng ủa. Arima! Tôi không thích cái màu đèn bệnh hoạn đó, dù các chuyên viên Nhật cho rằng màu vàng không làm chói mắt người lái xe. Bên Nhật xe chạy bên trái với tốc lực không dưới 40 «mai» trong thành phố, nên hệ «dụng» là có chết người. Tôi ưa màu xanh nhẹ như ánh trăng tỏa xuống lòng thành phố để tạo nên mơ mộng và để lam dịu nét khô khan của từng khối «bê-tông», từng thước đường sắt hai chiều song hành, kêu rầm rầm mỗi 5 phút bởi các chuyến tàu hỏa qua lại suốt đêm ngày.

Bỗng có tiếng hát nghêu ngao vang ra từ đâu đó. Chao ôi! tiếng hát giọng trầm mới buồn sao? Tiếng hát nức nở bay lãng đãng trong không gian không có đàn nâng giọng. Tôi nhìn sang bên trái. Tôi ngó qua bên phải. Những khuôn cửa đều đóng kín, Từng mảng

ánh sáng mờ nhạt chết sững giữa bóng đêm mênh mông. Đến ngã ba, tôi dừng lại. Tiếng hát lịm dần. Một bóng người lão đảo rồi gục xuống bên thềm nhà. Tiếng hát lè nhè rồi biến thành lời nói giận dữ. Hơi rượu «saké» bay đậm một góc phố.

Arima! Đó là một thanh niên Nhật say rượu. Nhìn gã, tôi nhớ câu chuyện Arima đã nói với tôi hôm trước về anh tài xế tên Kiguchi, một gã đàn ông to con, ham uống rượu, cách đây mấy bữa đã đánh vợ như tử vì vợ không chịu đưa tiền cho anh rủ bạn đi nhậu. Tôi hỏi, vợ anh ta có phản ứng gì không? Arima, cúi nhìn xuống nền nhà nói, người vợ chỉ quỳ gối dưới chân anh với lời xin lỗi chõng. Nghe câu chuyện đó tôi thấy lòng buồn buồn.

Thành phố Osaka ban đêm không dung khách bộ hành. Nó buồn nản sao đâu. Nó chết sững theo những cánh cửa đóng im lìm. Nhưng tôi biết sau cái im lìm giả tạo đó là cuộn nộ, là khích động, là đam mê, là rã rời thâm xác!...

Arima! tôi hiểu tại sao thành phố Osaka sau cuộc sống thứ hai chỉ bắt đầu từ 9 giờ sáng mỗi ngày.

Arima thường tiếc cho tôi đã không có mặt tại đây trong mùa Anh Đào và tuyết giá. Hoa Anh Đào và tuyết rơi khắp vùng trời Osaka làm cảnh vật và con người cùng thay đổi. Bây giờ mùa hạ, tôi không cảm thấy gì khi đi thăm khu rừng Anh Đào với những cành lá tầm thường như bao nhiêu cây rừng khác mà tôi thấy trong đời.

Một ngày lại trôi qua rồi đó Arima! Mỗi giây phút qua đi thì sự chia ly giữa tôi và Arima càng gần lại. Thời gian tàn nhẫn lắm Arima biết không?

cái thời gian mà các chuyên viên Nhật thường bay tính toán chi ly để điều hành công việc mà tôi đã biết tại Hí Trường Festival Plaza. Hí trường rộng như một sân banh, khán giả ngồi bốn phía xem văn nghệ như xem đấu bò. Cảnh tượng này làm tôi nhớ đến khi còn nhỏ trong ngày hội làng mỗi năm, tôi thường ra đình xem hát chèo. Ban hát trình diễn mọi tuồng tích, mọi cảnh hi, nộ, ai, lạc trên một manh chiếu giải ở giữa sân đình. Dân làng quây quần xung quanh đông nghịt. Hí Trường Festival Plaza cũng vậy, chỉ có khác, nó được trang bị bằng kỹ thuật thuật tối tân về âm thanh và ánh sáng cũng như vị trí của khán giả trong một kích thước vĩ đại, thế thôi, Arima!

Sáng nay, Arima đã xin lỗi tôi nhiều vì quá bận câu chuyện Expo nên không thể cùng tôi đi thăm Kyoto, một thành phố cổ kính của nước Nhật được tạo dựng cách đây 6, 7 trăm năm gì đó. Không có Arima, tôi đành làm cuộc độc hành vậy. Tôi nhớ nụ cười của Arima, nụ cười hồn nhiên, mỗi khi tôi trách Arima thiếu tấm lòng hài hước, Arima nhớ không? Arima cho rằng tôi là người ngoại quốc, thời gian lưu trú có hạn nên tôi cần phải biết gấp những gì tôi muốn biết, còn Arima thiếu gì hoàn cảnh. Tôi hỏi Arima đã biết Kyoto chưa,

nếu biết, nói cho tôi về những nơi nào tôi cần đi. Arima ngưng nguầy lắc đầu.

Chẳng cần có Arima tôi vẫn đến Kyoto với niềm ước mong toại nguyện. Tôi đã gặp nước Nhật và tinh thần Nhật qua thành phố Kyoto. Những khúc đường lát đá gồ ghề. Những toa tàu điện cũ, rất cũ, cũ hơn cả những toa tàu của Hà-nội ngày xưa mà [tuổi] thơ tôi đã nhiều lần lên xuống, chạy dậm dậm dậm dứt như rùa bò với tiếng chuông leeng keeng, leeng keeng nghe thật lạ tai. Những vạt áo Kimono lấp lánh dưới ánh nắng sớm mai. Tiếng khua động của đôi guốc gỗ cao đập vào mặt đá cứng rộn ràng. Từng con hẻm nhỏ chạy ngang dọc như khu Bàn Cờ ở quê hương tôi giăng ngang tầm mắt. Tại sao trong ngõ hẻm mà cũng sạch thế Arima? Những ngôi nhà gỗ thông cửa dán bằng giấy với lối kiến trúc đặc biệt Nhật Bản mãi không chán. Màu sắc của Kyoto còn hơi nặng nề một chút đấy Arima ạ! Nhưng cũng chẳng sao vì nó là đặc tính của nước Nhật đó, phải không Arima?

Tôi đi thăm những ngôi đền cổ xưa. Tôi nhớ đến Huế với triều đại nhà Nguyễn. Chỉ có khác, kiến trúc của đền đài Nhật Bản chắc chắn và khỏe mạnh hơn nhiều. Màu mái xanh rêu được chống đỡ bởi những hàng cột cao và to

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BÒ MÁU, BỔ PHỐI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

quá vòng tay một người ôm, đỏ ửng sắc hóa hoàng chen lẫn vào màu gụ vững chải và trang nghiêm làm trong lòng gợn lên niềm sùng kính.

Này Arima! người Nhật với sự tiến bộ vượt mức kỹ thuật điện tử mà giờ này còn tin vào thần linh sao? Tôi nhìn thấy hàng đoàn người già trẻ, trai gái khom lưng cúi đầu trước những ống xâm, lăm rằm khấn vái, lúc lắc một hồi, rồi nhẹ nhàng rút ra chiếc que sắt có ghi số, kính cẩn đi đến trước mặt một vị «trưởng tượng» ngồi nghiêm trang, xếp chân bằng tròn trên tấm bực gỗ trải chiếu coi trắng nõn làm nổi bật màu da của bộ Kimono, trông giống như pho tượng, đề xin lá xâm xem vận mạng tốt, xấu. Xem xong gấp lại đem buộc vào cành cây khô ở trước đền, trông xa như hoa nở.

Tôi đã dừng lại rất lâu ở dưới mái tam quan của Bình An Thần Cung. Cái mái tam quan này hình như đã được thu hình trong phim Rhasomon mà người Việt chúng tôi phỏng dịch là Địa Ngục Môn đó. Cuốn phim này tôi đã xem cách đây gần 20 năm, bây giờ mỗi khi nhớ lại vẫn còn bị ám ảnh về cái cốt chuyện của nhà văn Nhật Bản Ryunosuke Akutagawa đã đưa ra một luận đề thật khó giải đoán.

Arima, Arima! cái thời võ sĩ đạo khét tiếng thế giới hình như đã chìm vào dĩ vãng, nó chỉ còn ở sách vở và huyền thoại mà thôi, đúng không Arima, vì tôi không tìm thấy nó có mặt hôm nay trên đất Nhật.

Tôi đã vào thăm Nam Thiên Viện với nhiều di tích lịch sử. Tôi đã leo những bực đá cao ngất. Tôi đã ngắm từng mảnh vườn ư tịch có con nước nhỏ

chảy róc rách dưới chân đi với màu cỏ hoa phơi phới. Tôi đã đứng rất lâu ở chiếc sân đất rộng lớn, mặt tiền Bình An Thần Cung có những gốc thông già cằn cỗi, nơi mà thuở xưa các vị vương giả kiêu hùng của nước Nhật xa xôi đã kính cầu làm lễ tế trời đất với nghi thức cực kỳ trọng thể. Những bước chân hôm nay của tôi nơi đây, biết đâu chẳng in lại đúng vết chân của người xưa, biết đâu đấy, Arima nhỉ? Có khác chăng, cái suy tư của tôi ở hạ bán thế kỷ 20 đã hoàn toàn sai điệu, cũng như con đường lát đá tảng gồ ghề và kiến trúc cổ kính của thành phố Kyoto đối với xa lộ thẳng băng, và những toà building cao ngất đang mọc lên ở «đô thị mới» dưới vùng trời Osaka đó, Arima!

Arima đứng chờ tôi dưới cây anh sáng với nụ cười, vẫn nụ cười quen thuộc. Tôi nói cho Arima biết cảm nghĩ cho tôi về thành phố Kyoto đối với Osaka rồi Expo 70. Hai cuộc sống mà tôi đã vô tình nói ở trên có lẽ không đúng đâu, nay nghĩ lại, nó là hai là thế giới mới đúng. Một thế giới của văn minh nhân loại mà nước Nhật cần phải góp mặt để nuôi dưỡng hơn trăm triệu con dân sống trên một dãy quan đảo bị đại dương quây chặt bốn bề, với những trận động đất bất kỳ. Một thế giới dành riêng cho nước Nhật với những phương tiện, tạp quán ngầu năm không di dịch qua từng mảnh vườn, môi gờ tương, khung cửa nhất là qua ta áo Kimono giữa mùa noa Ann Đào báo hiệu mùa xuân đã về trên đất Phù Tang. Đúng thế không, Arima?

Tính đến hôm nay, tôi đưa xa Arima gấp ba số ngày tôi lưu trú tại Osaka rồi đấy, Arima biết không? Trong đời tôi đã có may mắn được «nhỏ neo»

nhiều lần để tìm hiểu những phương trời xa lạ, những mỗi lần «nhờ neo» lại thêm một lần thương nhớ và để yêu quý quê hương mình hơn lên dù cho quê hương đã rách nát vì chiến tranh với muôn vạn nỗi nhục nhằn do thực tế đưa lại. Quê hương Việt Nam còn đó với những cảnh tượng cực kỳ trái ngược, một bên, chiến đấu và tang tóc một bên, ăn chơi đàng đẽm, đó, Arima :

Hỡi Arima ; tôi tuy ở cách xa vùng trời có Arima đang sống gần một ngày bay, nhưng vẫn nhìn thấy vóc dáng Arima qua những vật dụng thường ngày, trong nếp sinh hoạt của người Việt Nam với những nhãn hiệu National, Sanyo, Sharp, Akai, Sony, Mitsubishi, Seiko, Casson, Toyota, Datoun v.v... cùng mấy trăm ngàn chiếc xe gắn máy : Honda, Suzuki, Yamaha, Brigestone mỗi ngày nổ vang ầm thành phố Sài Gòn, mà tôi chỉ có may mắn nhìn thấy một, hai chiếc chạy lạc lõng ở ngoại ô thành phố Osaya trong suốt 18 ngày lưu trú.

Con đường từ nơi tôi ở lên thành phố phải đi qua nhà máy. Vì là một thành phố kỹ nghệ nên ở vùng ngoại ô chỗ nào tôi cũng chỉ được thấy một thứ

kiến trúc khô khan và những đường giây «cáp» chạy chằng chịt như vẽ vào khung trời Osaka những nét chì than đậm. Những cô gái mặc blouse trắng đeo găng tay cần cù làm việc trong các công xưởng thật nhanh nhẹn và khéo léo. Tôi nhìn họ bấm nút cho máy chuyền động. Tôi nhìn họ thẩn thoát theo nhịp máy chạy để thi hành nhiệm vụ giây chuyền. Arima hỡi ; tôi mong ước ngày nào đó, dưới khung trời Việt Nam, tôi cũng được nhìn và được nghe tiếng máy chạy đều đều trong công xưởng, trong nhiều công xưởng như thế đó. Đến lúc ấy có lẽ niềm thương nhớ Arima chắc tôi không thể lấy tượng hình nào của nước Nhật để làm người ngoai tâm sự !

Dòng điện muôn màu đã tắt ngấm và chìm sâu kích thước Expo 70 vào hoài niệm từ ngày 13-9-70. Những con đường đã vắng vẻ tiếng chân người và hơi thở. Những thác nước thôi vữa rành giữa không gian rộng lớn, nhưng tôi vẫn đợi chờ, biết đâu định mệnh, phải thế không Arima ?

TẠ TÝ

HOANG TRÚC LY

TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

Quyển sách giá trị dành cho mọi gia đình

bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Trước sau gì...

Thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

*Trước sau gì đôi vòng tay
Cũng buông nhau để ôm đầy nhớ thương
Anh buông khối ngọc hoang đường
Phút giây ngỡ bốc thành hương đa tình
Em buông sức sống thần linh
Thịt da vừa hiện nguyên hình trẻ trai.*

●

*Buông tay rụng hết ngày mai
Hỡi ai từ ngón lên vai giá đồng !
Rồi chiêm bao có siết vòng
Chỉ là ôm một số-không hao huyền.*

●

*Chẳng ai vào núi ra biên
Dứt nhau ăm lách cũng biển biệt thôi
Từng đoàn xe đã mù rồi
Trong tay cầm vé khứ-hồi bằng dư.*

●

*Trước sau gì đêm tương-tư
Của đôi mình cũng đen như đất này
Sâu như vết-buồn-hôm-nay
Dài như bất tận cơn-say-máu-người
Nuốt dẫn thế kỷ Hai-Mươi.*

●

*Em và Anh .. khóc lên... cười lên đi !
Trước sau gì.. trước sau gì ..*

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Trích tập NGỒI QUÁN sắp phát hành)

Mộng du

Thơ NGUYEN - THỊ - VINH

Trời dày tôi kiếp mộng du
Trên con đường dốc sa mù chiều đông
Tay không níu sợi mây hồng
Trong tròng mắt nhắm mà trông mặt trời
Nhưng mùa đông tím cuộc đời
Nắng đâu soi tới với người mộng du
Quanh tôi rặt những sương mù
Với tình Yêu với Hận thù bao vây.

Tiến người về Huế

Thơ PHAN - PHỤ NG - THẠCH

tặng Tôn-nữ T.Q

Mai em về với thành xưa miếu cổ,
Hỏi giùm ta Huế hết tủi-hờn chưa.
Ta từ dạo như chim rời xa tổ,
Vẫn nhớ hoài giọng nói ngọt-ngào xưa.

Mai em về có vào thăm Đại-Nội,
Trên lối mòn vương-vất bóng ma trời,
Em đừng hỏi điện-đài sao u-tối
Kìa ngai vàng đã sụp đổ em ơi!

Ta cũng như em một lòng hoài niệm.
Thuở huy-hoàng Huế của nước ta xưa.
Em thấy đó cuộc đời là dâu-biến,
Ôi sơn vàng sao còn lại hoang-sơ!

Em có như ta nỗi buồn đưa tiễn?
Mai em về e bước nhỏ bơ-vơ.
Ta mãi mãi vẫn một đời câm-nín,
Nhưng yêu em tha-thiết tự bao giờ ...

16-9-70 Sài-Gòn

Đàm thoại với tác-giả « Việt-nam quê hương yêu dấu »

BÁCH - KHOA

Hội-chợ Osaka, xã-hội Nhật, nhiếp-ảnh Nhật... dưới mắt Nguyễn Cao Đàm



L.T.S. — Nhiếp ảnh gia Nguyễn-Cao-Đàm là người có công vụ tại gian hàng Việt-Nam ở Hội-chợ Quốc-tế Osaka nên ông được dịp ở tại nơi đây từ khi khai mạc Hội-chợ cho tới gần ngày bế mạc. Trong một dịp gặp tác-giả « Việt-nam quê hương yêu dấu », chúng tôi được ông kể lại cho nghe rất nhiều chuyện, từ Hội-chợ Osaka đến xã hội Nhật-bản, đến cuộc triển lãm nhiếp ảnh của ông tại Đông-kinh và Hiệp-hội nhiếp-ảnh-gia Nhật-bản mà ông có dịp tiếp xúc và tìm hiểu...

Sau đây là cuộc đàm thoại thân mật này, cuộc đàm thoại đã được sự góp ý vui vẻ của nhạc sĩ Phạm-Duy, một người cũng đã từng sống nhiều ngày tại Nhật-bản.

HỘI CHỢ OSAKA

BÁCH KHOA : *Thưa anh, xin anh cho biết tại sao anh lại có dịp được ở lâu ngày tại Hội-chợ Osaka như vậy ?*

NGUYỄN-CAO-ĐÀM : Chúng tôi được Bộ Thông-Tin cử đi, nhập vào phái đoàn của Thông Tin, bên cạnh Ban Tổ chức gian hàng Việt Nam tại Hội chợ Osaka để phụ giúp cả về chuyên môn lẫn các việc gì mà Ban Tổ-chức cần đến chúng tôi. Ví dụ như về chuyên môn thì mang các hình ảnh sang trang trí cho gian hàng Việt-Nam, và giúp cả vào việc điều hành gian hàng đó nữa. Mỗi khi có thượng khách đến thăm gian hàng Việt-Nam, chúng tôi thu lại những hình ảnh. Rồi có những việc như phải in gấp và bắt thường những cuốn sách giới thiệu Việt-Nam cho hợp với đòi hỏi của Hội-chợ, công việc ấy phải làm ngay tại chỗ, nếu đưa về nước nhà làm rồi mới đem sang thì trễ quá. Mình ở nhà quan-niệm Hội-chợ quốc-tế là một nơi dành cho người các nước, nhưng đến đó mới biết Hội-chợ Osaka dành trước hết cho người Nhật đã. Tất nhiên người Nhật là người địa-phương, phải đến xem Hội-chợ đông đảo hơn cả, và do đó các gian hàng các nước phải được giới-thiệu bằng chữ Nhật. Mặt khác có nhiều cái hợp với mình mà lại không hợp với họ, ví dụ hoàn cảnh nước họ là hoàn-cảnh không chiến tranh, đang phát-triển kinh-tế, nên mình đưa ra những gì "sắt lửa" chẳng hạn là họ không chịu, cũng như những gì quá lỗ họ cũng không chịu và họ không chịu một cách rất lịch sự ..

BÁCH KHOA: *Thưa anh, tôi tưởng trong gian hàng của quốc gia mình thì mình có quyền bài trí, trưng bày thế nào cũng được theo sở thích và tự do của mình chứ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM: *Thưa anh không, Hội-chợ quốc tế bắt nguồn từ một hội-nghị quốc-tế ở Paris. Hội nghị này đã đưa ra một chủ-đề cho các Hội chợ quốc tế là: Tiến bộ và hòa đồng nhân loại. Vậy những quốc-gia nào có gian hàng ở đây, mà đi ra ngoài hoặc đi ngược với chủ-đề trên, thì gian hàng của họ sẽ không được tán thưởng. Chẳng hạn gian hàng của Cuba trình bày rất chủ quan, sắt lửa, thì kết quả là gian hàng này ít người tới xem nhất. Như vậy chính phản-ứng của người xem đã buộc những người tổ chức các gian hàng phải hướng vào chủ-đề của Hội-chợ*

BÁCH KHOA: *Còn Ban Tổ-chức Hội-chợ không bó buộc gì mình?*

NGUYỄN CAO ĐÀM: *Không anh ạ. Ban Tổ-chức họ chỉ nói cho mình rõ mục đích của hội-chợ quốc-tế này là như vậy, quý ông nên hướng vào mục đích đó mới thành công được. Nếu mình muốn thành công thì phải làm theo họ.*

Có điều đáng chú ý là chúng ta thường tưởng rằng chính phủ Nhật đứng ra tổ chức Hội-chợ này. Thực ra một Hiệp-hội Nhật đã đứng ra tổ chức. Đó là điều rất khôn ngoan, vì như vậy không có quốc gia nào trách cứ được chính-phủ Nhật là tại sao Ban Tổ-chức đã mời nước này mà lại không mời nước nọ. Thí dụ Bắc Việt, Bắc Hàn, Trung Cộng không được mời nên không có gian hàng. Hiệp-hội đứng tổ chức mình xác rằng họ chỉ mời được những nước nào có liên-hệ ngoại-giao bình-thường với nước họ mà thôi. Mặt khác họ có thể "luộc" các quốc-gia tham dự hội-chợ mà không mang tiếng. Chẳng hạn Ban Tổ-chức gian hàng nước nào cũng chỉ mang được họa-đồ và vật dụng trưng bày tới, còn nhân công và vật liệu thì phải mượn và mua tại địa-phương, qua Hiệp-hội. Nếu ông mượn nhân công của tổ-chức nào không có chân trong Hiệp-hội cũng lại không được.. Tóm lại, với danh nghĩa Hiệp-hội, họ có thể làm một vài việc hơi trắng trợn cũng không ai trách cứ họ được, vì đó chỉ một việc kinh-doanh mà thôi.

Tuy nhiên, chính quyền cũng lợi dụng được rất nhiều trong việc tổ chức Hội chợ này. Địa-điểm Hội-chợ đặt ở một nơi cách Osaka 25 cây số, là do chương-trình phá-triều đô-thị của họ muốn mở rộng Osaka thêm ra 25 cây-số về phía đó. Địa điểm chọn lựa xong lập tức phải mở đường, phải đưa điện nước tới, rồi các bia-đỉnh các tiệm buôn được tự nhiên xây dựng lên để đón chờ du khách v.v... Thế là khu Tân, Thiên-Lý, trước đây ở về phía Nam Osaka, chỉ là một nơi đèo heo hút gió toàn đồi trọc (Kiến trúc đài) bỗng nhiên trở thành một đô thị tối tân và sầm uất. Một hãng tư xây một cao-lộ dẫn tới Hội chợ, rồi thuê mỗi xe hơi đi trên cao-lộ đó mỗi lượt 200 yens. Hãng xe lửa cũng phóng thêm vài đường sắt tới đó nữa... Làm ăn tấp nập vui vẻ quá.

PHẠM DUY: *Ngoài những chuyện làm ăn đó ra, anh thấy Hội-chợ Osaka có xứng đáng với những lời ca tụng trên các báo không?*

NGUYỄN CAO ĐÀM: Hội chợ Osaka quả xứng đáng là một phổ diễn quốc tế về nhiều phương diện, nhất là về phương diện kiến trúc. Ai tới đó cũng phải nhận ra ngay vai trò quan trọng bậc nhất của kiến trúc hiện đại. Mỗi gian hàng của một quốc-gia lớn là một công trình kiến trúc tân kỳ. Mỹ đã làm một gian hàng rộng bằng 6 hay 8 lần chợ Bến-Thành chìm sâu dưới đất, và mái lại bằng chất nhựa dẻo, thời phòng lên chứ không cần một cây cột nào chống đỡ cả. Nga thì lại làm gian hàng vọt lên cao để người đi cách xa 4, 5 cây số đã trông rõ hình búa liềm và ngôi sao của họ. Úc thì dựa theo một tác phẩm hội họa của Nhật, làm một cái cầu như hình cánh cung đeo một cái bầu. Cái bầu đó là gian hàng treo lơ lửng chứa hàng vạn người xem. Gia-nã-đại đặc-biệt có sáng kiến dùng toàn kính và sắp đặt sự phản chiếu thế nào để người xem bước chân vào gian hàng của họ có ảo tưởng như lạc vào một thế-giới khác vậy.

Nhiều quốc-gia khác lại đem cái đặc-thù của mình để phô trương. Như Cam-bốt thì dùng cái mái cong của các đền Angkor, Nhật thì dùng hình tượng hoa anh-đào hay tháp 7 tầng, Côte d'ivoire thì dựng gian hàng giống như một cái ngà voi v.v...

Tóm lại các quốc-gia đã dùng tới kiến-trúc tân kỳ, thượng thặng, hoặc dùng cái đặc-trung của quốc-gia mình để xây dựng gian hàng cho người xem dù đứng ở xa đã nhận ra ngay được gian hàng đó là của quốc-gia nào.

GIAN HÀNG VIỆT-NAM

BÁCH KHOA: Thế còn kiến-trúc của gian hàng Việt-Nam? Nhân tiện anh cho biết thêm cả gian hàng Việt-Nam rộng hẹp ra sao so với các quốc-gia khác?

NGUYỄN CAO ĐÀM Xin nói đề các anh rõ là Ban Tổ chức Hội-chợ dành cho mỗi quốc gia 260 m² biểu không. Nếu nước nào muốn rộng hơn thì xin mua thêm, trả tiền. Hiệp-hội thầu mà! Gian hàng của Việt-Nam chỉ gói tròn trong có 260 m² biểu không đó, xây dựng trễ nhất, nên chỉ hoàn-thành trước giờ khai mạc có mấy tiếng đồng hồ.

Phải nói thật với các anh ngay là gian hàng đó chẳng có gì là sắc-thái Việt-Nam cả. Một cái cổng có 2 con rồng ở trên — lưỡng long châu nguyệt — có 2 cái đỉnh ở 2 bên. Cổng sơn đỏ, kiến trúc tựa như một cổng nhà quan thời xưa, có lẽ ở Huế có thể tìm thấy được vài nơi có cái cổng phẳng phất như vậy... Nhân dịp này tôi cũng muốn nhờ các anh nêu lên báo là các nhà làm văn-hoá văn-nghệ nước mình phải suy nghĩ, tìm kiếm cho quốc-gia mình một cái gì là đặc-trung, là biểu-tượng, dễ nhìn thấy là nhận ra ngay là Việt-Nam như nhìn thấy hình núi Phú-Sĩ là biết ngay là Nhật-Bản rồi...

BÁCH KHOA: Riêng anh đã có ý-kiến gì về chuyện này chưa và theo anh thì cơ quan văn hóa nào phải nhận lãnh làm việc đó?

NGUYỄN CAO ĐÀM: Trước đây người ta hay nghĩ đến Chùa một cột, được coi là một công trình kiến-trúc rất Việt-Nam; nhưng hồi ở Osaka chúng tôi

đã bàn nhau có thể lấy hình Tháp Thiên-mụ ở Huế cũng đặc biệt Việt-Nam, không giống với tháp của nước ào...

Nhưng tôi tưởng việc tìm biểu-tượng cho nước mình là một việc hệ-trọng, mà Hội đồng Văn-hóa Giáo-dục nên đề xướng đề thầu thập ý kiến của các người làm văn-hóa văn-ngệ trong nước mới được,

PHẠM DUY (cười) : Tôi tưởng gian hàng Việt-nam cứ làm theo hình một cái lô-cốt, chung quanh rào thật nhiều dây thép gai, lại có rải rác lỗ chỗ những hố mìn, bom, thế là người vào xem như nước chảy ngay...

— NGUYỄN CAO ĐÀM : Đó cũng là một ý kiến hay, nhưng phải có cái gì có tính cách vượt thời gian không gian mới được...

BÁCH KHOA : Theo tin trên báo thì vào khoảng cuối tháng 8 vừa qua đã có người thứ 4 triệu tới thăm gian hàng Việt-nam tại Hội-chợ Osaka. Con số này có thực không và như vậy so với số người tới xem các gian hàng các nước khác thì con số 4 triệu đó đã là hạng khá chưa ?

NGUYỄN CAO ĐÀM : Đó là số tạm xác thực đấy anh ạ. Gian hàng V.N thuộc vào loại đông người tới xem nhất trong số các gian hàng của những nước ở Đông-Nam-Á.

BÁCH KHOA : Theo anh thì gian hàng Việt Nam có gì hấp dẫn người xem như vậy, và tại đây người ta đề ý tới cái gì nhất.

NGUYỄN CAO ĐÀM : Tôi thấy người xem, trong số có cả vợ chồng Đông-cung Thái-tử Nhật, đề ý nhất đến cái đĩa cổ trong có ghi lại một bài thơ với bút tích của Vua Minh-Mạng và công-trình của một nhà tiểu-công-ngệ đã dựng lại mô-hình của Thành-nội Huế bằng ngà. Người Nhật coi mô-hình này thấy phảng phất giống như cổ-thành Kyoto của họ.

Nhưng gian hàng Việt-Nam hấp dẫn người nước ngoài trước hết vì cái « nhãn hiệu Việt-Nam » có giá ở nước ngoài lắm. Người Nhật chẳng hạn, họ chịu đựng chiến tranh trong 5,7 năm đã thấy hết nỗi, mà người Việt-Nam chịu đựng chiến tranh 25 năm rồi, lâu gấp 4,5 lần họ trước kia. Mặt khác gian hàng Việt-Nam cũng có lắm thứ làm họ thích thú : ngoài những thứ như cái đĩa có bút tích Vua Minh Mạng, hay mô hình Thành-nội Huế bằng ngà mà tôi đã kể còn những đồ sơn mài, những đồ khảm xà-cừ — người ngoại-quốc thích đồ khảm xà-cừ của ta lắm — những búp-bê Việt-Nam v.v... nhất là những áo dài

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

của phụ-nữ Việt-Nam trên mình các búp-bê Việt-Nam và trên mình các cô tiếp-viên Việt-Nam. Xin lưu-ý các anh là chữ «áo dài» có ghi trong tự-điền của Nhật rồi đó.

Có bữa, một hãng Vô-tuyển Truyền-hình Nhật trình bày một show về những y-phục của phụ-nữ Á-châu. Tôi có dự buổi đó và mới thấy rõ áo dài của phụ-nữ mình là tuyệt diệu. Khi người đàn bà Nhật mặc kimono, người đứng ngoài chỉ thấy bộ áo chứ không thấy người phụ-nữ nữa. Khi người đàn bà Thái-lan quấn vải lên người để trình bày y-phục của họ thì người đứng ngoài chỉ còn thấy có vải... Nhưng người đàn bà Việt mà mặc áo dài thì .

PHAM DUY : *người ta thấy tất cả : ngực, eo, mông, đùi như vẽ vậy...*

NGUYỄN CAO ĐÀM Nhất là thấy gió các anh ạ. Im phăng phắc rõ ràng mà hễ mặc áo dài bước đi là thấy gió, là thấy nét uyển chuyển, nhịp nhàng. Cái tà áo dài của Việt-Nam thật là độc đáo.

PHAM DUY : *Cho nên trước đây 6 cô mặc áo dài đi ở đường phố Paris là tất cả mọi người đi đường đều phải ngoái cổ lại nhìn hết... Tôi nghĩ tại sao ta không cho mấy ông thợ chuyên may áo dài phụ nữ của mình sang gian hàng Việt-Nam rồi may luôn áo dài cho các phụ nữ ngoại quốc tới xem, may thật nhanh. Vừa quảng cáo cho áo dài V.N., cho nước V.N., lại vừa gây cảm tình mà thu được ngoại-tệ không phải ít.*

BÁCH KHOA : *Rất đồng ý với anh Phạm-Duy và xin thêm là nếu gian hàng của ta ngoài tổ chức bán tem còn bán thêm các đồ tiểu công nghệ, thực phẩm đặc biệt V.N. như «phở» chẳng hạn... có lẽ ta sẽ hút được khá nhiều ngoại-tệ nữa.*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Anh nói «có lẽ» là khiêm tốn đấy, lẽ ra anh phải nói «chắc chắn» sẽ thu được nhiều ngoại-tệ mới đúng. Người dân Nhật bỏ 800 yens — tương-đương với 800 bạc Việt-Nam — để lấy vé vô Hội-chợ, tất nhiên họ sẽ lè-phè ở suốt ngày và như vậy họ la cà nơi này nơi khác, mua các vật làm kỷ-niệm, rồi ăn uống, nếm thử thức ăn các nước... Bởi thế quốc-gia nào cũng có một gian hàng phụ để bán các thức đó và đắt khách vô cùng.

Tôi cũng rất đồng ý với anh Phạm-Duy là lẽ ra nên tổ chức cả việc may áo dài Việt-Nam cho các phụ-nữ ngoại - quốc tới xem gian hàng của mình mà lại muốn có một cái áo dài làm kỷ-niệm. Nên cắt sẵn, hoặc may sẵn, theo mấy loại vóc dáng : cao lớn, trung bình, nhỏ con v.v., rồi sửa sau cho đúng với kích thước người mặc thì mau lẹ hơn. Minh ra ngoại-quốc may quần hay chemise họ cũng đo rồi cắt ống, cắt tay quần, áo may sẵn cho mau.

BÁCH KHOA : *Thế gian hàng Việt-Nam có tổ chức bán đồ tiểu-công-nghệ cho khách tới xem không ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Không.

BÁCH KHOA : *Tại sao vậy ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Tôi làm gì đủ thẩm-quyền để trả lời anh câu hỏi đó. (cười).

NGƯỜI NHẬT VÀ XÃ HỘI NHẬT

BÁCH KHOA : Anh đã ở tại Osaka một thời gian khá lâu, chắc anh cũng có nhiều dịp đi ra ngoài Hội chợ và tiếp xúc với đông đảo người Nhật. Vậy xin anh cho biết vài nét về người Nhật và xã hội Nhật dưới mắt anh.

NGUYỄN CAO ĐÀM : Trước khi trả lời thẳng vào câu hỏi của anh, tôi phải xin kể các anh nghe một vài chuyện có thực, rất cảm động mà tôi đã được chứng kiến tại gian hàng Việt-nam ở Hội-chợ Osaka. Các anh cũng biết trước đây gần ba chục năm, binh sĩ Nhật đã chiếm đóng và chiến đấu ở Việt-nam. Sau đó họ trở về Nhật nhưng vẫn giữ được khá nhiều kỷ-niệm. Bây giờ vào Hội-chợ thấy có gian hàng Việt-nam là những binh sĩ kể trên — nay tất nhiên đã trở về đời sống dân sự — không thể không tới thăm được.

Có một ông Nhật đứng tuổi cho biết là hồi ở Việt-nam trong một cuộc giao tranh ông đã bị thương và ngất đi. Lúc tỉnh dậy ông được một nữ y-tá Việt-nam săn sóc. Sự việc xảy ra đã quá lâu năm, nên đến nay ông quên cả địa điểm bị thương, nơi được cứu chữa và tên người nữ y-tá Việt, nhưng ông nhớ mãi hình ảnh cô gái đã băng bó vết thương và săn sóc cho ông như một hình ảnh thiên thần mà ông thờ phụng trong lòng. Ông chắc cô nữ y-tá ngày đó nay đã có gia đình và đã về già rồi, nhưng ông vẫn muốn nhờ chúng tôi chuyển hộ về Việt-Nam lời cầu chúc thiết tha của ông là người đẹp năm xưa được trọn vẹn hạnh phúc.

Lại có một cặp vợ chồng, vợ Việt chồng Nhật nhưng bà vợ theo chồng xa quê mấy chục năm đã quên cả tiếng mẹ đẻ, chỉ còn nói lồm bồm được dăm ba tiếng Việt. Họ tới gian hàng Việt-nam mà mừng mừng tủi tủi tưởng như về được quê nhà. Họ mang theo một người con gái đẻ ở Việt nam, nay đã lớn sinh viên Đại-học Nhật, mang tên Việt-nam mà không nói được tiếng Việt. Người thiếu nữ mang hai giòng máu trông thật là đẹp.

Những trường hợp cảm động như trên có khá nhiều. Điều đó chứng tỏ trước hết là nhiều người Nhật cũng rất tình cảm.

HƯƠNG XA

Đoản thiên của A. Daudet, F. Dabit, Nagai Kapu, Kim Cồ Kỳ quan, Lý Bạch, S. Zweig, L. Pirandello, R. Tagore L. Tolstoï, F. Miranda Nieto, S. Maugham, E. Thompson Seton.

Xuất bản trong tủ sách *GIÓ BỐN PHƯƠNG*

Bán tại : Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Xã-hội Nhật thật tân tiến mà tôi thấy gia đình vẫn là nền tảng. Thí dụ người phụ nữ Nhật mặc dress học cao, mặc mini jupe, lái xe hơi... mà hễ lấy chồng là phần đông chỉ ở nhà săn sóc cho chồng, dạy dỗ con cái hầu như vẫn giữ cái truyền thống phục vụ chồng con từ cổ xưa để lại.

Về sự giáo-dục con cái người Nhật tổ chức thật kỹ lưỡng. Mỗi gia đình chỉ giới hạn tối đa 4 con để chăm sóc được chu đáo. Tôi đã thấy một thành phố Osaka thật đông đúc mà buổi sáng không có bóng một đứa trẻ nào chạy lông bông ngoài đường. Sự cưỡng bách giáo dục đến bậc Trung học đã buộc trẻ phải nhất loạt đến trường. Đứa trẻ Nhật bây giờ như được cha mẹ hết sức chiều chuộng : Đến một gian hàng, đứa nhỏ tự ý lựa chọn để mua đồ, và trả tiền lấy. Cha mẹ đứng sau con chỉ đề nhắc nhở hướng dẫn đứa nhỏ mà thôi.

BÁCH KHOA : *Sống ở Nhật mấy tháng, những điều gì trong nếp sống người dân đã làm cho anh ngạc nhiên ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Tinh thần trật tự và kỷ luật của người dân Nhật, đôi khi đến phi lý, làm cho tôi chú ý nhất. Hễ cứ có 3 người cùng cần làm chuyện gì họ tự động sắp hàng ngay. Xem Hội chợ, xem chiếu bóng, vào cầu tiêu v.v... Điều sắp hàng hết. Luật lệ đã định muốn tới nơi nào đó phải đi một con đường đã vạch sẵn thì dân chúng cứ theo con đường đó mà đi tới, muốn vòng quanh xa xôi thế nào cũng được, không bao giờ họ lên đi tắt cả.

Có thể do sự trật tự và kỷ luật này mà họ ít to tiếng với nhau, đa số có vẻ như lầm lì. Trong một toa tàu như người hành khách Nhật ít trò chuyện, họ chỉ mở sách ra đọc rất yên lặng...

PHẠM DUY : Tôi xe đi điện hãm ở Pháp tôi cũng thấy dân Pháp đọc sách, đọc báo yên lặng như vậy. Nhưng tôi cho rằng dân tộc ta vui vẻ, yêu đời hơn, vì nếu chúng ta đi chuyển xe Lam, chúng ta sẽ thấy đồng bào mình oang oang trò chuyện vang cả xe ; đó cũng là tính chất cởi mở tươi vui của dân tộc mình.

NGUYỄN CAO ĐÀM : Tôi thì cho là nước họ có một nền kỹ thuật cao nên tổ chức xã hội buộc người dân phải nỗ lực làm việc để tranh sống. Lúc họ ngồi ở tàu, ở xe là lúc họ nghỉ ngơi cho lại sức, nên họ ngủ. Tôi đã từng đi nhiều chuyến xe lửa, trên toa đầy phụ nữ mặc mini jupe, đùi tuyệt đẹp, mà ngủ cả. Tiếc không các anh ?

Nói vậy chứ có lúc tôi thấy họ trật tự tuyệt vời mà họ cũng lại hỗn loạn lạ lùng. Thí dụ lúc xe chưa mở cửa thì họ sắp hàng kẻ trước người sau thật trật tự, nhưng khi cửa vừa mở là họ chen nhau lên xe như ta chen nhau ở cầu Thị Nghè ngày xưa vậy ! Rồi lên xe là mạnh ai nấy ngồi, không nhường ai cả, dù là có bà già con nít.

Ngày nào tôi cũng được xem một cảnh như thế này : Cứ trước 9 giờ là người Nhật sắp hàng lấy vé vào xem hội chợ rất trật tự. Nhưng sau đó họ chen nhau trước cổng, phải một hàng rào cảnh binh nắm tay nhau ngăn giữ ; hàng rào này cứ lùi dần, lùi dần, đến độ 300 thước họ mới buông tay ra tức thời đám đông



Nguyễn-Cao-Đàm (người mang kiếng) và một số sinh viên Việt-Nam tại nơi triển lãm nhiếp ảnh của ông ở Đông-Kinh.

ùa chạy thật đúng như vỡ chợ. Nhưng chạy ồ ạt đến trước các gian hàng thì lại sắp hàng rất trật tự để đợi lần lượt vào xem. Tôi đã được mục kích cảnh hàng người này đứng dài đến một cây số, nắng chói chang, rồi đột mưa ào ào, mà hàng ngũ vẫn không nhúc nhích. Tôi phát sợ, vì vào xem một gian hàng hội chợ chứ "ăn cái giải gì" mà chịu đựng mưa nắng trong một trật tự như vậy...

PHẠM DUY : Có lần ở Nhật chính tôi đã bị chen lấn lên xe gần nghẹt thở, nên tôi thấy anh Đàm kể rất đúng. Người ta bảo trên thế giới có 2 dân tộc có tính chất "bầy" (meute) là dân tộc Nhật và dân tộc Đức. Lễ tế một, hai người thì chẳng có gì là đặc biệt, nhưng họ có từ 3 người trở lên, thành một tập-thể, một "bầy", thì họ là một sức mạnh kinh khủng.

BÁCH KHOA : Anh có dịp quan sát các vùng quê của Nhật không? Đời sống người dân quê và người dân thành phố có khác biệt lắm không?

Các vùng quê của Nhật cũng tối tân lắm rồi anh ạ. Chỗ nào cũng có điện, có xe hơi. Một con lộ nhỏ trong làng cũng trải nhựa. Người dân quê bây giờ không còn chân lấm tay bùn nữa vì ngoài sự cơ-giới hóa nông nghiệp, người nông dân xuống ruộng là đi « ủng », loại giày có cõ cao lại có xẻ ở ngón chân cái để đi ở chỗ bùn trơn có thể bám ngón cho vững; tay họ đi găng trắng đến cõ tay thì lấm sao được nữa.

Ở nông thôn còn thấy một vài cái xe Honda ehử ở đô thị thì tuyệt đối không có loại xe hai bánh này. Toàn là xe hơi và xe hơi mới. Mỗi xe loại lịch sự trung bình, 4 cửa, giá có 300.000 yens (khoảng trên 300.000 bạc VN.) thì ai chả mua được. Đồ phụ tùng để thay sửa lại sẵn thì xe nào chả mới.

Người Nhật được huấn luyện, giáo dục ngay từ lúc còn nhỏ một tinh thần tập-thể đặc biệt nên có thể nói bất cứ việc gì phải làm cho xã-hội, thì người dân tự động làm già nửa phần và người cầm quyền làm nốt non nửa phần kia. Trong Hội chợ Osaka cũng vậy, có thể nói mỗi thước vuông nào cũng là công trình của dân chúng trên một nửa và của tổ chức non một nửa.

Phải nhận rằng tại Nhật-bản những người làm văn nghệ đã đóng góp hết mình vào việc nâng cao và đẩy sâu nghệ thuật vào dân chúng. Hầu như bất cứ cái gì, chỗ nào cũng thấy bàn tay của nghệ sĩ.

PHẠM DUY : *Tôi tưởng mỗi người Nhật cũng đã là một nghệ sĩ rồi.*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Theo tôi mỗi người dân Nhật đều được hưởng tất cả những đóng góp của nghệ sĩ và họ được cung cấp những thứ đó ở ngay tầm tay của họ.

Bất cứ vật dụng gì của họ hàng ngày như bàn, ghế, nón, áo... đến cục xà-bông cũng đều có bàn tay làm đẹp của nghệ sĩ ở đó. Ở Nhật không có chia ra những đồ thật sang cho người giàu và đồ thô sơ, cục mịch, cho người ít tiền, mà chỉ có các đồ vật trung bình cho mọi người đẹp kinh khủng.

Chẳng hạn mình muốn làm nhà, mở một gian hàng, dựng một phòng trà... là cứ tới những văn phòng chuyên nghiên cứu các việc đó, nơi đây họ cung cấp cho mình các đồ án thích hợp với miếng đất của mình giá rất rẻ, chỉ dẫn luôn cả cách trang trí, và cung cấp luôn vật liệu nếu mình muốn. Nếu không thì với các đồ án và những chỉ dẫn trang trí kia, ta cứ ra các tiệm bách-hóa là mua được đầy đủ, rồi về ta theo thể mà xây dựng, trang hoàng. Bởi thế tôi đã tới những khu bình dân như khu Bàn-cờ của ta ở Nhật bản, nhà nào cũng tiện nghi và sạch gọn. Hàng trăm tiệm giải khát tôi đã tò mò vào xem không tiệm nào trang hoàng giống tiệm nào và điều tuyệt đẹp.

Người dân Nhật nhờ các Văn-phòng nói trên mà đưa được nghệ thuật vào nơi ăn chốn ở và các người làm nghệ thuật cũng nhờ thế mà sống thoải mái được.

PHẠM DUY : *Tôi thấy ngay các nhà điếm bên đó, bất cứ nhà nào cũng trang hoàng rất mỹ thuật và trang nhã vô cùng.*

NGUYỄN CAO ĐÀM : *(Cười)* Đúng như vậy. Bên mình người nào tìm đến các kiến-trúc-sư và các nhà trang trí đều phải là người khá giàu có rồi mà có lẽ bởi thế nên các vị làm nghệ-thuật này cũng chém rất nặng, người ít tiền không dám bén mảng tới!

(Còn tiếp 1 kỳ)

BÁCH KHOA

Cuộc đời cách mạng của GAMAL ABDEL NASSER

(Tiếp theo trang 14)

Quốc gia Ả-rập nào cũng muốn thống nhất khối Ả-rập để tạo một lực lượng hùng hậu. Nhưng không một quốc-gia nào chịu bá-quyền của Nasser và Ai-cập. Chính sách liên Ả-rập của Nasser đã dần dần bị lãng quên và Nasser tỏ ra là một chính-khách thực-tế khi ông dồn mọi nỗ-lực của mình để kiến-tạo riêng cho Ai-cập.

Sau khi bại trận năm 1967, Tổng thống Nasser đã bắt đầu chuyển hướng về phía Ai-cập mà bỏ mục-tiêu liên Ả-rập. Ông đã thanh lọc hàng ngũ để củng-cố địa-vị của mình. Các phần-tử đối-lập đã bị tiêu-diệt hết. Ngay cả người bạn cố-tri của ông là Thống-chế Abdel Hakim Amer cũng không thoát khỏi sự nghi-kỵ của Nasser đến nỗi bị tố cáo là âm mưu cướp chính-quyền và phải tự-vẫn. Cũng trong chính sách củng-cố nội-bộ, Nasser đã nhiều lần sang Nga để xin viện trợ quân sự nhằm xây dựng lại quân-đội Ai-cập bị tan rã trong cuộc chiến tranh 6 ngày vào tháng 6-1967. Nga tuy cung cấp các hỏa-tiễn và gửi tới 12.000 quân sang Ai-cập nhưng vì sợ đụng độ với Mỹ nên khuyên Nasser theo một đường lối hòa-hoãn hơn đối với Do-thái. Và Nasser cũng biết rằng càng gây chiến với Do-thái thì Ai-cập càng bị thiệt thòi nên ông đã quyết định chấp nhận kế hoạch hòa-bình của Ngoại-trưởng Mỹ William Rogers. Làm như vậy ông đã bị các quốc-gia Ả-rập chỉ trích và chống đối rất mạnh. Nhưng Nasser không lùi

bước trước những khó khăn do những người Ả-rập gây ra. Ông ra lệnh đóng cửa đài phát-thanh của nhóm Giải-phóng Palestine, ngăn chặn những vụ cướp máy bay...

Khi cuộc nội chiến giữa Quốc-vương Hussein và phe giải-phóng Palestine bùng nổ. Nasser đã cố gắng giải-hòa cả hai bên và cuộc chiến-tranh này nhờ có ông đã tạm thời chấm dứt sau thỏa hiệp Le Caire. Chỉ vì muốn phụng-sự Ai-cập, ông đã làm việc không ngừng trong 18 năm qua nên sức khỏe bị hao mòn nhiều. Trong cuộc khủng hoảng Jordanie vừa qua, ông đã phải bỏ dở cuộc nghỉ hè để trở về Thủ-đô sống 9 ngày liền trong một tình trạng căng thẳng. Sức người chỉ có hạn, Tổng-thống Ai-cập Nasser đã gục ngã sau một cơn đau tim nặng ngày 28-10-1970 vừa qua để lại cho đời sống chính trị Trung-Đông một khoảng trống khó lấp nổi.

oOo

Cuộc đời của Gamal Abdel Nasser là cả một tấm gương hy sinh để phục vụ một niềm tin, một lý tưởng. Tuy lên đến tột đỉnh của danh vọng và quyền hành, người ta không hề thấy ông hưởng-thụ địa-vị của mình. Luôn luôn sống trong một biệt thự nhỏ bé ở ngoại-ô Le Caire, gia đình, vợ con ông, không được ai biết tới. Ông đã phục vụ trong 18 năm qua không phải để cho riêng ông vì chính

ông đã tuyên-bố : «Tôi không có mơ ước gì cho riêng tôi. Tôi không có đời sống cá nhân, tôi không có gì riêng của tôi cả». Nasser thuộc về Ai cập thuộc về khối Ả-rập và thuộc về cả một đệ tam thế giới chậm tiến mới được giải phóng. Với Nasser, người ta có được một phương thức phát triển kinh-tế mới lạ và độc đáo. Tuy chống đối chủ nghĩa tư bản, nhưng Nasser cũng không là một người cộng-sản. Chủ-nghĩa xã-hội của ông là một chủ-nghĩa đặc-biệt vì tuy bản hiến-chương 1962 của ông tuyên bố là ông theo xã-hội chủ-nghĩa nhưng thực ra chủ-nghĩa của ông có những điều

khác biệt là : Nasser không tin vào chủ-nghĩa duy-vật và không cho đấu tranh giai-cấp là một sự cần thiết của lịch sử. Sau hết Nasser là một trong những người hiếm có đã thành công trong việc xử dụng đảo chính quân sự như một một phương-tiện xây-dựng quốc gia. Vì cuộc đảo chính của Gamal Abdel Nasser không những không làm xáo trộn đời sống trong nước, mà còn đưa Ai-cập bước vào một giai-đoạn sáng lạn nhất trong lịch sử của nước này.

TỪ TRÌ

Bạn đã biết đại văn hào NGA

LÉON TOLSTOÏ

qua những bản dịch : *An-Na Kha-Lê-Ninh, Một bản đờn, Cái chết của Illytch, Chiến tranh và Hòa bình,*

là bạn chưa biết toàn vẹn bậc thiên-tài quốc-tế này, vì phần trẻ trung nhất, phần tươi mát nhất, phần trung thực nhất của Tolstoi vốn gởi trong **Les Cosaques** mà Nguyễn-trọng-Đạt dịch và giới thiệu với cái nhan thơ mộng :

SƠN LÂM ÊM ĐÊM

TRÍ - ĐĂNG xuất bản và phát hành.

Địa chỉ : 21, Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn, Đ.t 92.017

Thời sự thế-giới

TỪ - TRÍ

Trong những ngày vừa qua dư-luận quốc-tế đã không ngớt chú ý tới hai sự kiện quan-trọng là cuộc du-hành Âu-châu của Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon và cái chết của Tổng-thống Ai-cập Nasser. Thật vậy cuộc du hành của ông Nixon đã được đặt trong kế-hoạch đi tìm hòa-bình của chính-phủ Hoa-thịnh-đốn hiện tại nhằm lôi cuốn thiện cảm của cử-tri trong kỳ bầu cử Quốc-hội sắp tới. Cuộc du-hành này nhằm mục đích tìm hòa bình nên nó đã có nhiều liên-hệ tới cả Trung-Đông lẫn Việt-Nam, hai điểm nóng trên thế-giới. Nhưng kết quả những hoạt động ngoại-giao của Mỹ tại Trung Đông đã trở nên hết sức mong manh sau cái chết của Tổng-thống Nasser và những sáng kiến hòa-bình tại Việt-Nam của Tổng-thống Nixon cũng vấp phải thái-độ bất nhượng bộ của phe Cộng-sản, nên người ta có cảm tưởng rằng chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ hiện nay chỉ nhằm những mục-tiêu bầu cử.

Những sáng-kiến hòa-bình của Tổng-thống Nixon

Càng gần ngày bầu-cử Hạ-viện và 1/3 Thượng-viện, chính-phủ Hoa-kỳ lại càng hoạt động mạnh mẽ kiếm phiếu. Trong các hoạt động ngoại-giao này chính-phủ của ông Nixon đã hết sức cố gắng tỏ ra hòa-hoãn để ru ngủ các phong-trào chủ-hòa tại Hoa-kỳ.

Trước hết chính-phủ Hoa-thịnh-đốn

đã ngăn chặn bằng cách này hay bằng cách khác cuộc viếng thăm Hoa-kỳ của Phó Tổng-thống Việt-Nam Nguyễn-Cao-Kỳ, người bị dư-luận Mỹ coi là "điều hâu". Những quyết-định trái ngược của Tướng Kỳ đã cho người ta thấy có nhiều bí mật ở bên trong mà công chúng chưa được rõ. Nhiều người còn tự hỏi không hiểu Nixon đã có một vai trò nào trong vụ này. Và từ đó người ta đặt nhiều giả-thuyết khác nhau. Việc ông Kỳ hoãn cuộc công du Mỹ và vụ máy bay của bà Kỳ bị hư không thể sang Mỹ được, cho người ta thấy có quá nhiều sự ngẫu nhiên và trùng hợp. Và do đó dù muốn dù không, người ta cũng cho là Tổng-thống Nixon đã tỏ ra mềm dẻo trong vấn-đề hòa-bình ở Việt-Nam.

Cùng một lúc Tổng-thống Nixon lại quyết định đi thăm 6 nước Âu-châu một cách vội vã. Ông đã tới Âu-châu để làm hai việc chính. Trước hết là họp với các Đại-sứ Mỹ, nhất là với ông Bruce để bàn về kế-hoạch hòa-bình, sau là biểu-dương lực-lượng trên biển Địa-Trung-Hải. Cả hai hành động này một lần nữa lại bày tỏ thiện-chí hiếu-hòa của ông Nixon. Thật vậy khi biểu-dương lực-lượng của Đệ-lục hạm-đội Mỹ, ông Nixon đã muốn cho các lãnh-tụ Ả-rập ở ven bờ biển Địa-Trung-Hải biết là ông sẵn sàng dùng quân-đội để bảo-vệ cuộc ngưng chiến giữa Do-thái và Ả-rập và sẵn sàng lãnh nhận

trách-nhiệm can-thiệp vào Jordanie để củng cố địa-vị của một Quốc-vương Hussein hòa hoãn. Ông cũng muốn dùng đệ-lục hạm-đội để cảnh cáo Nga-sô, trong những ngày gần đây, không những đã vi-phạm hựu-chiến Trung-Đông bằng cách đặt các dàn hỏa-tiến ở ven bờ kinh Suez mà còn đang âm mưu thiết-lập căn cứ tàu ngầm ở Cuba và muốn rút lui khỏi cuộc thương-thuyết giới-hạn vũ-khí chiến-lược (SALT). Nhưng kế-hoạch của ông Nixon ở Trung-Đông bị một dữ-kiện mới làm sai lạc là cái chết đột ngột của Tổng-thống Nasser. Kế-hoạch hòa-bình tại Trung-Đông của ông Nixon từ trước tới nay vẫn dựa vào sự ổn-hòa của hai ông Nasser và Hussein. Với cái chết của Nasser, kế-hoạch hòa-bình của ông Nixon bỗng nhiên bị lung lay.

Quan trọng hơn nữa là những hoạt động tái lập hòa-bình ở Việt-nam. Sau khi thảo luận với các nước bạn Anh, Ý, v.v. và với Đại-sứ Bruce, ông Nixon đã trở về Hoa-thịnh-đốn đề tung ra một đòn ngoại-giao mới khiến cho phe Cộng-sản bị lúng-túng. Ngày 7-10 vừa qua trong một diễn-văn gửi quốc-dân Mỹ ông Nixon đưa ra một đề-nghị 5 điểm: Ngưng bắn tại chỗ trên toàn cõi Đông Dương; Triệu tập hội-nghị Hòa-bình Đông-Dương; Thương-thuyết lịch-trình rút quân của Mỹ; Tìm giải-pháp chính-trị cho Nam Việt-nam; Phóng-thích tù binh.

Với kế-hoạch này Hoa-kỳ đã nhượng bộ tới mức tối đa vì vậy dư-luận quốc-tế và quốc-nội đã dành cho đề-nghị của ông Nixon nhiều cảm-tình. Nhưng phe Cộng-sản ngay ngày hôm sau đã bác bỏ những đề-nghị của ông Nixon. Vì vậy mà ông Nixon có thể tự coi là đã đạt được mục-tiêu của mình. Bài diễn-văn của ông đã đặt phe Cộng-sản trước một sự lựa chọn quan trọng: Một là chấp nhận thì họ sẽ bước vào một tình thế khó khăn vì Cộng-sản chỉ sử dụng bạo lực hữu hiệu để chế-ngự dân chúng khi họ còn trong bóng tối, nếu chấp nhận đề-nghị của ông Nixon họ sẽ phải xuất đầu lộ diện thì hoạt-động của họ không còn hiệu-nghiệm nữa. Hai là bác bỏ thì họ lại tỏ ra thiếu thiện chí. Nhất là ông Nixon lại còn được sự thỏa thuận không những của Nam Việt-nam mà còn của cả Lào và Kampuchea nữa.

Những hoạt động vừa qua của ông Nixon đã được nhiều giới trong nước Mỹ hưởng ứng. Ngay cả Thượng Nghị-si Mansfield một nhân vật có tiếng là "bồ câu" cũng lên tiếng ngợi khen ông. Từ nay tới đầu tháng 11 ông Nixon sẽ vững tâm hơn đề đương đầu với cuộc bầu-cử sắp tới.

**Trung Đông sau cái chết của
Tổng thống Nasser.**

Nếu viễn-tượng hòa bình còn xa

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

vời ở Việt-Nam thì tại Trung-Đông nó cũng không gần hơn chút nào. Sau gần ba tháng giằng co, người ta vẫn chưa tiến tới được một cuộc thương-thuyết thực-sự để chấm dứt một tình-trạng chiến-tranh khi nóng khi lạnh kéo dài từ 22 năm qua.

Tuy kế-hoạch hòa-bình của Ngoại-trưởng Mỹ Rogers đã được cả Do-thái và hai quốc-gia Ả-rập trực-tiếp liên-hệ chấp-thuận nhưng cả hai bên đều vẫn giữ nguyên quan-điểm của mình. Sứ-giả của Liên-Hiệp-Quốc là ông Gunnar Jarring đã vận dụng hết tài-năng ngoại-giao của mình nhưng cả Ả-rập lẫn Do-thái đều không tỏ ra nồng-nhiệt để trực tiếp gặp nhau.

Cuộc hưu chiến 90 ngày sẽ chấm dứt vào tháng 11 tới nhưng các biến-chuyển mới của Trung-Đông không cho phép người ta hy-vọng rằng tình-hình sẽ tiến-triển khả-quan hơn. Tại mỗi bên người ta đều cố gắng củng cố nội bộ để nếu thương-thuyết có bắt đầu thì mỗi bên đều có ưu-điểm để trả giá.

Với sự yểm trợ của Nga, Ai-cập đã đặt một hệ-thống hỏa-tiến phòng không tại ven bờ kênh Suez và tại các đô-thị lớn nên các nhà cầm quyền ở Le Caire đã vững tâm hơn. Tại Jordanie phe giải-phóng Palestine muốn phá hoại các cuộc thương-thuyết nên đã tấn công quân đội hoàng-gia. Cuộc chiến tranh giữa Quốc-vương Hussein và phe giải-phóng Palestine đã được chấm dứt nhờ sự dàn-đòa của Tổng-thống Nasser. Tuy hai bên đều thỏa thuận rút quân về vị-trí cũ nhưng số phận của Quốc-vương Hussein trở nên hết sức bất bênh. Với thỏa-ước Le Caire, Tổng-thống Nasser đã thành lực-lượng duy nhất để bảo vệ ngai vàng cho Quốc-vương Hussein.

Nhưng một ngày sau khi thỏa-ước Le Caire được ký kết, Tổng thống Nasser đã đột ngột qua đời khiến cho tình hình chính-trị Trung-Đông trở nên bất ổn. Từ trước tới nay tuy theo đuổi mục-tiêu thống-nhất Ả-rập, nhưng Tổng-thống Nasser vẫn là hy-vọng cuối cùng của hòa-bình ở Trung-Đông. Với uy tín cá nhân, ông đã bắt buộc được các quốc-gia Ả-rập khác phải chấp nhận một đường lối hòa-hoãn đối với Do-thái.

Cái chết của ông sẽ mở màn cho những cuộc phiêu lưu chính trị và quân sự đầy hậu quả tai hại tại Trung-Đông. Trước hết là một cuộc tranh quyền sẽ diễn ra tại nơi này. Người kế vị Nasser là Phó Tổng thống Anwar Sadat. Nhưng ông Sadat chỉ là một vị quyền Tổng-thống chấp hành tạm-thời cho tới khi Quốc-hội Chính-phủ và đảng Liên-hiệp Xã-hội Ả-rập chọn một vị vị Tổng-thống mới. Ngay từ bây giờ người ta đã thấy 2 phe xuất-hiện. Trong khi các ông Heikal, Chủ-nhiệm tờ báo chính-thức Al Ahram và Mohamedine thân Tây phương thì ông Sadat, quyền Tổng-Thống và ông Sabry, Thủ-tướng thân Nga. Một trong các nhân vật của phe bên này đặc cử là phe bên kia sẽ chống đối khiến cho Liên-hiệp Xã hội Ả-rập sẽ bị phân hóa và người ta không còn có một Nasser đầy uy-tín để tái lập đoàn-kết cho đảng nữa.

Ngoài cuộc tranh-quyền tại Ả-rập, người ta sẽ còn thấy một cuộc tranh quyền lãnh-tụ khối Ả-rập sẽ bùng nổ tại Trung-Đông. Đại-tá Boumédiène của Algérie, ôn Jaafar Numeiry của Soudan, ông Arafat của phe giải-phóng Palestine và Đại-tá Atassi của Syrie sẽ thi đua bày tỏ tình thần cách-mạng và hiếu

chiến của mình. Phương tiện duy nhất để nắm quyền lãnh đạo Á-rập là chiến thắng Do-thái. Như vậy tham vọng cá nhân sẽ có thể đưa tới một trận chiến-tranh Trung-Đông thứ 4. Đụng độ với Do-thái tức là phải đương đầu với lực lượng Do-thái vô cùng hùng hậu. Nhất là trong những ngày qua người ta vừa phát giác rằng Do-thái

đã chế tạo nhiều bom nguyên-tử và những phương-tiện chuyên-chở bom nguyên-tử. Bị tấn công, Do-thái sẽ trả đũa lại một cách quyết liệt khiến cho cả các quốc-gia Trung-Đông sẽ bị uy hiếp. Nếu Nga nhảy vào vòng chiến bên cạnh phe Á-rập thì người ta e rằng một cuộc chiến tranh nguyên-tử sẽ bùng nổ và lan rộng trên khắp thế giới.

TỪ TRÌ

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Luna 16



Hơn một năm trước đây bên cạnh sự thành công lịch sử của phi thuyền Apollo 11, sự thất bại của phi thuyền Luna 15 như một bóng mờ thảm hại.

Mấy giờ sau khi hai phi hành gia đầu tiên của nhân-loại đặt chân lên đất chị Hằng, dựng lên nơi hành tinh xa lạ này lá cờ hoa tượng trưng cho Hiệp-chủng-quốc thì Luna 15 của Nga âm thầm lao từ trên quỹ đạo mặt trăng xuống vỡ nát thành trăm mảnh. Chính quyền và giới - khoa - học Nga nín thinh.

Vào cuối tháng 9 vừa qua người Nga lại thử thời vận một lần nữa. Luna 16 được phóng lên Nguyệt cầu thi hành sứ mạng bỏ dở của Luna 15 trước kia. Mấy ngày sau hãng thông-tấn Tass loan báo sự thành công của phi-thuyền Luna 16 đã êm ái đáp xuống vùng biển phì-nhiều (Sea of Fertility), lấy một ít đất trên bề mặt Nguyệt cầu và sau cùng đã rời mặt trăng trở về Địa-cầu bình an.

Sự thành công của Luna 16 làm cho người Nga hãnh diện. Hãng thông-tấn và báo chí Nga tường thuật rất nhiều về chuyến bay này, không còn dấu đầu dấu đuôi như những lần trước.

Về phương diện khoa học thuần túy,

sự thành công của Luna 16 là một tiến-bộ quan trọng trên lãnh vực điều khiển phi-thuyền trong không gian.

Luna 16 là phi-thuyền không người lái, được điều khiển hoàn toàn do những tín hiệu vô tuyến đánh đi từ Trung-tâm kiểm-soát dưới đất. Đây là một cuộc hành-trình toàn-hảo, mọi việc đều xảy ra theo đúng ý muốn của người điều khiển, chỉ có một chuyện trực trặc là hệ thống truyền hình trên phi thuyền bị hỏng không sử dụng được. Phi thuyền đã dùng một que kim loại dài để xúc đất. Vùng biển Phi-nhiều được coi như là một trong những vùng đất xưa nhất của nguyệt cầu, đất lấy được tại đây có một giá-trị quan trọng trong việc tìm hiểu cách cấu tạo của hành-tinh.

Theo các quan-sát-viên của cơ quan NASA thì Luna 16 có một khuyết-điểm khá nguy hiểm. Phi thuyền không được trang bị hệ-thống nỏ-tiền phụ cho nên nếu trên đường về phi thuyền đi lệch đường thì Trung-tâm kiểm soát không thể sửa đổi lại đường bay được. Góc an toàn để trở vào bầu khí quyển trái đất rất nhỏ. Đây là một giai-đoạn nguy hiểm nhất cho bất cứ một cuộc thám hời phi thuyền nào, chỉ một sự sai lệch nhỏ là phi thuyền sẽ bốc cháy vì sức ma-sát khủng khiếp hay ngược lại sẽ bị trượt ra ngoài, vĩnh viễn nằm trong quỹ đạo trái đất.

Phái đoàn của phi thuyền Luna 16 chỉ bằng 1/20 hay 1/50 các chuyến bay có người lái của Hoa Kỳ. Nghĩa là thay vì phóng một phi thuyền Apollo 11 người Mỹ sẽ có dư tiền phóng hơn 20 phi thuyền kiểu Luna 16 lên mặt trăng để xúc đất. Hơn nữa phi thuyền có người lái sẽ đặt ra một vấn đề quan

trọng khác là sự an toàn của phi-hành gia. Vậy theo Nga số thì các chuyến bay có người lái là không cần thiết và với sự thành công của Luna 16 người Nga có một cơ hội bằng vàng để chứng tỏ mình nhân-đạo hơn người Mỹ nhiều.

Bệnh ung-thư và chất phóng xạ đồng vị

Trong cuộc họp thường niên của tổ chức y tế quốc tế (W. H.O) năm nay, bệnh ung-thư đã được lấy làm đề tài tranh luận. Tất cả các chuyên viên trên thế giới đều công nhận rằng «ung thư khám sớm, dễ lành». Tại các bệnh-viện trên khắp các quốc-gia có chân trong tổ chức y-tế quốc-tế đều có treo biểu ngữ này để nhấn mạnh sự quan trọng trong việc sớm phát giác kịp thời căn bệnh ung-thư.

Tại nhiều nước tiền tiến họ đã thành lập được chương-trình khám phá bệnh ung thư vú và ung thư cổ tử cung. Hai bệnh ung-thư này càng ngày càng nhiều cùng một lúc với sự bành trướng mức tiêu thụ của thuốc ngừa thai. Mặc dù chưa có một bằng chứng thật sự nào về mối nguyên nhân nhân-quả của thuốc ngừa thai và bệnh ung-thư cổ tử-cung, một số đông phụ nữ đã bỏ phương-pháp này để dùng các phương-pháp khác ít đe dọa hơn như màng chắn, vòng xoắn. Cho tới nay phương-pháp chắc chắn nhất để xác định ung thư cổ tử cung là thuật xét mông âm đạo (frottis vaginal hay còn gọi là Pap's smear) Phương-pháp này có thể cho phép khám phá bệnh ung thư ở giai đoạn tiền ung thư, khi các tế bào còn bị giới hạn tại một vùng thật nhỏ ở cổ-tử-cung. Phương pháp giải phẫu có thể đem lại kết-quả chữa khỏi 100%. Nếu ung thư được khám phá ở một giai đoạn

muộn màng hơn, khi các tế-bào ung thư đã ăn lan rộng ra các lớp khác của tử cung, hoặc lan qua các cơ quan xung quanh, hoặc di chuyển theo mạch máu hay theo hệ thống bạch huyết để tới các cơ quan ở xa như gan, phổi thì hy vọng chữa khỏi không còn nữa. Tế-bào ung-thư là những tế-bào sinh-sản rất mau lẹ, sự chẩn-đoán chậm trễ trong vòng vài tháng đủ làm thay đổi tương lai của bệnh nhân. Trong phương pháp trị-liệu hiện-đại, khi ung-thư cổ tử-cung đã qua giai-đoạn *tại chỗ*, người ta áp dụng phương pháp giải-phẫu và trị liệu bằng các chất đồng-vị phóng-xạ như Radium, Cobalt phóng-xạ...

Các chất đồng-vị phóng-xạ từ lâu đã được dùng để chữa hầu hết các chứng ung-thư trên cơ-thể con người. Sự hiệu-nghiệm của phóng-xạ tùy thuộc vào bản-chất của tế bào ung-thư: có nhiều loại tỏ ra rất nhạy cảm trước tia phóng-xạ, có nhiều loại không bị ảnh hưởng gì. Giờ đây phóng-xạ đồng-vị được dùng vào trong một vai trò khác: khám phá ra tế-bào ung-thư. Nguyên tắc căn bản là các chất phóng-xạ đồng-vị này có khuynh-hướng tụ lại ở các mô có ác tính, tức là những mô sẽ tạo nên bướu ung-thư sau này, hơn là những mô bình thường. Phương pháp mới mẻ này có thể cho nhà chuyên môn

một chẩn đoán sớm hơn phương pháp thông thường khi dùng quang tuyến X một thời gian là 6 tháng.

Sự áp dụng được các chất phóng-xạ đồng vị vào phương pháp chẩn đoán bệnh ung thư là nhờ sự có mặt của những máy cyclotron tại các trung-tâm y khoa. Các cyclotron cho phép chế tạo các chất phóng-xạ đồng-vị có một bán sinh ngắn, không có đủ thì giờ để làm hại cơ thể khi chích vào người. Trước đây, các chất phóng-xr chỉ có thể sản xuất tại các trung-tâm nguyên-tử lớn nên cần phải chế tạo các chất có một bán-sinh thật lâu để có thể còn dùng được khi di chuyển tới các bệnh viện. Những chất này, khi chích vào cơ-thể sẽ tồn tại rất lâu và tiếp tục phát ra các tia phóng-xạ có hại cho cơ-thể lành mạnh.

Tại bệnh viện Sloan-Kettering, bác-sĩ John Laughlin đã dùng Nitrogen 13, Oxygen 15 để khám phá ung thư phổi và một chất hoàn toàn nhân tạo là Technetium 99m để khám phá bướu ung thư não. Cả 3 chất đều có bán sinh rất ngắn từ vài giờ tới vài ngày. Hai chất thông dụng nhất hiện nay là hai đồng-vị phóng xạ của Gallium và Indium, có một bán-sinh ngắn ngủi là 3 ngày. 24 giờ sau khi chích vào mạch máu, Gallium phóng xạ và Indium phóng xạ tụ lại ở xương, sau đó chúng kết hợp với các dẫn bạch tinh ở máu để di chuyển đến các bướu ung-thư ở các cơ quan khác. Như thế hai chất này có thể giúp khám phá bướu ung thư ở những cơ quan khác nhau trong cơ thể.

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Nước Úc cả thẹn

Liên tiếp bốn tháng nay cuốn *Portnoy et son complexe* của Philip Roth có tên trong bản danh dự những sách bán chạy nhất ở Pháp.

Trước đó, nó đã khét tiếng ở Mỹ.

Vừa rồi, qua Úc, nó gặp nạn bị cấm vì dâm ô. Úc không phải là một dân tộc hay kiêng kỵ vu vơ. Dâm ô mà đến nỗi Úc phải cấm, thì phải là dâm ô có cỡ, đáng liệt vào bản danh dự lắm.

Trong khi chờ đợi.

Jean Marie Le Clezio bảo ông ta viết văn từ hồi 8 tuổi. Năm nay 30 tuổi rồi vẫn còn thêm viết ghê gớm.

Le Clézio có những cơn thèm muốn không giờ giấc. Nhiều lúc đang đi giữa đường, nổi cơn, không viết không chịu được, phải ghé cấp tốc vào một quán cà-phê bên đường, úi hoáy viết một lúc, thanh toán mấy ý kiến dồn dập trong đầu, xong lại ra đi.

Le Clézio viết dễ dàng: từ đầu tới cuối bản thảo viết bằng bút chì nguyên tử lắm khi không có sửa chữa, tẩy xóa gì cả. Trung bình từ 1963 đến nay mỗi năm cho xuất bản một tác phẩm.

Tác phẩm mới nhất là *La guerre*. Không phải nói về chiến tranh Việt-Nam cũng không phải chiến tranh Trung Đông. Đây là cuộc chiến tranh giữa xã hội mới, giữa nền văn minh kỹ thuật và con người, giữa bụi bặm, ồn ào, xe cộ, máy móc, và cuộc sống tinh thần của con người.

Đề tài không mới mẻ gì, nhưng tác phẩm của Le Clézio vẫn độc đáo, vì một lối viết riêng. Giới phê bình ấn tiếp tục khen, nhưng giới kinh doanh thì e: bởi vì sách của Le Clézio bán không chạy mấy.

Nhưng chề nặng lời nhất vẫn là chính tác giả. Ông ta nói: «Một ngày nào đó tôi sẽ thôi viết, viết lách chẳng danh giá gì chỉ là một tật xấu, tôi luôn luôn

Trong khi chờ đợi, sách vẫn bày bán và quảng cáo ráo riết.

Lịch sử và tiểu thuyết

Philippe Alexandre là cháu của bộ trưởng Michel Debré là một nhân vật thân cận với Pompidou từ lâu. Gom góp tin tức, tài liệu, các mẫu âm sự v.v... trong các giới cao cấp, Philippe Alexandre viết một tác phẩm về cuộc xung đột giữa De Gaulle và Pompidou

Sách có cái tên này lửa *«Le duel de Gaulle — Pompidou»*, Và đã gây ra những xôn xao bối rối trong giới chính quyền Pháp.

Có người trình cho Pompidou ấn cáo cuốn sách lúc đang in. Xem xong, Pompidou phê bình: «Nhu tiểu thuyết».

Philippe Alexandre là một ký giả kiêm một sử gia. Lời phê bình của Pompidou chắc chắn sẽ không được dùng để quảng cáo sách.

Phản bảo tàng

Ông Pompidou ước mơ có thể khánh thành một công trình văn hóa trước khi rời ghế Tổng thống, nếu phải rời ghế Tổng thống sau nhiệm kỳ bảy năm đầu tiên.

Công trình lớn lao ấy là một viện bảo tàng. Nhưng ông Pompidou không thích chữ «bảo tàng»: bảo tàng! nghe như là cái nghĩa địa của các tác phẩm, nơi cất giữ chôn vùi các tác phẩm, nơi dành cho di vãng... Pompidou muốn tạo khung cảnh dành cho sự sinh hoạt của một thứ nghệ thuật đang sống động, nghệ thuật hiện đại. Đây phải là khung cảnh của sáng tạo nghệ thuật, không phải để bảo tàng nghệ thuật. Có kẻ gọi đùa: một... phản bảo tàng!

Tại đây sẽ có một thư viện, đủ chỗ cho ba, bốn nghìn độc giả, có chỗ ăn, chỗ uống cà-phê... Sách đồ mới luôn luôn, cho kịp với tình hình văn học.

Tại đây cũng có nơi hòa nhạc, có phòng triển lãm hội họa, có nơi chiếu bóng có nơi trưng trữ phẩm và họa phẩm, đặc biệt là họa phẩm hiện đại v.v...

Tất cả chiếm một khoảng rộng 2 mẫu trên đồi Beaubourg, dự tính khởi công xây cất vào đầu năm 1972. hoàn tất vào cuối năm 1974.

Giải Nobel Văn chương

Giải Nobel Văn chương năm nay lại về tay một văn sĩ Nga : Alexander Soljenitsyne. Nhưng lại là một văn-sĩ Nga chống đối. Trường hợp này khiến chúng ta nhớ đến giải Nobel đã cấp cho Boris Pasternak trước đây.

Alexandre Soljenitsyne nổi tiếng trước tiên nhờ cuốn *Một ngày của Ivan Denisovitch* xuất bản năm 1962. Sau đó là những tác phẩm không xuất bản được ở Nga-sô : *Cửa ngục thứ nhất*, *Phòng ung thư v.v...*

Dos Passos không còn

Trong khi một nhà văn Nga đạt đến tột đỉnh vinh quang, thì một nhà văn Mỹ — Dos Passos — vừa qua đời.

Dos Passos là văn hào cuối cùng trong lớp Hemingway, Faulkner, Steinbeck... vinh dự của văn-học Huê-kỳ một thời tiền chiến.

Dos Passos từ trần vì chứng đau tim. Trước khi nhắm mắt, hẳn ông ta đã có thì giờ kịp suy nghĩ về sự ra đi của một đồng nghiệp cùng thế-hệ ở Âu châu : François Mauriac.

TRANG THIÊN

Suối bùn reo

5 giờ chiều Thứ Bảy 3-10 vừa qua, nhân buổi khai-trương Trường Mẫu Giáo Mi-Tiến của chị Thoại-Dung (vợ nhà văn Ngu Í,) ở số 102-104/1B đường Nguyễn Trãi (Cholon) anh Ngu Í cũng cho ra mắt cuốn sách của hai vợ chồng anh mang tên « *Suối bùn reo* », một cái tên cần phải có sự giải thích. Và hai tác giả đã giải thích trong « *Lời mở lòng* » như sau :

« Đây là mười lăm câu chuyện phụ nữ của hai tôi nói từ lâu trên một đài phát thanh ngoại quốc... »

« ...hai tôi cho xuất bản chúng, dưới cái tên « *SUỐI BÙN REO* », vừa đề ghi một kỉ niệm riêng thời kháng chiến, vừa đề nói

lên tấm lòng (suối), hoàn cảnh (bùn) và chí hướng (reo) của mình và của một số người lúc ấy »

Mười lăm câu chuyện phụ-nữ thật dễ thương, đúng như lời « hai tôi » là đã làm dậy lên trong lòng người đọc ít nhiều xôn xao, ấm êm, nhớ nhung và suy nghĩ.

Trong sách xuất bản của Ngu-Í thế nào cũng có chút gì khác thường. Điều khác với sách thường ở nơi đây là « âm i chỉ viết với một chữ i (ngắn) mà thôi » (tất nhiên là chỉ trong trường hợp mà i = y) như « *mĩ tục* », « *phái iếu* » v.v... Thêm nữa « những chữ có đánh dấu sắc mà đọc cũng như không có dấu sắc, thì không cần đánh dấu sắc » nữa. Thí dụ trong *Lời mở lòng* trích trên đây có chữ (ngoại) *quác ! xuất (bản), lúc (ấy),* đều không mang dấu sắc.

Còn chính chữ quốc ngữ của Ngu Í, thì chỉ biểu-diễn có ở trang đầu : *Cính Yang Cha, Mẹ, và Thề, Má. YUNGU*.

Viết về Phạm Duy

Chưa bao giờ Phạm-Duy đặt khách như dạo này. Sau khi Văn-học ra một số đặc biệt về Phạm-Duy vào đầu năm nay, Thế Uyên cũng viết một bài khá dài : *Phạm Duy, người chứng một mối*, đăng trên tuần báo Khởi-hành mấy tháng trước đây. Rồi trong một số Thế-giới Tự-do mới rồi, đặc biệt về « *Nghệ-thuật ở Á-châu* », người ta cũng thấy một bài về Phạm-Duy và ban nhạc của các con anh với rất nhiều hình ảnh. Người ta được biết là nhà văn Vũ-Băng sẽ viết trên một số báo đặc biệt về « *Gia-đình Phạm Duy* ». Gia-đình tác-giả « *Mùa thu chết* » sẽ được nói đến từ thân-phụ của nhạc-sĩ là cụ Phạm duy Tồn — một nhà văn Việt-nam tiên phong ở đầu thế kỷ 20 về lối viết đoản thiên tiểu-thuyết — tới các con cái Phạm-Duy đã hai năm nay lập thành một ban nhạc trẻ « *The Dreamers* » rất là ăn khách. Ngoài ra nhà văn Tạ-Tỵ, tác giả « *10 khuôn mặt văn-nghệ* » cũng muốn dành khuôn mặt văn nghệ Phạm-Duy

Cho riêng một cuốn sách, có thể sẽ mang tên là *Phạm Duy còn đó, nỗi buồn*: Tên sách như một tiếng thở dài, nhưng chắc nội dung sẽ lý-thú lắm vì Tạ-Ty cùng tuổi với Phạm Duy, hai người cùng học với nhau từ thuở nhỏ và có với nhau rất nhiều kỷ-niệm, trong đó có cả kỷ niệm Phạm Duy đã thủ một hòn gạch ném vỡ đầu Tạ-Ty. Người ta có thể thấy tất cả các hình ảnh Phạm Duy từ thuở cấp sách đến trường, đến khi kháng chiến mặc quần áo vệ-quốc-quân, đội mũ calot, và tới lúc làm ông nội bế cháu...

Riêng trên Bách-Khoa cũng sẽ có một bài đặc biệt về Phạm-Duy nữa. Đặc biệt vì người viết lần này là một nhà nhạc-học trẻ, người Gia-nã-đại, Ông

Georges Etenne Ganthior. Gauthier từng học tại Ecole Supérieure de Musique Vincent d'Indy ở Montréal và nghiên cứu nhạc Việt từ nhiều năm nay từ nhạc cổ truyền đến nhạc mới, từ nhạc miền Bắc đến nhạc miền Nam. Ông viết một loạt bài dành cho tạp-chí Bách-Khoa bằng Pháp-ngữ mang tên là "Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy" mà ông muốn "gửi nước Việt-nam, gửi người Việt-nam mà tôi mến yêu". Loạt bài này do Tràng-Thiên phiên dịch và nếu không có gì trở ngại sẽ có thể khởi đăng từ số tới đây.

THU THỦY

HOA LẠ

Đoàn thiên và ký ức của những nữ sĩ danh tiếng Pearl S. Buck, André Corthis, Bach Vi, Kikon Yamata, Alexandra Tolstoia, Stacy Aumonier, Katherine Mansfield, Viki Baum.

Xuất bản trong tủ sách GIÓ BỐN PHƯƠNG

Bán tại: Nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Chương trình HUNG GIAO VĂN ĐÔNG

sẽ khai giảng các lớp:

TRIẾT GIÁO (Triết lý đối chiếu về tôn giáo)

THỜI VIỆT (Thời đại và Việt tính)

vào chiều thứ bảy 31-10-1970

với thành phần giáo sư:

HOÀNG SỸ QUÝ Tiến sĩ, Giáo sư Đại học.

J. BLAQUIÈRE, M. A.

S. QUERCETTI, M. A.

NGUYỄN VĂN THỌ Bác-sĩ, Giáo-sư Đại học v.v..

Ghi tên chiều thứ bảy trong tháng 10-1970 tại Văn-phòng HUNG GIAO VĂN ĐÔNG, 161, Yên-Đồ Saigon